

Tuyển tập truyện ngắn

Bình Nguyên Lộc



Trích trong
TẠP CHÍ HƯƠNG QUÊ

**tuyển tập
truyện ngắn**

Bình Nguyên Lộc

tuyển tập
truyện ngắn

Bình Nguyên Lộc

Bìa: *TVE4U*
Nguồn: *TVE4U*

tuyển tập
truyện ngắn

BÌNH NGUYỄN LỘC

MỤC LỤC

1. 20 năm và 2000 năm	11
2. Anh lười hưởng lộc	28
3. Bè lụt	47
4. Bụng làm dạ không chịu	64
5. Cây vòng nem	82
6. Con chôm chôm	105
7. Đêm tạm biệt	125
8. Gạo nhà nghèo	143
9. Gốc mai già	166

10. Gói hột dưa bí mật	186
11. Hai người xuống tinh thần	205
12. Một thảm kịch thôn quê	235
13. Năm ma	251
14. Người xỏ vàm ghé	270
15. Ông đồ gàn	290
16. Ông thầy heo	307
17. Thần Nông công thần núi	325
18. Tiến bộ và thơ	342
19. Trận giặc mòng	365
20. Không một tiếng vang	384
21. Người chuột cống	403

Trích chọn những truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc đăng trên tạp chí Hương Quê. Riêng hai truyện sau (20, 21) được lấy trong tập truyện *Thầm Lặng* của ông

20 năm và 2000 năm

Năm 1946, chú Tư Lép bị quân đội Pháp bắn chết ngay giữa sân nhà chú.

Họ nói là họ xử tử chú nhưng gia đình chú cho đó là một cuộc ám sát, mặc dầu nó xảy ra ban ngày, trước mắt cả làng.

Chẳng, ta có phương pháp bảo vệ những trái nhãn chín bằng hai cách, dùng song song với nhau. Trước hết, ta

nhập những chùm nhãn rời rạc lại thành một chùm lớn bằng trái bưởi rồi bó tất cả lại bằng đệm trăn. Nhưng mỏ của loài dơi và của vài thứ chim xé rách đệm trăn dễ như chơi, thành thử ta lại treo lên cây nhãn một chiếc thùng thiếc với bên trong thùng một khúc củi. Một sợi dây dừa cột dính vào thùng, chạy thẳng vào nhà bếp và các bà nội trợ cứ thỉnh thoảng, năm mười phút một lần, nắm đầu dây trong nhà mà giật, chiếc thùng khua lên vì bị khúc củi, như quả lắc đồng hồ, đánh vào vỏ thiếc, thế là dơi và chim chóc mới đáp xuống chưa kịp đánh chén đã hoảng bay đi mất.

Nhà chú Tư nằm dựa Quốc lộ số 1. Sáng hôm ấy một đoàn tuần tiểu quân đội viễn chinh Pháp, mười một người, thuộc đơn vị trấn đóng tại quận lỵ ở cách đó sáu cây số, vừa đi ngang qua trước

nhà chú Tư thì nghe tiếng thùng khua. Họ tìm nguồn gốc của tiếng động, và dĩ nhiên đã thấy bộ máy đuổi dơi thô sơ của dân tộc Việt Nam mà cả đời họ chưa bao giờ thấy ở nơi nào khác. Họ đoán rất hữu lý, theo lô-rít Đề-Cạt (logique de Descartes), rằng đó là cái máy báo động cho “Việt Minh” hay biết để mà chạy trốn, hoặc để mà dàn trận tấn công họ.

Họ xông vào nhà, tóm lấy ông gia trưởng đang ăn bữa cơm sáng, lôi ông ta ra sân, rồi gọi dân làng đến để chứng kiến một cuộc trừng phạt gương mẫu, ngầm nói lên rằng: ai giúp đỡ cho Việt Minh sẽ phải bị trừng trị gắt như thế.

Rồi thì... đoàng một tiếng, chú Tư Lép hóa ra người thiên cổ.

Chỉ có thím Tư là khóc kể khi nhào lăn xuống đất ôm thây chồng, còn thằng

Hòn thì như là không thương cha, đứng đó mà thần thờ cả buổi.

Suốt non mười bảy năm liền, từ năm 1946 đến năm 1954, mà ta thu hồi chủ quyền quốc gia, vùng ấy không có sản xuất nhân. Bao nhiêu nhân chín, dân làng họ nhường cả cho đám chim tha hồ làm tiệc.

Các viên thông ngôn của nhà binh Pháp cũng có người khá, và anh thông ngôn hôm đó đã cố giải thích, nhưng nói thế nào, các ông lính râu rìa cũng chẳng chịu hiểu cho, thì không mong gì rồi họ sẽ hiểu, vả lại họ chỉ trấn đóng nơi đó có một thời gian ngắn rồi được chuyển đi nơi khác, đơn vị khác tới, cũng không hiểu y như họ.

Chú Tư Lép chỉ có một đứa con là thằng Hòn, năm ấy đương mười bốn

tuổi. Ba cây nhãn trồng ở sân nhà, đã nuôi sống gia đình, vì nhãn ở miền Nam ta hiếm lắm, bán rất được tiền, nhưng nguồn lợi đã mất, đứa bé mười bốn thành trụ cột gia đình một cách bất ngờ, chẳng được chuẩn bị, võ trang gì hết, thành thử nó phải vất vả quá sức mới kiếm đủ cái ăn cho nó và cho một bà mẹ thường đau ốm.

Đứa bé mười bốn liếng thoảng và tinh nghịch ngày xưa bỗng biến thành một người lớn lăm lăm lì lì, ít nói, không bao giờ cười, lẽ dĩ nhiên không chơi giỡn với trẻ đồng lứa ở hàng xóm nữa.

Bây giờ nó đã là người đàn ông trong gia đình rồi, có trách nhiệm thành lính, mà lại là thứ trách nhiệm rất nặng của một ông gia trưởng, làm lụng nhiều thì đã đành rồi, mà thường thì chính nó phải quyết định, giải quyết những vấn đề mà

đàn bà không biết xử trí ra sao?

Năm ấy nó đang học lớp nhứt tiểu học ở trường quận thì phải bỏ học để đi làm thuê trong làng.

Dân làng, và cả má nó nữa đều thẩm đoán rằng sở dĩ nó bỗng nhiên thay tâm đổi tánh, đang nói như cuồng, đang ngịch như quỷ, bỗng câm miệng lại cả ngày và đi đâu, chỉ nhìn mặt đất như để tìm bạc rơi, đó chính là vì nó đang khơi lại mối thù và đang tìm mưu để báo phục.

Người ta định rằng nó sẽ tìm cách vào bưng biển, mà nó cũng có ý nghĩ ấy, nên thím sợ hãi lắm. Thím tư đã mất chồng, nếu thím lại mất con, thím biết dựa vào đâu, trên phương diện tình cảm? Đứa con độc nhứt này là nguồn an ủi duy nhứt của những năm còn sót lại của đời thím, nếu nó đi mất, thím sẽ

không còn lẽ sống nữa, thím lo sợ là vì thế chứ không phải vì sanh kế, bởi tuy thường đau yếu, thím cũng có thể sống lây lất được vì thím không có nhu cầu nào khác hơn là ngày hai bữa cơm ăn với muối sả.

Trong khi đó thì thằng Hòn tiếp tục, lằm lằm, lì lì, nó không buồn, nhưng có vẻ nghĩ nhiều, rõ ràng là một ông cụ non.

Năm quân đội Pháp triệt thoái, má nó thở ra nhẹ nhõm. Kẻ thù đã đi mất rồi thì chắc là nó sẽ không làm gì đáng phải sợ nữa, cho dầu căm thù nơi nó vẫn còn.

Những phần tử nạn nhờn của đạo quân viễn chinh Pháp trong làng thất vọng ghê lắm. Họ cũng căm thù, nhưng không dám hành động, họ mặc nhiên ủy quyền cho chú bé mà họ thầm khen là có “chí khí” để chú ta mạo hiểm rửa hận

cho họ. Nhưng chú ta cứ lần lựa mãi, có lẽ vì nhát gan, giờ các ông Tây đã xuống tàu hết rồi thì huê vậy!

Chú bé làm thuê được một số dân làng thăm lạng xem là anh hùng tương lai ấy, bỗng trở nên xoàng xĩnh như bất kỳ anh thợ cày nào trong làng. Tệ hơn nữa, năm ấy chú bé lập gia đình. Ở thôn quê, ngày nay lập gia đình năm hăm hai tuổi là vừa, không quá sớm, mà cũng chẳng trễ, nhưng cậu nào cưới vợ, là cậu ấy từ bỏ mộng lớn rồi vậy. Nếu Tây mà cứ còn hoành hợ ở xứ ta, cậu Hòn vẫn sẽ thủ phận làm một nạn nhơn nhĩ nại chịu đựng số phận, chớ không lẽ lúc rảnh rang, không hành động, giờ có thêm bốn phận lại đi mạo hiểm hay sao?

Người gia trưởng bấy giờ đã ra người gia trưởng rồi. Hấn biết nghề thợ mộc và

làm việc kiếm đủ tiền nuôi ba miệng ăn khá no ấm.

Nhưng hấn không hết lăm lăm, lì lì, không phải là buồn, mà như là suy tính cái gì. Nhấn đã được bảo vệ trở lại theo phương pháp ngàn đời của dân tộc, nên gia đình này lại dư ăn, cho tới năm 1965 thì ba cây nhấn cho huê lợi mỗi năm mười lăm ngàn bạc.

✱

Ông gia trưởng Hòn có được ba đứa con mà đứa đầu lòng lên bốn, tức nhà có sáu miệng ăn, nhưng vẫn no ấm như thường. Nếu ông gia trưởng trẻ này không có tham vọng làm giàu thì ông ta có thể hưởng cuộc đời một cách an ổn, không phải lo nghĩ về tương lai, bởi

nhân chưa lão, mà công việc thợ mộc thì có hoài hoài, giá sanh hoạt lên, ông lấy công lên, ông bán nhân cao giá hơn, tình hình tài chánh của gia đình không thể bị xáo trộn bất cứ vì biến cố nào.

Nhưng ông ta vẫn cứ lo nghĩ.

Mãi cho tới mùa nhân năm 1966 thì huê lợi về nhân thâu được bốn mươi ngàn vì giá sanh hoạt nhảy vọt. Các gia đình sống về nhân trong làng rất lo lắng nạn đói, nạn chim. Những cây nhân hiếm hoi trồng nơi sân nhà họ mà bị loại “bán thú bán cầm” ấy phá hại nhiều, họ sẽ mất lợi to và thật không biết lấy gì để bù đắp vào lỗ hổng, bởi gia đình nào sống nhờ nhân, ông gia trưởng cũng đã lên lão cả rồi, không còn làm gì khác hơn được.

Mùa nhân năm ấy, chú thợ mộc Hòn bớt nhận còm măng về đồ mộc. Chú bận

làm việc khác. Chú đan những chiếc giỏ bằng trúc, to hơn trái bưởi một chút, mà đương hằng trăm chiếc như vậy, không biết do ai đặt cho chú làm và để làm gì? Trúc đan những cái giỏ ấy rất khít mặt, giỏ lại có nắp đậy, mà nắp thì được chừa một lỗ rộng bằng một chiếc nắp tin nước mắm.

Một ngày sau khi chú thợ Hòn xong công việc đan giỏ thì dân làng mới hiểu. Giỏ có nắp, khi đậy nắp lại, nó biến thành những chiếc lồng kín.

Chú thợ cũng bắt đầu bó nhân bằng đệm trần, vì đệm trần cầm giữ hương nhân, nhưng ngoài những cái túi đệm trần ấy, chú ta còn dùng lồng trúc bao phủ kín đáo các bó nhân. Cái lỗ chừa lại nơi nắp lồng, là để cho các nhánh nhân nhỏ của các bó nhân có chỗ mà liên lạc với các bó nhân trĩu đầu cành.

Mặt trúc đan nhặt ngăn được cả những con chim sâu nhỏ, những con chim húp mật tí hon nữa, mặc dầu hai loại chim này không phá nhãn, nhưng chú thợ Hòn cứ để phòng mọi bất trắc vì dơi con có thể cũng phá nhãn như dơi lớn.

Sướng nhé! Các bà nội trợ hết là nô lệ của sợi dây dưa suốt mùa nhãn mà cứ năm mười phút một, các bà phải giựt một cái. Các bà có thể đi chợ, đi đây, đi đó, vì nhãn đã được bảo vệ thật chắc chắn, hữu hiệu rồi, bằng giải pháp này.

Cả làng, rồi cả vùng đều bắt chước chú thợ Hòn.

Thì ra, từ hai mươi năm nay, nghĩ ngợi của chú ta là nhằm việc phát minh nho nhỏ này. Những phút mà chú ta thần thờ trước thi thể của cha chú ngày xưa,

có lẽ là những phút chú tự hỏi sao dân tộc ta không tìm cách bảo vệ nhãn hữu hiệu hơn và ít tốn thì giờ hơn là khua thùng thiếc, một bộ máy dị kỳ làm cho ngoại nhân hiểu lầm.

Những người dân làng ham trả thù, đã xem thường chú thợ Hòn này từ mấy năm nay, giờ họ lại khinh chú ra mặt. “À, thì ra nó bận tâm vì lợi, chớ không phải vì thù nhà, nợ nước!”

Cũng khó mà bênh vực chú thợ Hòn, trước loại dư luận này. Nhưng mà sinh hoạt của cả một dân tộc nếu bị độc loại hóa trong suốt hai mươi năm thì ai cày ruộng để nuôi lính, ai cất nhà cho toàn dân, ai bốc thuốc cho các con bệnh. Đó là nói về nợ nước. Còn thù nhà thì một cuộc phát minh có lợi cho đoàn thể, không gỡ tội đứa con bất hiếu (nếu quả là có tội bất hiếu) được hay sao?

Chỉ phiền là – đây là ý kiến của phần tử ôn hòa – chỉ phiền là chú thợ nó đã bỏ ra quá nhiều thì giờ, những hai mươi năm trường mới nghĩ được một cái giỏ giản dị, không có gì đáng thán phục cả.

Chú thợ Hòn đã trở lại thành một người bình thường từ ngày bao cái túi đệm trần bằng giỏ trúc, chú hết nhìn mặt đất, nghĩ ngợi lung tung, hết bắn hăn, bó hó nữa, hơn thế, đã biết cười, đã chịu nói năng, bỗng dưng chiêu trở lại như trước, khi nghe lời phê bình trên đây.

Chính chú ta cũng chợt thấy rằng mình đã phí quá nhiều năm tuổi để chỉ phát minh ra được một cái giỏ không có gì là phù thủy, là đáng kinh ngạc cả.

Chú ta lại chun trở vào cái vỏ im lặng của chú trong nhiều tháng trời.

Nhưng một hôm, một người cuối thôn cũng phê bình như thế, trong một bữa ăn giỗ kia. Chú thợ Hòn đã uống đến ba ly rượu để nhỏ rồi, và rượu chắc đã bấm vào cái nút điện bí mật nào nơi trí óc của chú, nên chú tìm được “cái lẽ” của cuộc lãng phí tuổi đời của mình. Chú nói to:

– Các chú, các bác, có biết dân ta đã bỏ ra bao nhiêu năm để phát minh cây sào lồng bẻ xoài hay không? Tôi thì tôi tin rằng chắc họ nghĩ kể hằng trăm năm mới tìm được một cách bẻ xoài vừa an toàn cho sinh mạng họ, vừa an toàn cho những trái xoài như ngày nay. Các chú, các bác quen mắt thấy cây sào lồng không có gì đáng phục, nhưng mà không phải là đầu hôm sớm mai, người ta nghĩ ra được dụng cụ đó đâu.

Nhưng hai mươi năm, năm mươi năm, một trăm năm tìm tòi, mà không uổng công đối với tiện lợi cho cả hai, ba ngàn năm, dân ta đã bẻ xoài ít lắm cũng từ hai ngàn năm rồi!

Vậy thì hai mươi năm lo nghĩ của tôi, đâu có phải là hai mươi năm lãng phí.

Anh lười hưởng lộc

Chiều. Anh Ngọt buồn lắm vì không có ai để nói chuyện chơi thì bỗng anh được ngay một trò giải trí: một bầy mối có cánh, di cư theo bản năng để “lập quốc” ở một nơi xa tổ ấm và rơi rớt dọc đường ở sân nhà anh, và bao nhiêu thằn lằn và cóc ở nhà anh đều hoan hỉ đổ xô ra sân để mở đại yến.

Đó là một bữa ăn ngon – chắc là thịt mối rất thích khẩu chúng nó – mà mỗi

năm, chúng được hưởng có một lần, vào mùa di cư nầy thôi.

Anh Ngọt không phải là người hung ác thì cái việc con vật nầy xơi con vật khác, riêng lấy nó, không vui mắt anh đâu, nhưng cảnh tượng trước mắt anh, làm anh nghĩ ngợi lung tung và quên được nỗi buồn chiều hôm ở thôn quê.

Trước hết anh lấy làm kỳ cho loài mối lắm: Tại sao không ở yên lành trong gò mối cả kiên cố lẫn ấm cúng? mà một số nhỏ lại mọc cánh để di cư, mà rốt cuộc chỉ có độc một con là được tới đích để sanh con đẻ cháu, tạo lập cơ đồ, còn bao nhiêu con khác đều chết đường chết sá hết?

Ý nghĩ nầy dẫn tới ý nghĩ khác và anh hình dung ra một gò mối. Danh từ gò mối gợi ý niệm nhà cửa, rồi trí anh

phối hợp hai ý “gò mối” và “nhà” lại, để tạo nên bài toán sau đây:

Hiện anh ở trong một cái nhà tranh vách tre đan, y như bao nhiêu dân làng anh, từ bao nhiêu đời rồi.

Vách tre đan, mát nhà không chỗ che, vào mùa nực. Nhưng qua mùa mưa to gió lớn (sắp đến nơi rồi, sau mùa di cư của loài mối cánh) và nhứt là đến mùa gió Bắc về, thì loại vách lại từng đảng với lạnh lẽo, không bảo vệ chủ nhà nữa. Nhưng nó hữu lý và nó là bạn của gió Nồm thì đâu có hóa kẻ thù gió Thu, gió Bắc, bởi các thứ gió đều có họ hàng với nhau, nếu không phải chỉ là một thứ mà bị loài người đổi tên khi nào gió chuyển hướng.

Anh Ngọt thấy rằng dân làng anh lười lắm, không ai chịu cất nhà vách đất

hết, vì xây vách đất mà trổ cửa sổ thì cũng mát không kém vách tre đan.

Anh quyết định ngay rằng anh sẽ cất một nhà tranh vách đất, cất ngay ngày hôm sau nầy cho xong trước khi mùa mưa tới, mà phải dùng đất gò mối mới được, vì đất gò mối tốt hơn bất kỳ loại đất sét nào khác.

Nhà anh đã cũ lắm rồi và chỉ nhỏ bằng bàn tay xòe, thì phá bỏ, anh không tiếc gì hết. Vật liệu mới, không tốn tiền mua, còn công thợ anh cũng khỏi trả, bởi chính anh làm lấy mọi việc.

Anh Ngọt còn trẻ, nóng tánh, nên lập xong dự định là anh đứng lên, toan chạy nhảy vì bị phẫn khởi, kích thích quá độ.

Bỗng anh thấy dạng hai người đi trước hàng rào của anh. Anh nhìn ra thì

đó là Hai Mẹo và Sáu Lô.

Hai người nầy đi riêng lẻ với nhau chứ không phải cùng đi đâu đó. Anh gọi cả hai vào sân để khoe cái nhà mà anh... chưa cất.

– Chú Hai ơi! Anh Sáu, vô tôi nói cái nầy cho mà nghe.

Hai người nầy cũng chẳng có việc để làm, buồn quá, họ đi cà rêu như vậy mà chẳng biết đi đâu, nên nghe gọi, họ mừng rỡ, đẩy cổng tre vào sân anh Ngọt liền.

Anh Ngọt vô để liền, vì anh ngứa miệng lắm:

– Nè chú Hai, nè anh Sáu, ngày mai tôi sẽ cất nhà mới.

– Vậy hả? Hai Mẹo hỏi, bộ mấy tính cưới vợ hả?

– Không. Tôi phá bỏ nhà nầy, cất nhà vách đất, ở sướng hơn.

– Mất công lắm! Sáu Lô nhận xét.

Sáu Lô là kẻ lười nhứt làng. Anh ta là bọm nhậu, mà bọm nhậu không ăn uống bao nhiêu, có thể xài món xa xỉ phẩm “lười” mà khỏi sợ chết đói.

– Ủ, mất công thật, nhưng tôi không ngại, vì tôi ưa ở nhà vách đất.

– Mầy nói mai cất nhà mới, sao bữa nay nhà cũ vẫn chưa dỡ? Hai Mẹo hỏi.

– Không cần dỡ. Tôi chỉ đắp đất sét trộn với rơm lên vách tre cũ là đủ rồi. Tôi chưa mấy lỗ để làm cửa sổ, vách tre cũ ở chỗ mấy cái lỗ đó thủ vai song cửa.

– Mầy làm ăn như vậy hổng được đâu. Đất nó không chịu dính, sẽ rã xuống hết cho mà coi.

– Tôi tin chắc là được, vì tôi dùng đất sét gò mối, nó dẻo như cơm nếp, trét đâu dính đó. Cái gò mối mà tôi chọn là gò tốt nhứt. Nó lớn bằng cái nhà bếp tôi, nghĩa là dư đất để xây bốn tấm vách từ nền lên tới nóc nhà, nếu xây vách thêm cho nhà bếp cũng hỏng hết đất. Mà chú cũng biết rằng gò mối càng lớn, đất càng dẻo.

– Gò mối nào vậy?

– Cái gò ở gốc cây gần bờ suối ấy mà!

– Ý! mẹ ơi, bộ mấy muốn tự tử hả? Đó là ổ cạp.

Không hiểu sao mà giống cạp rất thích gò mối, không phải để núp rình mối như người ta lầm tưởng, mà chỉ để nằm dựa vào đó những trưa nóng bức thôi. Đất gò mối mát lắm chẳng?

Trong khi anh Ngọt hết cả hồn vía thì Sáu Lô nheo mắt mà cười, một nụ cười hóm hỉnh.

Khu rừng sau làng, nơi có cái gò mối khổng lồ ấy, chỉ là rừng chồi, làm gì có cạp! Hai Mẹo là nhà âm công hương thôn, nghĩa là chú ta làm cái nghề ấy có nửa phần công việc, là bán hòm với lại tản liệm thôi, chứ không phải là nhà giàn, phu đòn.

Chú ta rất cần đất sét gò mối, thứ đó tốt hạng nhứt, để trét hòm sau khi tản liệm, mà cái gò mối do anh Ngọt chọn lại tình cờ trúng vô cái nguồn đất vô tận của chú ta.

Chim trời, cá nước, ai bắt được nấy ăn, chú ta không có quyền ngăn cấm anh Ngọt nên mới hù anh nầy bằng câu chuyện bịa là cái ổ cạp tưởng tượng ấy.

Anh Ngọt nhất như thỏ đế, lại không thạo chuyện rừng rú nên nghe dọa là sợ ngay.

Cười xong, Sáu Lô đề nghị:

– Chú em mày ăn ở cũng dễ thương, vậy để tao giúp cho về mặt an ninh, hầu chú em mày có thể lấy đất mà không nguy cho tánh mạng.

– Anh giúp được hả?

– Bảo đảm. Tao có cách. Cứ yên tâm. Sáng nay, tao lại đây hồi hừng đông rồi tụi mình đi với nhau.

– Vậy thì cảm ơn anh Sáu lắm.

Hai Mẹo nhìn Sáu Lô bằng nửa con mắt rồi xây lưng đi liền, không một lời từ giã ai hết. Sáu Lô lại nheo mắt cười và hỏi:

– Chú mày có biết vì sao mà Hai Mẹo giận dữ hay không?

– Tại tụi mình nhỏ mà không chịu nghe lời chú ấy nên chú ấy bị mịch lòng.

– Ủ, tại vậy đó.

Sáu Lô rất hài lòng mà thấy Ngọt không hiểu gì cả, và cố phụ họa theo hần. Đoạn anh hỏi giọng nửa đùa nửa thật:

– Chú mày sẽ trả ơn tao bằng gì?

– Tôi cũng nghèo, vậy thôi thì anh cứ ăn cơm với tôi trong mấy ngày tôi lấy đất.

– Cũng được. Nhưng tao không cần ăn cơm lắm. Tao chỉ muốn một thứ thôi.

Anh Ngọt hơi lo, hỏi:

– Anh muốn món gì? Nhà tôi không có gì đáng giá hết.

– Không, ai mà báo cho mày phải chịu tốn hao. Tao chỉ đòi quyền hưởng con mối Chúa trong ruột gò mối thôi.

Ngọt cười ha hả mà rằng:

– Để anh nhậu chơi? Tôi hiểu rồi. Ngõ gì chớ món đó thì tôi phải nhường cho anh, chớ tôi đâu có biết nhậu.

Mỗi gò mối có độc một con mối Chúa, nó chỉ làm công việc đẻ con mà thôi, nhưng nó được nuôi dưỡng toàn bằng chất đại bổ, nên nó ngon không tưởng tượng được và bọm nhậu rất khoái.

Nhưng không anh bọm nào đủ can đảm đào phá cả một gò mối để bắt một con mối nhỏ. Mỗi Chúa to thật đó, và

con mối Chúa của cái gò mối cây cây dễ thường to bằng ngón cái! Nhưng như thế cũng còn nhỏ quá đối với công đào, bới.

Vì vậy mà cái anh Sáu Lô lười nầy mới trợ lực với anh Ngọt, để ngồi không mà hưởng món ngon.

Anh lười nào cũng thích ngủ nướng và dậy thật trưa. Nhưng sáng hôm sau đó, Sáu Lô đúng hệt y như một anh con trai có hên lần đầu tiên trong đời cậu ta, với một cô gái đẹp.

Cả hai rời làng ngay để vào chồi, khu chồi nầy cũng gọi là rừng vì nó rộng bằng mấy trăm mẫu lện.

Sáu Lô võ trang bằng một chiếc mâm thau nứt, khiến anh Ngọt ngạc nhiên lắm, tự hỏi: “Va làm sao đuổi cạp được bằng thứ khí giới dị kỳ ấy?”

Độ một tiếng đồng hồ sau, họ nghe tiếng suối reo róc rách, và thấy cây cây với dưới gốc cây cổ thụ ấy, cái gò mỗi khổng lồ.

Sáu Lô cúi xuống đất, lượm một nhánh cây khô rồi đánh vào chiếc mâm như đánh phèn la.

Tiếng mâm nứt kêu rè rè nghe mệt nhọc như gần đứt hơi, vậy mà anh Sáu lại tuyên bố:

– Chú nó khởi công được rồi đó, cộp nó nghe tiếng thanh la, đã hoảng vía chạy mất rồi. À nè, làm việc phải có phương pháp khoa học mới được. Chú nó cứ đào, đào hoài trong hai ba ngày, chùng nào cả cái gò mỗi nẩy đổ hết rồi thì chùng ấy mới gánh đất về, chớ không phải đào được gánh nào, mang về gánh nẩy đâu nhé!

– Ủ, như vậy cũng tiện.

Anh Ngọt đâu có dè rằng mình mà làm việc “khoa học” cái kiểu đó thì nội nhứt hôm nay Sáu Lô có thể có được món nhậu rồi.

Trong khi anh Ngọt nai lưng lớn để đào thì Sáu Lô ngồi chồm hổm trên cỏ mà hút thuốc phì phà và thỉnh thoảng đánh lên một tiếng “xèng” rè rè, nhừa nhựa...

Đào được một tiếng đồng hồ, mồ hôi của anh Ngọt toát ra đầm đề, trông anh, người ta tưởng anh mới tắm từ dưới suối lên.

Anh nghỉ tay, vắn thuốc hút rồi hỏi:

– Tôi đã gặp mỗi lu bù rồi, anh coi chùng tôi cuốc trúng con mỗi Chúa của anh thì chết.

– Không sao đâu, chưa tới ổ của nó mà! Nó ở sâu lắm, chừng nào gần tới là tao biết, tao dặn cho mà coi chừng.

– Cái ổ của nó ra sao, anh?

– Nói đúng ra thì đó là cái buồng riêng của nó, hình tròn và lớn gần bằng một trái bưởi nhỏ, bên trong láng bóng như lòng của một tô bằng sứ Tàu.

– Xào, nấu cách nào mà ăn, anh?

– Bắt sống nó, đem về nhà tức tức, rồi bỏ nó vào một cái chén nước mắm đầy. Bà Chúa chỉ biết để chớ đâu có biết bơi lội gì, thành thử bà Chúa trong lúc chết chìm, uống đầy một bụng nước mắm.

Xong đâu đó, nhúng bà Chúa vào một mớ bột mì trộn nước sền sệt, rồi thì cho vào chảo mỡ.

Mỗi Chúa lăn bột, chín vàng lườm, vớt ra là bắt thềm rượu tức khắc.

Chú nó sẽ được chia phân nửa. Nè, chú cắn vô một cái, chất bổ trong bụng nó tan biến ra trong lưỡi, đủ vị ngọt, béo, bổ, tả không nổi

– Trời, nghe nói tôi cũng bắt thềm rượu để.

– Ủ, vậy thì ráng mà đào, chú em. Hễ gần tới cái buồng đẻ của bà, qua sẽ báo động cho chú em hay, chú em phải nhẹ tay như là đếm trứng gà vậy nghen!

Hút xong điếu thuốc, anh Ngọt lại vác cuốc lên đào nữa.

Lần này, anh ta đào hăng hơn trước nhiều, mặc dầu mỗi nhỏ bị phá ổ, chạy tán loạn, bò lên cán cuốc để leo lên tay

anh mà cần, khiến anh làm việc khó khăn hơn nhiều.

Thình lình hai người nghe trong khối cây lá một tiếng “soạt” rất to, rồi có tiếng gầm lên dữ dội.

Sáu Lô quăng chiếc mâm thau nứt, vừa nhảy vừa la:

– Cọp, cọp, bố làng xóm ơi!

Anh Ngọt sợ quá sức nên điếng hồn đứng chết sững, không bước đi được lấy một bước, mà cũng chẳng kêu lên được nửa tiếng.

Và con cọp ... xuất hiện liền sau đó. Đó là chú Hai Mèo. Chú ta vuốt râu ngạnh trê, cười hể hể mà rằng :

– Cái thằng Lô thỏ đế ấy mà đòi giữ chùng cọp cho mây, thật là xỏ lá, Nhưng

quả thật nó có tài miêu tả. Tao ngồi núp trong bụi, nghe nó tả con mỗi Chúa uống nước mắt, lăn bột chiên tao bắt cháy nước miếng.

Vậy để tao giữ cọp cho mây đào, và dĩ nhiên là con mỗi Chúa sẽ về tao ghen.

Anh Ngọt cười ngất, rồi nói :

– Bây giờ tôi mới hiểu cái vụ cọp này. Nhưng được, chú cứ hưởng, tôi chỉ cần đất thôi. Còn anh Sáu Lô, anh có trở lại, hai người giành nhau cách nào, tùy ý.

– Mười mặt nó cũng không dám trở lại đây. Chắc nó đang báo động cả làng hay là mây đã bị cọp tha đi mất rồi.

Bè luật

Cốc ... cốc ... cốc ... cốc ... cốc...!

Tiếng mõ tre kêu cứu giữa đêm khu-
ya, từ dưới sông Đồng Nai vang dội lên
làng nằm ven bờ sông, báo hiệu cho dân
làng – không cho các nhà khai thác lâm
sản biết rằng một bè cây đang “luật”.

Mặc dầu trong vòng ba mươi năm
nay, người ta kéo cây từ rừng sâu về
Sàigòn bằng xe cam nhông, những chiếc

xe be dài thậm thượt, lối vận tải bằng đường thủy vẫn còn, vì nhiều khu rừng ở sâu quá mà không có đường xe, không làm sao lưu cây bằng đường bộ được.

Thợ rừng đốn cây xong, cho trâu kéo be bằng rừng ra bờ sông Đồng Nai, miệt trung lưu, kết bè trên những thân be nặng nề ấy rồi cứ để đó vài tháng, đợi mùa nước.

Mưa xuống vài tháng nữa là mặt sông Đồng Nai dâng lên cao, bè thả trôi xuống Sài Gòn dễ dàng và nhứt là không tốn hao đồng xu xăng, nhứt nào cả.

Tuy nói thế, chớ bè không đi thẳng Sài Gòn đâu, mà phải ghé lại đồn kiểm lâm tại chợ Tân Uyên để đóng thuế. Thành thử bao nhiêu nhà khai thác lâm sản mà dùng lối thủy vận đều đóng đô ở Tân Uyên để lo thuế vụ, giấy tờ cho tiện,

mà nhứt là để kiểm soát thợ rừng. Ấy, Sở Thủy Lâm cần kiểm soát các nhà khai thác lâm sản, còn các nhà nầy lại cần kiểm soát anh em thợ rừng, họ ăn gian các ống bằng trăm mưu ngàn kế, kể ra không xiết.

Chẳng hạn, trước mùa cây, họ mượn tiền của ông X. nhưng bè xuống, họ lại giao cây cho ông Y. để lấy thêm tiền mặt. Chẳng hạn, họ có thể giao cây cho ông X. nhưng mượn mười, họ chỉ giao năm, bịa ra rằng cây đứt dây khi bè đi ngang những thác nước đá hàn. Ông X. cần kiểm soát coi dây đôi cột cây vào bè, đứt tự nhiên vì nước hàn xô đẩy quá mạnh? hay vì thợ rừng tự ý chặt cho nó đứt? hai lối đứt rất khác nhau, nhà chuyên môn trông qua là biết ngay.

Những cây be bị chặt đứt chìm xuống đáy hàn ấy, đối với các nhà khai thác lâm

sản, kể như bỏ đi rồi. Ấy vậy mà qua mùa khô, hàn cạn, các ông thợ rừng trở lên hàn, lặn xuống vớt lên để bán cho người khác.

Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc ...!

Bè lụt!

Cả làng đều nói lên hai tiếng đó, nói để mà nói chớ không nghĩ gì cả, bởi bè không phải là tài sản của họ, nói vì quen miệng hàng trăm năm trước, sự rủi ro này, trong mùa nước, năm nào cũng xảy ra vài mươi đám.

Bè to quá và nặng quá, mà nước lụt lại chảy xiết rất mạnh: bè đang trôi ngon trớn không dễ gì mà khi đi ngang qua chợ Tân Uyên, người thả bè lại ghé vào được.

Ghé không được, bị đẩy trôi luôn gọi là “lụt”.

Nhà nhà nói với nhau: “Bè lụt” mà không nghĩ gì cả, nhưng các nhà khai thác lâm sản lo lắng. Họ phải cho xuống nhỏ, do các tay bạn bơi chèo thiện nghệ rượt theo bè ngay, để bắt kịp bè, hầu phục vụ với người thả bè, cứu bè vào bờ, bến tạm nào đó, càng gần chợ càng hay, bởi để bè trôi xa chợ quá, vài hôm sau, mời Sở Thủy Lâm đi kiểm soát rất khó khăn và rủi ro nó trôi tới đồn kiểm soát thứ nhì nằm cách đó hai mươi cây số thì rắc rối không biết bao nhiêu: đồn này có thể bảo rằng đó là cây lậ, và phạt rất nặng.

Đồn Thủy Lâm Tân Uyên là đồn tiền tuyến mà bè nào qua khỏi đó một cách không công khai là nguy.

– Bè lụt!

Người dân nói với nhau như vậy, nhưng không biết là bè của nhà khai thác nào? Nhưng các nhà khai thác thì biết.

Mỗi thợ rừng của nhà khai thác lâm sản ở đây, đều có ước lệ với chủ nhơn về lối đánh mõ báo động, mỗi giọng mõ tre là một lối ký tên, các nhà khai thác lâm sản chẳng những biết, bè gặp nạn là bè của mình, mà còn biết cả kẻ thả bè tên là gì? Cây đốn ở khu rừng nào? Be gồm bao nhiêu be? thuộc loại cây gì? Cây ấy là be, tức còn nguyên vỏ, hay đã được đẽo vuông rồi?

Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc ...!

– Bè lụt!

Người dân thường chỉ nói thế rồi thôi, riêng lần này, họ kinh ngạc hết sức.

Năm nay trời ít mưa, mực nước lên không bao nhiêu và sức nước đổ chỉ vừa chừng thôi. Như vậy, bè không thể lụt được, và đây là đám bè lụt đầu tiên trong mùa, bè này có lẽ là bè cây thứ một trăm đã tới đồn Tân Uyên.

Các tay thợ rừng chuyên sống về rừng nhưng họ cũng tài dách về việc thủy vận. Thường thì khi bè xuống, còn cách chợ Tân Uyên độ một cây số ngàn, họ cột một đầu đôi vào eo ếch, rồi họ bỏ bè, nhảy xuống sông để lội vào bờ.

Họ nhẹ nên vào bờ tương đối dễ, vậy mà cũng phải bị đẩy trôi bảy tám trăm thước họ mới đạt mục tiêu.

Tới bờ, họ tìm cây to mọc dựa bờ sông, cột đầu dây đôi vào đó, mấy công việc này mất độ mười phút nữa và bây giờ, bè cũng đã trôi tới nơi rồi. Lẽ cố

nhiên bè bị giữ lại vì đầu đôi kia còn cột vào bè.

Năm nay, sức nước đổ yếu ớt như thế này thì dây đôi không thể đứt được và bè không thể lụt được, bằng có là từ hôm đầu mùa tới hôm nay, dân làng chưa hề nghe tiếng mõ tre báo động lần nào cả.

Bấy giờ là chín giờ đêm. Trời mưa lâm lâm. Bà Cả Sởi nghe giọng mõ, nhận ra bè của nhà bà, bà hoảng hốt, nói với ông đang bình tĩnh ngồi hút thuốc trên ghế trường kỷ:

– Ông ơi, bè ta lụt!

Ông Cả Sởi phà khói chằm rãi rồi cười khà, làm như không có việc gì xảy ra cả.

– Nguy quá ông ơi, thằng Xốp lại không có nhà đêm nay, bà nói tiếp, giọng

càng hoảng hốt, càng bối rối, tuyệt vọng.

*

Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc... Cốc ...!

Thằng Xốp là thằng người nhà, thường nó làm công việc vặt, nhưng qua mùa hè, nó là tay thiện nghệ rượt bè lụt bằng xuống nhỏ. Nó điều khiển chiếc xuống ba lá nhỏ bằng bàn tay của ông Cả trên một dòng sông nước đổ cuồn cuộn vào mùa nước lũ, dễ như chơi thôi, như ta điều khiển một chiếc quạt giấy, và nó chèo thế nào mà xuống chạy như gấn máy sau lái, không hề có chiếc bè lụt nào mà vượt khỏi tay nó, trong một lộ trình tối đa là năm cây số đường nước, mặc dầu bè lớn phải trôi mau gấp năm lần xuống nhỏ.

Ông Cả Sỏi cười khà rồi nói :

– Bà chỉ truy tầm được có phần đầu của căn cước chiếc bè. Đó là bè của ta. Nhưng tôi thì tôi lại biết thêm rằng: bè ấy do thằng Tư Gân thả.

– Gần hay xa gì, cũng phải cứu nó chứ !

– Khởi ! Nó là thằng thợ rừng, thợ thả bè giỏi nhứt nước ta thì không lý gì nước đổ yếu như vậy mà bè nó lại lụt.

– Biết đâu là vì rủi ro dây đứt ?

– Dây của nó là đôi mới mua hôm đầu mùa, không thể đứt được !

– Nhưng mà sự thật là nó đang kêu cứu đó.

– Thây kệ cha nó ! Mai sáng, tôi xuống An Chũ là nắm đầu nó được liền.

Làng An Chũ sống về công nghệ cửa gỗ nằm cách đó bốn làng.

– Bộ ông nghi nó

– Chớ sao ! Nó chỉ giả bộ lụt thôi, rồi một tuần lễ nữa, nó về mếu máo, khóc lóc nói rằng bè trôi tuốt ra biển. Nó đã làm như vậy một lần, cách đây mười năm, hồi nó còn mần ăn với chú Huấn. Chú Huấn là các chú, không biết gì hết ở xứ này, chớ tôi thì nó qua mặt sao được ! Đòi thuở nào bè lại trôi tuốt ra biển vì chỉ có sông Đồng Nai là bị lụt thôi, còn sông Bến Nghé, thì không ? Khi bè trôi ra tới ngã ba Đồng Nai và Bến Nghé tức là tới Nhà Bè thì bè phải trôi chậm lại, ghé bờ dễ như ăn cơm.

– Nhưng sao nó lại...

– Vì nó là thằng bất lương số dzách. Bà biết không, có những năm

nó ở không, không thềm lên rừng mần ăn gì hết, mà vẫn có tiền xài như tôi với bà.

Để tôi kể một vụ ăn cướp của nó cho bà nghe.

Bà nên biết rằng các “ụ” cây ở Chợ Lớn, thí dụ như “ụ” Vĩnh Hưng Long, nó đồ sộ quá xá ngán, họ mua cây tích trữ trong ụ, tàu mà chở cũng không hết.

Thường thì bè xuống tới nơi, ngả giá xong rồi, họ cho chặt dây cho cây chìm xuống đáy ụ của họ. Đó là một lối cất cây rất hay, để khỏi tốn một đám đất, lại khỏi sợ trộm cắp, hơn nữa, cây ngâm bùn ngâm nước lâu ngày, tốt lắm, ít bị mọt ăn về sau, mà cũng ít rút lúc cửa ra thành ván.

Ày, thằng Gấn nó sắm một chiếc bè tre chỉ có tre không mà thôi, rồi thả

xuống Chợ Lớn, canh thế nào mà xuống tới ụ Vĩnh Hưng Long thì đúng chín giờ tối như bây giờ.

Lẽ dĩ nhiên là nó đóng thuế đàng hoàng, nhưng mà thuế bè tre, không đáng kể.

Ông Vĩnh Hưng Long và người nhà của ông vốn quen mặt nó từ nhiều năm rồi, cho nên nó xin đậu bè, ngủ trong ụ rất dễ dàng.

Khuya lại, nó lặn xuống đáy ụ, nâng cây của người ta lên ...

– Làm sao nó nâng nổi ?

– Ày, cây nặng thật, nhưng ở dưới nước sao nó lại nhẹ hều, tôi cũng không biết nữa. Một cây be, trên đất mười người khiêng mà còn cóng róng, vậy mà từ đáy sông nâng lên mặt nước, chỉ một người

làm cũng đủ rồi, miễn là nâng mỗi lần một đầu cây thôi.

À, nó lặn xuống, nâng cây lên, rồi cột dưới dạp bè tre của nó. Xong rồi nó rửa bùn bám vào cây thật sạch, làm như là cây còn mới, từ rừng mới về.

Thế là sáng ra, nó bán cây của ụ Vĩnh Hưng Long cho chính ông Vĩnh Hưng Long. Ông ấy có cả ngàn cây dưới ụ như vậy, không kiểm soát được, hễ thấy cây sạch sẽ, tức còn mới, da có mang dấu búa kiểm (búa kiểm soát của Sở Thủy Lâm) là ông ta mua ngay.

– Trời đất, quỷ thần ơi ! Cái thằng thật là quân ăn cướp cạn.

Ông Cả cười ha hả rồi cải chánh:

– Không, nó ăn cướp dưới nước chứ!

Bà cũng cười rồi hỏi :

– Nhưng ông thành thạo như vậy, sao nay nó lại dám toan qua mặt ông ?

– Bà quên mất rằng thiên hạ đã đồn tôi chết hay sao ?

Quả thật thế. Cách đây nửa tháng, ông Cả Sỏi thỉnh linh ngất đi giữa nhà việc làng. Người ta phải khiêng ông về nhà bằng võng, thế nên mới có tin đồn ấy !

Cái tin vệt đó, đi mười lăm ngày mới tới tận rừng sâu, tận tại Tư Gân. Hẳn ta thả bè trước khi tin cải chánh đến nơi, thành thử hẳn nghĩ bụng rằng bà Cả thật thà, lại đang buồn vì cái tang mới chắc là không thiết đến công việc làm ăn nữa, nên hẳn quyết làm một cú đêm nay để kiếm bạc các một cách khỏe ru.

Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc
...! Ông Cả Sỏi cười khà rồi nói thêm :

Thằng Gân đã mần ăn với nhiều người rồi, rất nhiều tay làm cây nhận được giọng kêu cứu của nó đêm nay.

– Tôi dám chắc rằng họ cũng đang cười thầm như tôi đang cười lớn bây giờ, vì họ biết nó quá nhiều.

Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc ... Cốc
... !

– Mai này, ông Cả nói, tôi không đi một mình, mà đi với ông Kiếm. Như vậy không phải chỉ có thằng Gân sẽ bị nắm đầu, mà cả thằng cha Hương Nghiệp cũng bị ông Kiếm nắm đầu tuốt. Nó là chủ một trại của chuyên môn mua cây lậu của những chiếc bè lậu... giả.

Bụng làm dạ không chịu

Từ sáng tới giờ, thầy Ba chưa nếm qua món quà nào mà chị thầy khệ nệ từ quê nhà, một làng hẻo lánh trên tỉnh Bình Dương, mang xuống biếu vợ chồng con cái của thầy hết: chuối nguyên quả, dừa nguyên buồng, bánh trắng, bánh tổ, bánh ít.

Chuối, dừa, bánh trắng, bánh ít gì ở đây đều có bán cả, mà còn ngon hơn quà ấy nữa, bánh tổ là món ăn chơi rất khá, nhưng chưa phải lúc ăn vội vàng. Nhưng

trong bữa cơm tối, có một món mà thầy vừa ăn qua một đĩa thì chưng hửng nói:

– À, cái này ngon lạ !

Đó là món giá đậu phộng xào.

Món này, thuở nhỏ ở nhà quê, thầy Ba vẫn có ăn, nhưng lâu lắm rồi, thầy không được nếm tới nữa, nên quên mất đi. Cô Ba là người gốc Hậu Giang, ở một tỉnh không trồng đậu phộng được, và chính chị của thầy Ba đã dạy em dâu làm món ăn nhà quê đó.

Giá đậu phộng quả ngon hơn giá đậu nành nhiều, còn nói gì giá đậu xanh thì thua nó rất xa.

Thầy Ba lại gấp đĩa thứ nhì, lần này thầy ăn chậm rãi hơn, để ngậm mà nghe, hầu thưởng thức cho thật tận cùng mùi vị của món ăn này và nhứt là để sống lại

tuổi thơ ấu của thầy.

Màu sắc, âm thanh, nhứt là mùi vị có khả năng đánh thức tình dĩ vãng xa, nên thầy Ba bỗng như được một chiếc đũa phép, một cây gậy mầu đưa về thời thơ ấu mà thầy đã trải qua ở nhà quê.

Sau nhiều phút sung sướng tinh thần, thầy lại trở về với sung sướng vật chất là đũa giá xào thứ ba.

Thầy trách vợ :

– Món này ngon quá, mà má nó lại không bao giờ làm, cứ than không biết lấy gì để đổi bữa.

Nhưng chị thầy cười rồi đáp hót :

– Ở Sài Gòn đâu có bán giá này mà trách mợ nó không mua.

– Sao lại không có bán ?

– Có đâu mà bán.

– Không có ? Sao chị có mà cho vợ chồng tôi đây nè !

– Không ai mà ủ giá đậu phộng hết. Giá này là giá lượm mót ngoài đồng.

– Sao họ không ủ, hả chị ?

– Vì ủ bán không được.

– Không ủ, chị lấy đâu mà có đây ?

– Đã nói lượm mót kia mà. Chẳng là sau khi ta nhổ đậu rồi thì những hột rụng xuống đất, gập đất xộp và tương đối ẩm ướt, mới đâm mộng rồi thành giá. Trẻ con chúng nó đi mót về bán cho người trong làng.

– Lạ quá ! Món ăn ngon như thế này mà không ai nghĩ đến việc ủ giá đậu phộng. Cũng là một mối lợi chớ !

– Cậu nó không biết chớ phần đông người mình cũ ăn giá đậu phộng.

– Sao vậy chị ?

– Họ nói là giá này độc lắm.

– Mà có độc thật sự hay không ?

– Nếu độc, tôi đã chẳng đem xuống đây.

Cô Ba từ nãy giờ chỉ làm thinh, vì, như đã nói, cô gốc người khác địa phương với thầy, còn dốt về giá đậu phộng hơn thầy nữa, thì còn biết gì để nói. Nhưng giờ thì cô có ý kiến đây, một ý kiến rất là sáng suốt :

– Như vậy, muốn cái chợ Sài Gòn có bán giá đậu phộng cho ta ăn thì phải quảng cáo món xào này. Có người tiêu thụ thì sẽ có người sản xuất.

– Hay lắm, thầy Ba khen. Vậy chị Hai mai mốt gửi xuống cho nhiều, nhiều để mẹ nó biếu bà con lối xóm mỗi người một đĩa ăn chơi.

– Họ không dám ăn đâu, vì họ cứ tin là độc lắm. Người chị của thầy Ba nhắc lại điều đó. Chỉ có vài gia đình hiếm hoi như họ nhà ta, mới dám ăn vì biết rằng giá đậu phộng không độc chút nào.

– Chị đừng lo. Vợ chồng tôi có tài tuyên truyền rỉ tai và sẽ thuyết phục được cả đô thành cho chị coi.

– Ủ, cậu giỏi thì thuyết phục họ, nhưng tôi e tới già cậu mợ cũng chẳng thành công. Dân chúng nước nào cũng thế, về bệnh hoạn, y khoa và ăn uống, họ có những tin tưởng rất là kỳ dị, và bám níu vào những tin tưởng ấy rất mạnh. Như trên tỉnh của ta, họ tin như đinh

đóng cột rằng ăn măng cụt với đường thì chết tức tởm.

Cô Ba hỏi:

– Nhưng có quả thật hai món ấy kỵ với nhau hay không, chị?

– Ai biết đâu! Măng cụt đã ngọt gần như đường rồi thì còn ai điên để ăn măng cụt với đường thử xem có chết hay không?

Nếu quả hai thứ ấy mà kỵ nhau, cũng chẳng hề gì, bởi không ai có thể chết vì hai thứ không bao giờ đi chung với nhau. Vậy mà họ cứ sợ, cái sợ cha truyền con nối, mẹ dạy con điều đó như là dạy đạo lý luân thường, chủ nhà căn dặn khách xa mới tới như là thiên hạ ai ai cũng cần ăn hay thèm ăn măng cụt với đường vậy.

– Chị đừng có tưởng ba nó nói dỏm. Ba nó với em đã hoạt động cho trái đu đủ và thành công rực rỡ.

– Hoạt động cho trái đu đủ làm sao?

– Chị có nhớ hay không? Cách đây mấy mươi năm, dân ta – hay ít lắm, cũng là người miền Nam ta – rất sợ đu đủ vì họ cho rằng trái đu đủ rất độc.

Nhớ đâu là năm 1944 thì phải, đu đủ chỉ bán có một xu một trái mà chẳng ma nào mua.

Năm ấy ba nó cưới em....

– Ủ, chị nhớ ra rồi. Trái đu đủ quả không có giá trị thương mại nào hết. Nó là thứ trái cây hạng bét, còn rẻ hơn chuối hột nữa.

Vợ chồng em rất kinh ngạc mà thấy

Tây họ ăn tráng miệng bằng đu đủ, mỗi ngày hai bận, vậy mà họ cứ sống nhăn ra.

Ba nó mới chạy đi hỏi một ông bác sĩ quen, ông ấy lại chuyên môn về khoa dinh dưỡng, để tìm biết rõ về thứ trái rất ngon, vợ chồng em rất thèm ăn, nhưng không hề dám ăn.

Ông bác sĩ ấy nghe hỏi lẩn thẩn, cười ha hả rồi đùa:

– Ta thì cái gì cũng đọc tốt hết. Cá rô, đậu phộng, ăn sanh phong nhức mình; đàn bà đẻ ăn chuối sứ chết không kịp trời; tàu hủ ăn với mật ong là đình chỉ hô hấp tức khắc. Toàn là chuyện huyền thoại hoang đường. Cứ ăn đi, chỉ e nó bỏ rồi lên cân, phải bỏ áo quần cũ hết.

Thế là vợ chồng em tha hồ ăn đu đủ chín, một xu một trái. Ba nó tánh thái lại

mà cũng có lòng nhơn nên thuyết phục em hãy cùng ba nó hiệp sức lại để thuyết phục thiên hạ.

Năm sau, em sanh thằng Cần, và ba nó cho em ăn đu đủ ngay trên giường đẻ. Thiên hạ đồn rùm lên, đoán rằng thế nào em cũng cho con em mỗ côi mẹ nay mai gì đó. Nhưng mà rồi em cứ sống nhăn.

Bỗng thấy Ba hạ đũa xuống rồi nói:

– Ý, mà không nên!

– Không nên cái gì? Cô Ba hỏi.

– Không nên quảng cáo cho giá đậu phộng.

– Sao lạ vậy? Già rồi đâm xấu bụng hử?

– Ừ, xấu bụng đó! Không phải tại già mà vì kinh nghiệm bản thân.

– Kinh nghiệm làm sao? Người chị cả của thầy Ba hỏi.

– Chị không thấy đu đủ từ một xu lên tới hai chục đồng một trái hay sao?

– Là tại giá sanh hoạt lên nên món gì cũng lên hết.

– Không phải vậy. Món gì cũng lên giá, song không có món nào mà năm 1944 đến nay lại leo tới hai ngàn lần nhiều hơn.

Tại thiên hạ đua nhau mà nghe lời tuyên truyền rĩ tai của tụi tôi, nhà sản xuất không sản xuất kịp, món hàng cứ khan hiếm hoài, mà lại là hàng được ưa chuộng nữa. Không khéo tụi tôi sẽ là nạn nhân của công trình phổ biến giá đắt phồng, gây ông trở lại đập lưng ông cho mà coi!

Người chị cả của thầy Ba cười ngất rồi nói:

– Cậu ích kỷ lắm!

– Phải ích kỷ trong vài trường hợp ở đời, chị à. Ai cũng phải vị kỷ trước rồi mới vị tha chớ, trừ vài đức thánh ra. Ta là phàm phu tục tử, ta nặng lòng vì quyền lợi riêng, ai cũng thế chớ không riêng gì em của chị đâu.

Cả hai người đàn bà đều nín lặng vì họ khó chịu trước yêu ngôn trắng trợn quá của người gia trưởng còn trẻ này.

Họ cũng nghĩ như em họ, như chồng của họ, nhưng không đủ can đảm nói ra, nhưng họ chỉ nghĩ phơn phớt vậy thôi vì lòng họ không thật nặng lắm bởi quyền lợi riêng như người đàn ông này. Vì vậy mà họ mới khó chịu.

Lâu lắm, cô Ba mới tự hỏi lớn lên:

– Không biết có cách nào mà giúp được người khác, lại không làm hại cho ta hay không?

Cô Ba chỉ nói bằng quơ chớ không hỏi riêng ai, cũng chẳng thấy được lối thoát nào.

Người chị cả của gia đình, có lẽ tới đây, chắc cũng không có tia sáng nào hé trong trí bà, nhưng câu hỏi ấy như là bấm vào một cái nút điện nó huy động cả một bộ máy suy luận của bà.

Người ta kể rằng thuở bé, nhà bác học Einstein mỗi hôm đi học về, mẹ ông thường hỏi: “Hôm nay con có đưa tay lên để xin hỏi thầy một câu hay ho nào hay là không?” Bà không hỏi “Hôm nay con có được điểm cao hay không?” như các

bà mẹ khác hay hỏi. Ấy, có lắm câu hỏi còn đặc dụng hơn là lời răn dạy, hoặc bài học giá trị nhứt.

Người chị cả đặt chén cơm xuống, rồi nói:

– Mãi cho tới bây giờ, người mình cũng không hề trồng đu đủ. Ở trên làng ta, đu đủ tự nhiên mọc, nghĩa là trẻ con ăn đu đủ vớt hột ra ngoài ranh rồi gặp điều kiện thuận lợi, những hột ấy mọc mầm, rồi trưởng thành trong sự bấp bênh, vì nó có thể bị chính trẻ con nhổ đi vì nghịch, bị người lớn phát ngã rạp lúc làm vườn. Thế nên năm bảy nhà mới “rủi ro” có một cây đu đủ.

Mấy năm sau này, trên Xuân Lộc người ta khẩn đất hoang, lập sở đu đủ hẳn hoi, trồng cả ngàn cây, nhưng số sản xuất vẫn chưa đủ cung ứng cho sức tiêu

thụ, vì vậy mà đu đủ mới mắc giá.

Nếu năm ấy cậu mợ vừa quảng cáo cho cái ngon, cái bổ của đu đủ, mà đồng thời ở thôn quê lại có người quảng cáo cho nguồn lợi do đu đủ gây cho nông dân, thì mỗi nhà đã trồng vài cây, không choán bao nhiêu đất, mà ngoài chợ đã không quá hiếm trái đu đủ.

Cây đu đủ đẹp lắm, trồng ngoài sân làm cảnh còn đẹp mắt hơn là vài loại cây cảnh khác thì việc trồng đu đủ tiện lợi mọi bề, rất dễ xúi họ làm.

Đó, dung hòa hai thứ khó đi đôi với nhau theo cách ấy thì đôi bên đều được hưởng lợi.

Người chị cả nói triết lý rẻ tiền, nhưng triết lý của bà gắn gũi với đời sống hàng ngày nên nghe không lỗ bịch.

Phải có thể quân bình mới được, trong mọi việc. Anh Hai của cậu mợ, ổng tài giỏi lắm, siêng năng lắm mà làm ăn cứ thất bại hoài và anh chị cứ nghèo hoài.

Ổng làm nhiều thứ đồ bằng gỗ sơn mài chẳng hạn như tranh tứ thời, như lọ cắm hoa, như bìa tập an-bom, mà ổng tham, muốn thợ quá đông, sản xuất ra nhiều quá, quên mất rằng số người tiêu thụ loại hàng ấy chỉ có hạn thôi, hóa ra chôn vốn năm này tới năm khác.

Thầy Ba đã gấp tới đĩa thứ hai mươi cái món giá đậu phộng xào. Thầy ngưng đĩa trước khi đưa món ăn vào miệng, cười hể hể rồi nói:

– Vậy một mặt tôi tuyên truyền ăn giá đậu phộng, một mặt chị tuyên truyền ủ giá đậu phộng, chắc thành công.

– Ủ, nhưng còn lâu nhen, cậu nó!
Không phải hô lên là họ theo ngay đâu,
nhứt là nông dân. Tôi phải quảng cáo
trước cậu vài năm mới được.

Cây vòng nem

Ngay mà giá sanh hoạt thành linh nhẩy vọt lên, thầy Thế nghĩ ngay đến người dì ruột của thầy trong Xóm Gà.

Không, thầy không phải là một đứa cháu chí hiếu lắm đâu, mặc dầu thầy đã trợ cấp cho dì mỗi tháng một ngàn đồng bạc.

Bà dì ấy là em ruột của mẹ thầy, dì có một người con gái độc nhứt, nhưng cô

ấy tay cán giá nên không lấy chồng được, ở nhà nuôi mẹ với đồng tiền lời mà cô ấy kiếm được trong một thứ thủ công nghệ hạng bét: chiên khoai lang, rắc đường cát lên để bán cho trẻ con trong xóm.

Thầy Thế nghĩ tới dì thầy trước hết mọi người, trước hơn cô nhơn tình của thầy nữa, chính là nghĩ đến thế bí của thầy vậy.

Một ngàn bạc mà thầy để ra, để trợ cấp cho người dì đó, là một hy sinh rất lớn của một tư chức còn trẻ mà không có tương lai. Nghề thơ ký đánh máy của thầy không giúp thầy có một tia hy vọng nào ở một ngày mai khá giả hơn.

Nhưng không giúp dì thì không được.

Cô em họ ấy làm không đủ ăn, giá sinh hoạt lên là cái dịp tốt bất ngờ cho

những chị em buôn gánh bán bưng: rau, đậu ba đồng, họ bán chín đồng, nhưng khoai lang chiên là món ăn chơi của trẻ con, chúng nó hy sinh cho xôi, cho bắp để điểm tâm, hết cả tiền rồi, còn tiền đâu mà ăn quà cho vui miệng nữa?

Nhưng miệng đói thì đầu gối phải bò, tục ngữ ta thật là thực tế và đúng. Bà dì từ bao năm nay, không hề có sáng kiến nào, bỗng dưng nghĩ ra một sanh kế mới.

Nhơn một bà hàng xóm biểu bà một chiếc nem, khoe rằng đó là nem ngon nhứt xứ, xứ ở đây là một vùng đất rộng, đường bán kính vài mươi cây số, tức là Hốc Môn chạy đến Thủ Đức, từ Lái Thiêu chạy đến Nhà Bè, mà trung tâm điểm là Xóm Gà, như dịp đó, bà dì của Thế mới nhận định rằng: người thời nay làm nem dở quá!

Thuở bà còn thanh xuân, bà không hề nổi tiếng về nữ công, nhưng nem mà bà làm ra, mười lần ngon hơn loại nem “ngon nhứt xứ” này.

Thế rồi hai mẹ con của cái gia đình tuyệt đối thủ cựu và thụ động nầy bỗng dưng làm cách mạng, và đổi nghề ngang xương, đầu hôm sớm mai.

Bà dì của Thế dùng số tiền mà Thế vừa trợ cấp ngày hôm trước, để làm vốn. Họ đã mạo hiểm đến Thế phải hoảng lên, vì nếu họ đứt vốn trong vòng ba ngày thì họ sẽ không đủ tiền để ăn cơm tháng đó, còn chàng thì không có tiền để trợ cấp thêm.

Hai mẹ con bà dì của Thế quyết định làm nem mà chưa có thị trường, thịt nạc nuột lưng giá 280 đồng một kí lô mua ở chợ đen, vậy mà họ cứ làm, y như là cờ

bạc, lại đánh cầu âu nữa, chỉ đánh hai cây trong hai ngày mà thôi, vì ngày đầu họ chỉ dùng nội một kí lô thịt, với mỡ hoa, lá, là đi đứt 350 đồng rồi, không thể tiếp tục vào ngày thứ ba được, ngày ấy họ chỉ còn có 300 đồng thôi, nếu thu tiền nem của ngày thứ nhứt về chưa được thì đành nghỉ một vài hôm vậy.

Nem của ngày đầu ấy, họ bỏ chịu cho một cái quán nhậu gần ga Đông Nhì cũ, vì người ta không cần, đừng có mong tiền trao cháo múc.

Ngày thứ nhì, hồi bốn giờ chiều, cô em bạn dì của Thế vừa mang hai xâu nem hai mươi chiếc tới thì bà chủ quán mừng rỡ trả tiền ngay cho cô ấy lại còn còm mặng một số nem bằng hai, cho ngày thứ ba, đưa cả tiền trước nữa là đàng khác.

Thế là nem của bà Sáu Xóm Chùa

Dược Sư đã bắt đầu nổi danh. Nem bà Sáu “lên” như diều, hết quán nầy hỏi, đến quán kia đòi, nhà bà biến thành xưởng vì bà phải mượn thêm năm nhơn công phụ nữ trong xóm mới đủ tay làm để cung ứng nem cho thị trường. Thời vận của bà Sáu hanh thông và cứ lên như vậy cho tới Tết là bà và con bà muốn sụm vì thị trường đói hàng, cung không kịp, thức sáng đêm để làm mà bảy người thợ ấy không sản xuất đủ để thỏa mãn thị trường.

Nhưng ra giêng thành linh hàng bị ứ đọng mặc dầu bà Sáu đã sản xuất ít lại, sản xuất theo mức độ của tháng mười một ta mà thôi.

Hỏi các quán, họ cũng chẳng biết tại sao, chỉ nói vu vơ rằng họ chê nem dở hơn buổi đầu, họ chê ngay từ đầu tháng Chạp lận, nhưng tháng ấy nem vẫn bán

được, còn được nhiều hơn trước đó nữa, vì nhờ đó là tháng Tết, sức tiêu thụ nhiều một cách bất thường đó thôi.

Tuy trong lúc đó, bà Sáu còn khá, vì mỗi ngày không bán được ba trăm chiếc nem như hồi tháng mười một, chớ bán một trăm chiếc cũng còn lời dư ăn, nhưng bà Sáu vẫn lo.

Bà lo vì số nem bán ra, không sụt nhiều quá trong một ngày, nhưng mỗi ngày đều sụt mười, mười lăm chiếc, và cái đà “xuống thang” tuy chậm mà rất đều. Cái mới là đáng sợ.

Bà Sáu đã có đói rồi, nên bà rất lo đói. Bà không ham làm giàu, chỉ mong bán ra mỗi ngày năm, ba mươi chiếc nem, do hai mẹ con tự làm lấy, còn thợ thì sẽ cho nghỉ việc hết, hiện bà đã cho nghỉ hết ba người rồi, nhưng mong mỗi

của bà sẽ tiêu tan như khói vì cái đà sụt dễ sợ này.

Bà bứt đầu, bứt tai mà kêu trời, cho rằng khách hàng khó tánh, và khẩu khế thay đổi khó lường. Nhưng cô con gái của bà, thực tế hơn khuyên dứt bà:

Má đừng có than, vô ích. Khách họ có bậy làm sao đi nữa, mình cũng phải ráng mà chiều theo cái bậy của họ, không thì chết đói.

Nhưng tao còn biết theo bằng cách nào bây giờ? Thì cũng bao nhiêu người đây, cũng bao nhiêu công việc như trước mà ta làm y hệt như lúc mới ra nghề, chớ có thay đổi món nem, có thêm hoa da, bột hoa mỡ, có rang thính kèm theo đâu!

Những bà hàng xóm, biến thành thợ

nem phụ còn sót lại, mà chỉ những bà bị cho nghỉ việc cũng xác nhận rằng bà Sáu nói đúng sự thật. Họ còn khen bà Sáu làm ăn cẩn thận, ba ngày Tết, sản xuất rất nhiều, như vậy mà bà coi chừng, coi đổi bao nhiêu người phụ việc ấy luôn luôn, sợ họ mệt quá, đâm ra cầu thả rồi cái phẩm của nem bà xuống dốc.

Thế đã khởi trợ cấp dì của thầy nhưng tháng nào thầy cũng vô Xóm Gà một lần, như trước đây, để thăm dì, mà cũng để thưởng thức món nem của người dì khéo tay trong thời buổi phụ nữ không còn mấy người biết nấu ăn theo đường lối cổ truyền.

Chúa nhật ấy, Thế vào nhà là thấy dì ngồi khoan tay rế, mặt buồn hiu, thợ làm nem đã bị giải tán hết cả, chỉ còn cô em họ của thầy. Cô ấy đang lau lá chuối một mình. Ấy, dì của Thế cẩn thận y như

người xưa, làm bán cũng kỹ lưỡng như làm để ăn, lá chuối gói nem, luôn luôn được lau sạch sẽ, chớ không như các “lò” nem ngày nay, họ cứ để lá vậy mà gói thịt, cho đến lớp lá vòng bên trong, đụng chạm với món ăn mà họ chẳng buồn lau nữa là lá chuối bên ngoài.

Thế hơi lo lo khi nghe dì hỏi:

– À, cháu vô chơi hả, có gì lạ không?

– Thưa dì không. Cháu ngỡ thấy sự lạ ở đây kia chớ.

Cô em họ của Thế chào anh rồi đáp hót:

– Anh nói rất đúng. Nem bán mỗi ngày chỉ còn được bốn chục chiếc thôi, một mình em cũng dư sức làm. Đó, sự lạ ở đó.

Thế làm thỉnh, nhìn cô em họ, rồi nhìn bà dì. Bà hỏi:

– Dạo sau này con ăn nem, thấy có kém sút hơn trước hay không? Thế lại làm thỉnh vì thấy sợ mịch lòng dì. Cô em họ của thầy nói:

– Chắc chắn là anh có nghe nem ngày nay thua năm ngoái. Có phải không, anh cứ thẳng thắn nói giùm đi, để tìm phương mà cứu giùm cái nghề của má em.

– Ờ... hơ... quả thật, nem ngày nay có thua năm ngoái!

– Nó thua làm sao? Bà dì hỏi.

– Thật là con nói ra không được, chỉ nghe là nó ngon không được như trước.

– Đó, má thấy hay không? Cô em họ của Thế nói với mẹ. Thiên hạ có sai lầm, ta cũng phải chiều ý họ. Nhưng chưa

chắc họ đã sai, bằng có là anh của con cũng cho rằng nem kém hơn trước.

– Khổ quá! Chắc là phải chịu đói thôi, chớ tao có biết sao mà tính bây giờ?

Thế đi lại bộ ván bên phải mà trên đó cô em họ của thầy đang lau lá, rồi hỏi nhỏ:

– Có thật nem bán không chạy nữa hay không em?

– Thì anh cứ nhìn nhà vắng hoe là đủ biết. Tháng trước đông rần rần, năm người thợ với hai người nhà, vui không biết bao nhiêu.

– Khách họ chê hả?

– Dạ. Nhưng má em với em, với lại mấy bà thợ cũ tìm hoài mà không biết tại sao nem lại hết ngon một cách vô cớ.

Cô em họ của Thế đã lau xong lá chuối, giờ cô lau lá bên trong. Thế ngồi nhìn cô em làm việc vài mươi giây, bỗng thấy cái gì hơi là lạ, chàng hỏi:

– Ủa, sao lá trong lại như vậy? Lá gì đây nè?

– Lá gáo đó anh à! Cả xóm này chỉ có một cây vông mà nhà này đã hái hết lá, sau sáu tháng gói nem, nên phải gọi mua lá gáo này tận trên An Nhơn, trên ấy cũng không có cây vông nào hết.

Thế dăm chiêu mấy mươi giây rồi day qua hỏi dì :

– Dì ơi, hay là tại cái này ?

– Cái gì ?

– Tại lá trong không còn phải là lá vông nữa !

Hai người phụ nữ làm thính trong sự kinh ngạc. Đó là một nghi vấn mà họ mới nghe đặt ra lần đầu trong đời họ. Từ bao đời bao kiếp rồi, dân ta, hay ít ra dân miền Nam, thính thoảng cũng dùng vài loại lá khác không phải là vông, để làm lá trong.

Lâu lắm, người dì này bật cười rồi hỏi :

– Con có chắc là tại như vậy hay không ?

– Con tin là tại vậy, vì con vừa tự đặt ra câu hỏi này :

– Tại sao từ bao đời bao kiếp rồi, ta cứ gói nem bên trong bằng lá vông chứ không dùng lá khác ?

– Có dùng lá khác chứ !

– Thừa con biết, mà ít khi lắm, chỉ dùng tạm vậy thôi, vì lẽ này hay lẽ khác, nhưng luôn luôn là dùng tạm.

– Ủ, rồi sao ?

– Có lẽ họ kinh nghiệm rằng gói bằng lá vòng thì nem ngon hơn. Nếu không phải như vậy, thì tổ tiên ta, và ta luôn nữa, có thể dùng bất cứ lá gì, không có trọng dụng lá vòng đến như vậy đâu.

Bà dì làm thỉnh, nhưng con bà nói :

– Em muốn nghe lời anh, thí nghiệm thử coi.

– Tao cũng thấy là thí nghiệm không hại gì hết, nhưng khó kiếm lá vòng, khó quá.

– Mình đâu có đi kiếm hồi nào mà má nói là khó với dễ ! Hôm tháng trước,

cây vòng đây trọi lá, lá non mọc ra chưa kịp thì có người đề nghị chở lá gáo xuống cho mình, mình nhận mua liền, vì đang lúc quá cần, không kén chọn được, nhưng chắc làng khác cũng còn được một cây vòng chở !

Nhơn dạo này ít công việc, để má làm nem, con đi kiếm vài ngày là được.

– Khổ quá, sao ngày nay họ không trồng cây vòng nữa không biết. – Thế hỏi lớn lên như vậy.

– Là tại không ai cần dùng lá vòng, dì đáp.

– Sao lại không cần, dì ! Dân ta còn ăn nem kia mà.

– Người mình còn ăn nem, mà không còn làm nem nữa. Thế bật cười :

– Chớ dì đang làm nghề gì đây ?

– Dì làm nem, nhưng tại dì làm nem để bán, nên các gia đình khỏi phải làm nem như ngày xưa. Ngày xưa, nhà nào cũng làm lấy mà ăn, lá vòng, đi xin ở hàng xóm được. Mấy người trồng vòng là mấy người rất ghét cái tật đi xin món này, món khác của hàng xóm. Trong một làng thế nào cũng có năm bảy người ghét như vậy, đó là những người họ đồng ý với nhau để chia công việc, cho đỡ tốn đất, nhà này trồng cây vòng thì nhà kia trồng cây ngải, nhà nọ trồng bồ ngót, rồi họ trao đổi với nhau các thứ, khi nào cần đến.

Ngày nay, cả một vùng chỉ có một người làm nem, ai mà thèm trồng vòng giùm cho họ, vì họ đâu có trồng thứ cây khác cho người khác.

Bà dì không hay lý sự này, tự nhiên mà đưa ra một sự thật lớn, trong lúc tìm cách cắt nghĩa nguyên nhân thiếu cây vòng cho cháu của bà nghe.

Nhưng sự thật lớn ấy, bà gọi ra mà không nắm được, chính người cháu này mới là kẻ nhận thức sự thật đó là cái hại của việc canh tác nội một thứ, dầu lúa bắp, rau đậu hay bất cứ nông sản nào khác.

Ta làm ruộng, nhưng đồng thời ta cũng trồng bắp, trồng khoai, nếu rủi ruộng có thất mùa ta còn có thể nhờ khoai, nhờ bắp để ăn đỡ lòng. Ta trồng các thứ ăn được, ta lại trồng những loại cây kỹ nghệ như cao su, ky náp, cây sơn.... để xuất cảng, ngõ hầu lấy ngoại tệ nhập cảng những đồ thiết dụng khác, như thuốc trụ sinh là một.

Dầu cho huê lợi của thứ nầy không bằng huê lợi của thứ khác, nhưng nông dân họ không luôn luôn chạy theo cái lợi. Dân Biên Hòa trồng bưởi bán được rất nhiều tiền, nhưng diện tích đất tốt dùng để cấy lúa lại một trăm lần nhiều hơn diện tích trồng bưởi, nên biết rằng đất của các ruộng khô ở Biên Hòa trồng bưởi tốt lắm, chớ không phải là vì đất ruộng không thích hợp với bưởi mà họ không trồng bưởi.

Đó là một sự thật lớn thứ nhì mà đương sự, tức nông dân, có lẽ không ý thức mà Thế lại vừa được biết. Sự thật thứ nhì nầy là nông dân họ trực giác được rằng trồng một thứ, nguy lắm, nên mặc dầu không có ai chỉ vẽ, hướng dẫn, họ tự nhiên mà hành động vẫn đúng.

Bỗng Thế lại tìm ra một sự thật thứ ba nữa, mà đáng lý thì thầy đã thấy ngay

từ lúc mới bàn cãi về việc trồng cây vông. Sự thật thứ ba ấy là ngày nay, loài người có khuynh hướng phân công triệt để. Quả thật phân công lợi hơn là một người tự làm lấy bao nhiêu công việc, nhưng phân công quá trớn không khỏi vấp ngã có ngày.

Ngày nay thì kể cả nông dân cũng không làm nem mà ăn, không gói bánh tét, bánh ếch gì hết, bởi làng nào cũng có lò cung cấp bánh cho dân cả làng. Nhưng ai trồng cây vông, hờ trời ?

Khám phá về một sự thật thứ tư, làm cho Thế suy nghĩ lung tung. Là một khi cơ cấu xã hội thay đổi đột ngột quá, con người rất bỡ ngỡ và thường làm sai, vì một cuộc xáo trộn tự nhiên phải xảy đến. Vụ trồng cây vông nầy là một chứng minh rất cụ thể. Ta tiến từ chế độ làm lấy đủ thứ công việc đến chế độ phân công

chỉ có mấy năm thôi, không có sự chuẩn bị, chuyển hướng gì cả, các lò nem có muốn tự trồng lấy cây vông cũng không trồng kịp.

Thế suy nghĩ miên man vì thầy chưa quyết định cưới cô gái mà thầy yêu. Cô ấy chấp nhận trọn vẹn những tư tưởng quá mới trong khi là gái mới lớn lên, cô ta chưa biết rằng ta đã sẵn có một số vốn tinh thần, vút đi hết một lần một không đúng. Vậy thì có thu nạp gì thêm, ta cũng nên đi từ từ, chớ mà cào hết vào thúng thì chỗ đâu mà đựng, cái cũ đang đầy thúng, cái mới muốn có chỗ nằm, phải chen lấn, gây cảnh hỗn độn.

Mọi người trong nhà này ít hay nói, nên Thế làm thỉnh mà nghĩ ngợi này giờ rất lâu, mà dì của thầy và cô em họ của thầy không ngạc nhiên gì ráo.

Thình lình thầy bật cười. Thầy cười vì ba chiếc lá vông dắt thầy đi xa quá, đi tới hôn nonh rất khao khát mà chưa dám ấy, thật là ngộ nghĩnh cho dòng cảm nghĩ của con người, dễ thương nó còn dài hơn bất kỳ trường giang nào trên quả đất này.

Hai người đàn bà không hiểu Thế cười gì, cũng cứ cười theo.

Con chôm chôm

Thằng Ất, một thằng bé chăn trâu mười hai tuổi hót hơ hót hải chạy về xóm, nhanh như bị chó điên rượt.

Chưa tới nhà Sáu Theo, nó đã réo inh ỏi:

– Bác Sáu ơi, bò của bác ăn nhầm con chôm chôm!

Sáu Theo trông nghề trông mía lau. Anh chỉ có một mẫu đất, nhưng anh

cũng có sấm bò để cày vì bò còn dùng được trong nhiều việc khác nữa.

Trong tỉnh Biên Hòa, đất canh tác thường thường khô ráo, nứt là đất trồng mía lau, nên chỉ người ta cày bằng bò, như bên Tây, chớ không phải cày bằng trâu. Trâu trong tỉnh rất ít, chỉ dùng để cày những đám ruộng sâu hiểm hoi, hoặc để đem vào rừng sâu kéo gỗ mà thợ rừng đốn xuống, cần được đưa ra bến nước để kết thành bè, hay bến cam nhông để chở theo đường bộ về các tỉnh thành.

Anh Sáu Theo đang đờn rổ xúc cá, nghe réo ngỗng cổ lên:

– Con chôm chôm!

Anh chỉ nghe tiếng trẻ réo anh, và chỉ nghe được có hai tiếng “chôm chôm” thôi, vậy mà anh lại chết điếng trong mấy mươi giây.

Bảy giờ thằng Ất đã tới cửa ngõ nhà anh rồi, và thở hổn hển, nó lặp lại:

– Bác Sáu ơi, bò của bác ăn nhằm con chôm chôm.

Bò trong làng, người ta thả cho chúng tự do đi ăn cỏ ở mấy cánh đồng hoang, vào mùa có cỏ, chớ khỏi chần giữ gì cả, khác với trâu, nhưng trẻ chần trâu lại theo trâu, không phải để chần mà để thỉnh thoảng ngăn trâu chém lộn với nhau.

Thằng Ất quen thân với gia đình Sáu Theo, biết mặt hai con bò của anh Sáu, nên nó tự động chạy về để báo tin chẳng lành.

– Con bò nào?

Sáu Theo hỏi một cách ngớ ngẩn, có lẽ là vì anh quỳnh lên, không biết phản

ứng ra sao, nên mới hỏi bảy một câu thật là vô ích, vì đó là một tai nạn cần được cứu trị thần tốc thì phải liệu phương giải cứu con bò mắc nạn, chưa liệu được mà đòi biết con bò cần phải cứu thì mất ngày giờ một cách vô lý quá.

– Con bò Khứu, thằng Ất đáp.

Những nhà lân cận nhà anh Sáu Theo đều nghe rõ mấy câu đối thoại trên đây, và họ là người ngoài, nên họ bình tĩnh được, rủ nhau chạy ra đồng.

Anh Sáu Theo là đương sự, nhưng anh lại theo sau thiên hạ, bộ tịch thiếu nào khôn thể tả.

Độ tàn nửa điệu thuốc vắn theo kiểu ổ sâu Kèn, cả bọn đều tới bãi tha ma đầu làng mà mấy trận mưa đầu mùa đã nhuộm xanh mặt đất vàng hoe từ non sáu tháng nay.

Đây là cánh đồng lớn nhứt trong làng, không canh tác được vì đất sỏi, nên trâu bò trong làng được tự do tung hoành nơi nầy, khỏi bị chủ ruộng, chủ vườn nào xua đuổi hết.

Họ thấy con bò Khứu của Sáu Theo đứng yên như để chụp hình chó không cúi xuống bứt cỏ như bao nhiêu con vật khác, mà cũng không ngẩng lên để trở con mắt tròn xoe ra nhìn loài người không hiểu sao lại kéo đến đó đông đảo như vậy?

Bụng con Khứu phình lên như là ăn no lắm vậy, mặc dầu bấy giờ chỉ có chín giờ sáng và mặc dầu cỏ đồng mới mọc vài tuần, không đủ cho trâu bò trong làng ăn no được, cho dầu là chúng ăn cho tới chạng vạng tối.

Ông Hai Nghị hỏi lớn:

– Có ai chạy giỏi, trở về xóm đi kiếm nước mắt lâu năm được hay không?

Nhưng ông Tư Nha đề nghị:

– Khỏi! Phải nhóm lửa lên cho mau để hơ bụng nó.

Dân quê miền Nam tin rằng ở dưới cỏ đồng có một con vật nhỏ xíu, hễ bò mà ăn phải nó thì chướng cái bụng lên rồi lăn đùng ra mà chết.

Từ ngày miền Nam được khai hoang cho đến nay là trên ba trăm năm rồi mà chưa hề có ai ngó thấy con vật ấy ra sao cả, nhưng không hiểu sao, họ lại biết rằng nó là nguyên nhân của bệnh chướng bụng của bò, và lại đặt tên cho con vật bí mật ấy hản hời: đó là con chôm chôm.

Thỉnh thoảng có người bắt được một loại nhện đồng, nhỏ bằng mút dứa, chơ

cẳng cao nghệu, ốm nhom, đầy lông lá, và quả quyết rằng đó là con chôm chôm, nhưng không ai đủ can đảm cho bò mình ăn thử con chôm chôm, coi quả nó gây được bệnh chướng bụng của bò hay không?

Cả hai phương thuốc của hai ông lão đều được dùng. Trong khi thằng Mùi chạy về xóm để tìm xin nước mắt lâu năm, là nước mắt mà người ta chôn dưới nền nhà năm, bảy năm và tin rằng nó có được tánh tiêu trừ bá bệnh, nhứt là bệnh nắc cục và bệnh bò chướng bụng, thì những người còn lại chạy vô chòi gần đó, để lượm nhánh khô mang ra cả đồng, đoạn nổi lửa lên.

Con bò Khứu chướng bụng được dẫn lại gần đồng lửa. Hông bụng của nó được hơ, được thoa nhưng nó đã bắt đầu sôi bọt mồm và bụng nó càng phồng càng

chương lên trông thấy.

Dân làng bấy giờ càng phút càng kéo ra đồng đông đảo.

Cũng như đối với bệnh tật của đồng loại, người mình ai cũng là thầy thuốc cả, và ai cũng ngửa mách thuốc.

Ông Sáu Thoàn đến sau ông Hai Nghị và ông Tư Nha lắc đầu, nói:

– Không xong rồi! Chớ phải chi mà kêu tôi sớm tôi tìm bò cạp núi, cho chích một cái là hết lập tức.

Hai Nghị và Tư Nha tức lắm, hỏi móc lò:

– Anh tìm bò cạp núi mấy năm mới được một con mà đòi được kêu sớm?

Bò cạp núi là loại bò cạp to bằng con tôm hùm, thỉnh thoảng người ta mới gặp

được một con trong rừng.

Nước mắt lâu năm đã được thăng Mùi đem tới. Không biết nhà Mạnh Thường Quân nào lại giúp nguyên một chai đầy, nếu để trị bệnh cho loài người thì cả làng uống mới hết, nhưng có lẽ nghe nói trị bò, nên kẻ có thứ của quý ấy đành phải hy sinh vậy.

Lửa đã không có hiệu quả thì nước mắt đến nơi thật là phải lúc.

Chỉ phiền không biết làm thế nào để cho bò uống vì nó ngậm mồm lại cứng ngắt, không buồn ăn uống gì nữa hết.

Trong đám người đi cứu bò, có cả đờn bà nữa. Bà hai Thượng nói:

– Tui nuôi heo, hể nó bệnh thì tui nói lại với ông tui, với lại sắp nhỏ của tui đè ngựa nó ra, rồi cạy miệng nó mà đổ

thuốc vô. Bò thì cũng phải làm như vậy chứ biết sao.

Tất cả đồng thanh khen hay. Chỉ phiền là đê ngựa một con bò, không dễ như đê ngựa một con heo vậy đâu.

Heo chơn cẳng yếu hơn, nắm chơn nó mà giựt thì nó té nhào, rồi mặc sức mà đê sấp, đê ngựa, đê nghiêng gì tùy ý. Nhưng bò thì cẳng coi nhỏ vậy chứ vững như bốn cây trụ trồng xuống đất.

Chỉ có mỗi một cách là khiêng cho nó hồng chơn lên khỏi mặt đất rồi lật nó lại trên không trung, đoạn mới hạ nó xuống. Mà bao nhiêu người mới khiêng nó nổi cách ấy, vả nó cũng chẳng dễ yên cho ta khiêng.

Tuy nhiên khó mà rồi rốt cuộc cũng được vì họ đông lắm, và họ hì hục cả

tiếng đồng hồ mà làm sao không thành công.

Chỉ tức là khi con Khứu được đê ngựa lên cỏ thì nó đã cứng đờ rồi, thuốc tiên cũng không cứu nó được nữa.

Bụng con bò bấy giờ phình lên thấy mà phát sợ, và nó nằm đưa bốn cẳng lên trời, giống hệt một củ khoai lang luộc mà trẻ con ở thôn quê thọc bốn que tre nhỏ vào để làm bốn cái chơn, hầu tạo ra một con bò bằng khoai để coi chơi.

Anh Sáu Theo rừng rừng nước mắt không phải vì thương con bò mà vì tiếc của. Nếu có mảnh đất, một mảnh vườn mà bị xem là địa chủ thì ông địa chủ này còn nghèo hơn “cu ly” ở các thành phố lớn nữa kia. Một con bò chết là cả một tấn thâm kịch đối với anh ta.

Anh ta trồng mía nhưng không có lò để làm đường vì một mẫu mía ít quá, nên anh ta phải bán rẻ mía cho các chủ lò, tay làm hàm nhai quanh năm, không có dư đồng nào hết thì sắm thêm một con bò để thay cho con Khứu, còn khó hơn một thầy ký sắm một chiếc xe Huê kỳ nhiều lắm.

Nhưng tai họa không chịu nằm trong gia đình của anh Sáu Theo mà đi phiêu du khắp làng bởi những ngày sau đó, hôm nào cũng có một con bò ăn phải một con chôm chôm; cả làng, ai có bò đều là nạn nhân của chôm chôm tuốt hết và con bò Mốc còn lại của anh Sáu Theo, cũng theo con bò Khứu mà châu Diêm chúa... bò, nếu bò cũng có âm phủ.

Một sự kiện làm ai cũng ngạc nhiên là con chôm chôm nó trốn ở đâu không rõ mà năm, bảy năm mới xuất hiện một

lần, năm nay tại làng này, năm tới lại làng khác, có năm nó đông đúc cho đến đôi cả một vùng chín, mười làng đều lâm nguy vì con vật bí mật ấy.

Dưới đây là bức thư của ông Chủ tịch hội đồng xã, xã Mỹ An, gửi cho ông Trưởng ty Cải Tiến Nông Thôn tỉnh. Ông Chủ tịch không biết ở tỉnh có cái Ty ấy hay là không, nhưng ông cứ gửi vì không biết gửi cho ai, và tin rằng nếu không có Ty đó thì cũng sẽ có một Ty nào phụ trách về nông lâm mục và bưu điện sẽ đưa thư phải chỗ.

Thư như vậy:

Kính thưa Ông Trưởng ty,

Năm nay làng tôi có con chôm chôm về nên bò trong làng ăn phải rồi chết hết, dân không còn bò để cày đất, để kéo xe nữa.

Nhiều chủ bò có tiền, sắm bò lại dễ dàng, nhưng họ ngại bò mới lại ăn chôm chôm mà chết nữa.

Vậy dám xin ông Trưởng ty gửi người về làng để xịt thuốc DDT hầu diệt con... sâu ấy, để làng tôi sắm bò lại.

Trân trọng kính chào ông Trưởng ty.

Năm hôm sau, quả có người về vùng đó, nhưng họ lại bắt đếm xỉa tới làng Mỹ An, mà chỉ công tác ở các vùng kế cận thôi.

Họ cũng chẳng chịu xịt thuốc lên cỏ theo lời yêu cầu của dân chúng trong vùng mà chỉ tiêm thuốc cho bò.

Bao nhiêu bò trong vùng đều được chích thuốc, không hiểu để làm gì, còn con chôm chôm thì họ không hỏi thăm tới lấy một lời, khiến dân trong vùng

phần nộ hết sức, nhứt là dân làng Mỹ An, cái làng gọi họ về, mà lại bị bỏ quên.

Chiến dịch tiêm thuốc cho bò trong vùng chấm dứt, cái đoàn người lưu động ấy mới chịu tới làng Mỹ An, mà cũng chẳng buồn nói tới con chôm chôm, họ lo khiển trách dân làng.

Một ông có vẻ là Xếp nói:

– Bà con ở đây có cái tật làm biếng chôn trâu, bò chết toi, hể có con nào ngã thì bà con kéo quăng xuống sông, thành ra bà con đã gửi trâu bò toi theo dòng nước qua nhiều làng khác rất xa nơi này, đó là chưa kể sau ba ngày, xác trâu bò nổi lên, hôi thúi khắp một vùng lớn hai ba làng, trong hai ba ngày liền, không ai chịu nổi.

Nhưng còn con chôm chôm báo đời

ở đâu, sao không nghe thấy quý ông nhắc tới và diệt trừ nó?

Ông Xếp ấy cười ha hả mà rằng:

– Có chớ, chúng tôi tới đây, chính là vì con chôm chôm.

Dân làng mừng khắp khởi mà rằng:

– Té ra quý ông sắp xịt thuốc?

– Không. Không cần xịt, chúng tôi chích thuốc cho bò là tự nhiên con chôm chôm bị diệt rồi.

– Sao lạ kỳ vậy?

– Vì không bao giờ có con chôm chôm nào hết chớ có gì đâu mà lạ. Chướng bụng là dấu hiệu của một bệnh của loài bò, do vi trùng gây ra, chớ không phải là bò ăn phải con gì đâu.

Bà con không biết tánh bò sao? Nó rất cẩn thận, cỏ bị dẫm chơn lên mà nó còn chê thì biết rằng nó đã kiểm soát cỏ trước khi ăn. Vả lại do bản năng tự tồn, không làm sao mà con chôm chôm nằm yên đó cho bò ăn phải hết.

Từ rày sắp lên, hễ trong làng có một con bò bị chôm chôm thì bà con nên cho chúng tôi hay liền.

– Quý ông đâu có tới kịp.

– Ủ, nhưng chúng tôi đâu có định cứu con bò đã mắc bệnh. Chỉ mong chích ngừa cho những con còn sống là quý lắm rồi.

Chúng tôi khuyên bà con có sắm lại bò nên mua bò của các làng lân cận đã được tiêm thuốc ngừa rồi. Mua bò xa lạ về, không có gì bảo đảm hết, bởi biết đâu,

những con bò xa lạ ấy lại không mang sẵn “con chôm chôm” của bà con trong bụng chướng.

Dân làng chỉ có một số ít người là tin mấy ông mặc Âu phục, chơn mang giày, không hề biết đời sống nông dân là gì.

Họ phải tín nhiệm các bậc kỳ lão trong làng hơn. Nếu không có con chôm chôm thì tại sao tổ tiên, ông bà ta cứ nói đến con chôm chôm từ bao nhiêu đời rồi?

Tuy nhiên, cái số ít ấy họ phá đám và năm sau, bò trong làng lại ăn phải con chôm chôm nữa. Tức thì một ông trong số ít đó đi tỉnh ngay để gọi mấy ông phù thủy kia lên.

Sau chiến dịch tiêm thuốc, bò trong làng được bình yên vô sự, chỉ trừ vài con bệnh lúc đầu là chết thôi.

Dân làng kết luận rằng năm đó, con chôm chôm về ít. Nhưng số người còn tin nơi con chôm chôm cũng ít lần đi.

Mong rằng một ngày kia, con chôm chôm sẽ bị tận diệt nơi tin tưởng của nông dân ta.

Đêm tạm biệt

Khứu nghe buồn buồn, mặc dầu đêm nay nhà đông đủ hơn bao giờ hết.

Con gái thứ hai của chủ nhà đi lấy chồng xa, lâu lắm mới được về cha mẹ một lần mà cô ấy đã về khi trưa, với chồng cô, với lại ba đứa con.

Tới chín giờ tối mà dưới bếp vẫn còn lửa: họ nấu khoai lang với đường, ăn cho

đỡ buồn miệng trong lúc thức khuya để trò chuyện.

Ngoài sân, hai cái chuồng, chuồng trâu và chuồng bò, được gia tăng dân số thì có, chớ chẳng thiếu con nào. Chuồng của Khứu cũng cứ sáu con bò cũ, bỏ với nhau từ mấy năm nay, nhưng đàng chuồng của Trâu Cò thì được thêm hai chú nữa về làm bạn với hai chú cũ.

Ông bảy Nửa canh tác lớn, nên phải sắm tới hai đôi trâu để cày ruộng sâu, hai đôi bò để cày ruộng gò, cày thổ viên, và một cặp bò kéo xe.

Vui quá sức là vui. Vậy mà Khứu cứ nghe buồn buồn. Mai nầy nó sẽ lên đường với ba bạn của nó là Mốc, Chản và Xoáy vì ngày mai là ngày “thả” trâu bò.

Ở miền Đông, những làng ven rừng có cái tục hể qua mùa khô, gió bắc thổi, gặt hái xong xuôi rồi thì các nhà nông đưa trâu bò lên rừng.

Dưới làng đất khô cháy hết, trâu bò ăn rơm lâu ngày, sẽ ốm nhom và mất sức. Trên rừng có nhiều thứ lá cây trâu bò ăn thay cho cỏ được, khí hậu trên ấy lại mát, những con vật lao lực ấy cần ăn và nghỉ dưỡng sức suốt mùa nắng tại đó cho tới cuối tháng năm năm sau mới lại trở về làng.

– Buồn quá, bà con ơi ! Khứu than lớn lên.

– Buồn cái gì mà buồn, con bò già không sừng, nổi danh là con bò “lộn nài tháo ống” nói như vậy. Tao với lại con bò “nằm cát” ở lại đây, ăn rơm khô mới là

chán phèo chó. Lại còn bị nắng thiêu đốt chịu không thấu đời.

Con bò “lộn nài tháo ống” với lại con bò “nằm cát” (đặt tên thế, vì nó có tật đi nửa đường, tới nơi nào có cát nhiều, nó nằm vạ nơi đó, một cái tật cổ điển của loài bò “chứng”, tức bò bất kham) là hai con bò kéo xe chó không phải là bò cày.

Tao cứ tưởng tượng đời sống của tụi bây trên ấy mà thêm, lão bò không sừng nói. Có suối mát nè, có bóng mát, thật mát nè, bóng dầy đậm đen ấy, chó không phải bóng tre hanh nắng ở đây. Lại có đủ thứ lá tươi, ăn không xót ruột như cái ngũ rơm khô kêu lào xào ở đây.

– Bác nói đúng. Khứu đáp lời. Tụi tôi sẽ sung sướng tấm thân, nhưng không hiểu sao vẫn nghe thương thương, nhớ nơi này.

Năm ngoái lên trên ấy rồi, tôi cứ nhớ mùi phân chuồng, nhớ mùi khói nhà bếp, nhớ mùi rạ mới, nhớ tiếng chuông chùa, nhớ lắm, bác ơi !

– À, nghe đâu năm ngoái tụi bây gặp cạp hả ?

– Ủ. Nhưng năm nay không sợ nữa vì năm nay có trâu, tới bốn anh của nhà này, nhà đảng ông Cả cũng có hai anh. Năm ngoái không có anh trâu nào hết nên cạp nó ăn hiếp tụi tôi dữ lắm.

– Chớ bọn coi chừng bây, chúng nó đi đâu ?

– Chúng nó đi chơi trong rừng, chó lên trên ấy rồi đâu còn phải coi chừng tụi tôi như ở dưới làng nữa, bởi không có trộm, cũng chẳng sợ tụi tôi phá lúa, phá vườn ai.

Con Khứu trả lời tới đây, đoạn kể miệng sát tai con “lộn nài tháo ống” để nói cái gì lắm thắm một hơi, rồi hai đứa đó cười xòa với nhau.

Con “lộn nài tháo ống” phê bình lớn lên :

– Hai đứa xứng đôi vừa lứa lắm chứ, hử ?

– Ủ. Vì vậy mà hai đứa nó cứ rù rì với nhau hoài, bỏ phể tụi tôi, cộp có chụp tụi tôi thì mặc kệ tụi tôi.

Con Khứu ám chỉ anh Mục và chị Sứ.

Sứ là một cô gái con nhà khá giả trong làng, nhưng đã luống tuổi rồi, năm nay chị hăm chín, nên cha mẹ mới dám thả lỏng chị như vậy.

Không hiểu sao ở thôn quê, người ta cứ tưởng rằng qua cái tuổi hai mươi, con gái không thể hư được. Có lẽ họ đoán rằng hoa phai hương sắc thì bướm ong không bu quanh hoa chẳng ? Mà con gái chỉ hư vì bị quyến rũ mà thôi, khi không, khi không, họ chẳng bao giờ hư.

Các bậc cha mẹ tin tưởng như trên có lý phần nào, nhưng cái gì cũng có ngoại lệ, bằng cớ là chị Sứ đã yêu anh Mục, cũng con nhà khá giả.

Chỉ phiền là anh Mục đã có vợ rồi.

Sau mùa “thả” trâu bò năm rồi, họ hẹn nhau năm tới sẽ gặp lại nhau trên rừng, để sống tiếp những ngày hạnh phúc, tự do của năm trước.

Hạnh phúc và tự do, vì bọn mục đồng đi theo bò, chỉ là trẻ con 12, 13

tuổi, chẳng biết gì. Chúng che mỗi đứa một cái chòi, tối lại chui vào đó mà ngủ như chết. Ngay cả ban ngày, chúng cũng đi hái trái rừng mất dạng, anh Mực với lại chị Sứ có con với nhau cũng chẳng ai hay biết.

Nhưng giữa mùa mưa, một tin sét đánh vang dậy bên tai anh Mực : cha mẹ chị Sứ gả chị cho con ông ba Nâu, một thằng bé 17 tuổi.

Sét đánh là vì người cho tin quả quyết rằng chị Sứ vui lòng nghe lời cha mẹ, chứ không hề bị ép duyên.

Anh Mực nuốt không trôi cuộc phản bội của hôn tình. Nhiều lần, anh nhắn lời xin gặp mặt Sứ, nhưng anh không bao giờ toại nguyện, vì Sứ cương quyết chối từ.

Anh ngạc nhiên lắm. Cuộc hôn nhân này chỉ là một cuộc hôn nhân kinh tế mà thôi. Ông ba Nâu rất giàu mà chỉ có một đứa con trai là chú Nam sắp cưới vợ ấy thôi. Ông cần một tay làm cho thật giỏi, mà Sứ là một cô gái đảm đang nhứt vùng.

Bên Sứ, cha mẹ chỉ kha khá chứ không giàu, và ắt hẳn nàng nhắm cái bồ lúa của ông ba Nâu mà nàng sẽ hưởng trọn gói về sau, hơn là nhắm đức ông chồng bé tí hon. Đó là tin tưởng chắc như đinh đóng vào vách của anh Mực.

Và vì tin tưởng như vậy nên anh suy luận : “Nó chỉ ứng lấy bồ lúa, thế nghĩa là tình yêu nó để dành trọn vẹn cho mình. Sở dĩ nó lánh mặt, có lẽ bị bên chồng chưa cưới của nó coi chừng đó thôi”.

Suy luận như vậy xong, anh Mực hết

tức giận, hết buồn, và hết ngạc nhiên nữa.

Anh bền chí đợi cho đến gần mãn mùa mưa mà không được Sứ ban một ơn huệ con con là cho anh một cuộc hội kiến thật ngắn, giữa ban ngày, ở đầu làng.

Không giận Sứ, anh Mục vẫn hành động du côn vì anh thấy rằng không làm cho Sứ hoảng sợ thì không làm sao mà Sứ chịu ra mặt. Mà anh thì định thuyết phục Sứ và định bắt cóc Sứ ngay giữa lúc nàng hoang mang vì cuộc thuyết phục. Trong hoang mang nàng sẽ không có phản ứng mạnh rồi sau thì nàng có muốn trở về đi nữa, cũng đã muộn rồi.

Thế nên Mục nhắm miệng với một bà già trời đánh trong làng, bà năm Hiên, rằng Sứ không cho anh gặp mặt, anh sẽ phá đám cưới rồi ra sao thì ra.

Bà năm Hiên là người đàn bà kỳ dị nhứt vùng. Tò mò về chuyện riêng thiên hạ thì ai cũng tò mò, nhứt là phụ nữ, nhưng bà nầy tò mò đến gần như mắc một chứng bệnh bất trị.

Thế nên luôn luôn bà vui lòng làm chim xanh để biết rõ mọi chi tiết, rất kín miệng trong lúc thi hành “sứ mạng”, cho người ta tín nhiệm. Còn về sau, biết cả đầu đuôi câu chuyện rồi, bà thêm dặt thêm để sáng tác một tiểu thuyết truyền khẩu, mà chuyện ấy còn lâu mới tới, nên ai có chuyện kín vẫn nhờ bà, sau sẽ hay.

Sứ bối rối vô cùng khi nghe nhắn tin nầy. Nếu cho Mục gặp mặt, rủi ro ai thấy được thì rầy, cũng như cương quyết từ chối, hẳn làm xằng giữa hai họ, vào ngày hôn lễ, thì còn khổ hơn không biết bao nhiêu.

Nàng dẫn đo cân nhắc mọi may, rủi thì thấy rằng tốt hơn là nên có một buổi hội kiến để dứt khoát.

Sau vườn của nhà Sứ là một đám đất hoang, bên kia đám đất hoang ấy là miếu bà Thiên Hậu tục gọi là Chùa Bà, rồi sau đó nữa là một con rạch.

Theo ước hẹn, Mực tới bằng ngã đó là ngã khó lòng bị ai bắt gặp. Và tới mép vườn nhà Sứ thì hẩn nhái chim cú, kêu cầm canh độ mười tiếng, đoạn kêu nhát tiếng một dây, dấu hiệu cú bay đi, nếu là cú thật, mà cũng là dấu hiệu chỉ rằng hẩn sốt ruột và Sứ phải ra ngay.

Mực có mang quà theo cho con chó Phèn độc nhứt của nhà Sứ, và nó chỉ sủa có một tiếng rồi ngoạm lấy miếng thịt nướng, nó để yên kẻ đã hối lộ nó bữa ăn thịnh soạn ấy.

Sứ ngủ ở nhà bếp có một mình, nên mở nhẹ cửa tre mà đi ra ngoài, không ai hay biết gì hết.

Nàng là một phụ nữ hiếm hoi biết hút gió và hai người nhận diện nhau bằng sự trao đổi hai điệu hút gió ngắn.

– Em !

Mực vừa chụp lấy vai người tình năm ngoái, vừa gọi như vậy khi thấy bóng đen lù lù tiến đến trước mặt hẩn.

– Anh !

– Anh biết em bị gả ép, nên anh tới đây để cứu em. Ta cùng đi đêm nay. Anh sẽ mang gạo, mang khô theo lên trên ấy. Cái chòi năm ngoái vẫn còn, em yên nơi rồi, anh trở về dẫn trâu bò lên.

– Rồi hết mùa nắng thì em sẽ ra sao ?

Mục ấp úng, không đáp được. Lâu lắm, hẳn mới nói :

– Thì em trở về làng, ra mặt làm bé anh.

– Ủ, chỉ có thể như vậy. Nhưng nếu anh là gái, anh có vui lòng làm bé hay không ?

Mục lại không đáp được. Sứ kể lễ :

– Không, em không hề bị gả ép. Chính em đã bằng lòng khi ba má em hỏi ý em.

– Em bằng lòng lấy một thằng con nít làm chồng ?

– Ủ, nhưng như vậy vẫn hơn làm bé.

– Nghĩa là em không thương anh ?

– Em xin không trả lời câu hỏi đó.

– Không, nhứt định anh không để em lọt vào tay kẻ khác. Em phải đi ngay bây giờ với anh, nếu em muốn sống.

Mục nói vừa dứt lời thì bỗng nghe một sự va chạm mạnh vào đầu hẳn. Hẳn không kịp tự hỏi cái gì đã xảy ra, không kịp kêu la, lão đảo rồi ngã xuống đánh phịch một cái, như một trái mít chín thật bự vừa rụng xuống.

Nàng đã tiên liệu được nước liều du côn của Mục và biết chắc rằng Mục đã có mang dao theo để dọa nạt nàng, nên chi, nàng xách theo ra chỗ hò hẹn một cái chày giả chả cá, chày to bằng cổ chơn, đập mạnh, thật mạnh lên đầu người nào thì y dám theo ông bà luôn. Không có máu, vì đó là một vật không bén nhọn, và khó truy tầm khí giới giết người, với thủ phạm luôn nữa, bởi bất kỳ khúc củi nào cũng gây một cái chết như vậy được.

Tự vệ xong, Sứ đứng chết đững mấy phút, rồi ba chơn bốn cẳng chạy vào nhà đóng cửa lại, cắt cái chày, rồi đi nằm liền để tính mưu gỡ tội.

Nàng sẽ bình tĩnh trước nhà chức trách tới điều tra.

Người ta chỉ nghi cho người trong nhà này mà thôi chứ không có bằng cứ, vì Mục ngã chết trên bãi đất hoang, nơi bìa vườn, chứ không phải trong vườn, mà buộc tội gia đình nàng.

Như vậy, cứ bình tĩnh là được.

Nhưng rốt cuộc, đó là sự lo xa của Sứ và những sự sắp xếp, chuẩn bị của nàng để phòng khi bị điều tra, thẩm vấn đều vô ích vì sự thật khác hẳn điều nàng dự liệu.

Sự thật là ngày nàng bận áo cưới về làm dâu nhà ông ba Nâu, anh Mục tuy không dám giàn mặt song cũng không thể đừng không theo dõi người yêu một tầm con mắt. Nguyên nhơn có lẽ phần nào vì hôm nay, mặt mày anh xanh lè và trên đầu cột một mớ băng trắng nõn, như bịt khăn tang. Trớ trêu, anh vừa băng vết thương vừa để tang mối tình tha thiết.

Gạo nhà nghèo

Ông hội đồng Cường và có hai và cơm là buông đũa liền rồi ngồi nhìn mâm cơm đầy ắp những thức ăn mắc tiền mà thở dài.

Ông hội đồng (đây là thứ hội đồng địa hạt, tức hội đồng hàng tỉnh thời Pháp thuộc, và mặc dầu những ông nghị địa phương này đã hết sứ mạng từ năm 1945, song lối gọi vẫn còn), có tật hể tới tháng chín ta là nuốt không trôi những bữa ăn hằng ngày, từ bao nhiêu năm rồi.

Đó là tháng giáp hạt¹, lúa cũ đã cạn trong bồ, còn lúa mới thì chưa gặt. Lúa cũ cho một thứ gạo không còn chất dẻo nào hết, cho dầu là gạo mắc tiền nhứt nước, hột cơm nhai nghe xam xảm, không ngon lành chút nào, và những người ăn yếu và khó tánh, luôn luôn gần như là phải nhịn đói suốt tháng giáp hạt vậy.

Bà hội đồng lo lắng nói:

– Ông ráng ăn chừng một chén kẹo đói.

– Khó nuốt lắm, bà ơi! Bà biểu trẻ nó nấu cho tôi vài chén cháo, tối, tôi ăn với đường.

Rồi ông hội đồng ăn bánh, uống nước mà trừ bữa.

¹ Giáp hạt: thời kỳ lúa cũ ăn đã hết mà lúa mới chưa chín.

Bụng đói khó ngủ quá. Cháo lỏng cũng không giúp ông hội đồng vững dạ chút nào nên chi ông trần trọc, lăn trở hoài, và qua những giờ thao thức suốt đêm nay, ông nghĩ đến toàn chuyện ăn, chuyện gạo, và nhờ nghĩ nhiều đến chuyện ấy nên ông nhớ ra một điều nó làm ông lạc quan vô cùng.

Sáng ra, ông hội đồng thức dậy hồi gà gáy, sửa soạn rồi ra đi ngay, bỏ bữa cơm điểm tâm. Bình minh chưa ló dạng nên ông hội đồng lợi dụng ánh sáng của những vì sao chưa tắt để đi trên những bờ ruộng hẹp. Ông bước đi thoăn thoắt như sợ trễ đò, trễ xe gì ấy, và chẳng bao lâu, ông tới trước một nếp nhà tranh mà bên trong, ở chái nhà bên tả, có người nhúm lửa, có lẽ để nấu cơm.

Đó là nhà tư Dân, người tá điền của ông hội đồng.

Làng này là làng an ninh, ruộng của ông hội đồng lại ở ngay sau làng, nhưng ông tiếp tục cho tá điền khai thác y như ngày xưa, hồi tiền chiến, bởi ông đã làm giàu từ lâu, không làm ruộng trực tiếp, và ông cũng đã có tuổi rồi.

Chó sủa vang lên và ông hội đồng gọi:

– Tư ơi, mở cửa cho tao vô coi.

Nhà đã thức rồi, nhưng họ không lên tiếng ngay, có lẽ họ đang kinh ngạc trước tiếng gọi cửa, thoát tiên hơi lạ nhưng lúc họ nhận ra được đó là giọng của ông hội đồng, họ càng sợ hãi hơn: một ông chủ ruộng giàu có và tuổi tác hẳn phải có lý do thật quan trọng mới lặn lội vô ruộng vào giờ này.

– Tư ơi!

– Dạ!

– Thức rồi, sao không lên tiếng, sao không mở cửa?

– Dạ cháu mở đây.

Mấy mươi giây sau, ông hội đồng đã ngồi trước chén trà sớm mà nông dân ta quen pha trà từ lâu đời rồi, nhờ họ khá giả chớ không quá “bần cố nông” nên mới dám xài rồi ghiền món xa xỉ phẩm này.

Vợ chồng, con cái của tư Dân cứ còn kinh ngạc, lo âu thì ông hội đồng Cường nói:

– Vợ chồng thằng Tư mầy để lại cho tao nửa gạ gạo nanh chồn coi!

Im lặng. Lâu lắm, vợ tư Dân mới trả lời:

– Thưa ông hội đồng, cháu đầu có gạo nanh chồn.

Ông hội đồng Cường cười ha hả rồi nói lớn lên một mình:

– Không có! Lạ quá! Nhưng không có thì thôi. Vậy cho tao ăn một bữa cơm đi.

– Dạ nhưng ăn cực lắm!

– Ăn với muối, tao ăn cũng ngon nữa mà!

Gạo nanh chồn là một loại gạo nhỏ hột, gạo giống hột răng con chồn, nhứt là răng nanh. Loại gạo này rất ngon cơm, nhiều người cho là ngon cơm nhứt trong các thứ gạo ngon ở miền Nam.

Gạo nanh chồn lại có được cái ưu điểm này mà các gạo khác không có.

Là đầu mùa, gạo không quá dẻo để cho người ăn phải ngán mà cuối mùa, gạo vẫn không quá lạt, quá khô đến khó nuốt trôi. Chất nhựa bọc hột gạo, nơi gạo nanh chồn, rất là ít, nhưng nó lại giữ được mãi mãi chất nhựa ấy, luôn cả trong tháng giáp hạt nữa.

Những người thường đi đó, đi đây, ai cũng quả quyết rằng gạo Nhứt Bồn rất ngon. Ấy, người Nhứt làm ruộng ở các triền núi, mà lúa trồng ở đất khô như vậy, luôn luôn cho gạo ngon. Theo định luật đó thì gạo nanh chồn đã ngon, mà trồng ở ruộng khô của các tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, như ruộng của hội đồng Cường, gạo nanh chồn ruộng ông còn ngon hơn gạo nanh chồn của các tỉnh nê địa² nhiều lắm.

Ông hội đồng hỏi vợ tư Dân:

² nê địa: đất bùn

- Đã nấu cơm chưa?
- Dạ, cháu mới lấy gạo định vo thì nghe ông kêu cửa.
- Vậy đi vo gạo liền đi, tao đói lắm.

Ông hội đồng nói chuyện con cà con kê với tư Dân để đợi cơm và độ hơn nửa tiếng đồng hồ sau, trời rưng sáng là vợ người tá điền dọn cơm lên, mâm cơm chỉ vồn vện có một miếng mắm xối bằng bàn tay. Nhưng ông hội đồng biết là dưới bếp, mẹ con của chị tá điền của ông có lẽ còn được ít thức ăn hơn.

Cơm nóng lên hơi nghi ngút, nhưng ông hội đồng lại kêu với xuống bếp mà nói với vợ tư Dân:

- Tư ơi!
- Dạ!

- Tao ưa ăn cơm nguội hè. Cho tao một chén cơm nguội coi.

Ở thôn quê, mặc dầu nghèo, người dân luôn luôn nấu cơm dư ăn chớ không nấu vừa khít nút như ở chợ, vì họ thường có khách thỉnh linh mà khách của họ thì rất dễ mời ăn cơm. Chính họ cũng quý khách, luôn luôn mời khách ăn cơm và rất vui mà được khách nhận lời.

Đó là phong tục ngàn năm, hay ít lắm cũng mấy trăm năm. Và ít ra cũng ở miền Nam không thiếu gạo nầy. Thế nên vợ tư Dân không thể chối rằng nhà không có cơm nguội, chỗ cơm nấu dư ngày hôm qua, cho một người khách không đến, và sáng ra, giờ đây, họ hấp lại để bổ túc cho nồi cơm mới, nấu ít hơn một chút, vì trong bữa điểm tâm không bao giờ có khách mà phải nấu dư như các bữa ăn khác.

Chị tư không thể chối, nhưng cứ làm thình và bất động, vì chị bối rối lắm, không biết liệu thế nào để ra khỏi ngõ bí.

Anh tư Dẫn, ngồi trước mâm cơm với ông chủ ruộng kỳ dị, cũng bối rối vô cùng. Anh đói lắm, thấy cơm ngon lành lắm, cầm đũa lên nhưng còn đợi khách. Vậy mà ông khách vừa nhìn qua chén cơm rồi buông đũa ngay, đòi cơm nguội cho vợ chồng anh khó xử.

Ông hội đồng giục:

– Đi mau đi chứ! Tao đói lắm đây.

Quả ông hội đồng đói thật, đói y như những tá điền mạnh khỏe và mạnh ăn hơn ông. Nhưng ông giục không phải vì ông đói, mà để ngăn vợ người tá điền kịp tìm mưu.

– Không bưng cơm nguội lên, tao

xuống bếp, tao lục nồi cho mà coi.

Vợ tư Dẫn hoảng hốt, vội bới một chén cơm ở nồi chiều hôm qua, vừa được hấp lại. Bấy giờ vợ chồng người tá điền này có lẽ đã hiểu lý do sự đòi hỏi kỳ kỳ của ông chủ ruộng rồi. Đây là cái mẹo tài tình để bắt quả tang vợ chồng anh có gạo nanh chồn trong nhà.

Cá, thịt, khô, mắm gì cũng mắc tiền hơn gạo hết, nên những người tá điền của ta, họ trồng một mớ lúa nanh chồn vừa đủ cho gia đình họ ăn, rồi giấu mà ăn, ai nài, mua bao nhiêu tiền một giạ họ cũng nhứt định từ chối, hóa ra nhà nghèo lại ăn gạo ngon hơn nhà giàu, sợ thiếu gạo rồi nuốt cơm gạo thường không vô, bởi bữa cơm của họ không được đồ ăn ngon trợ lực cho, như bữa cơm nhà giàu, họ cần, dầu phải ăn cơm với muối, mà cũng ngon được như thường.

Cái tục lệ này tạo ra một tình trạng rất lạ lùng, nếu không muốn nói là kỳ dị ở miền Nam là chỉ có nhà nghèo, nói rõ hơn, chỉ có tá điền mới có được gạo ngon nhứt hạng để ăn, còn bao nhiêu giới khác, kể cả giới phú hộ, đành phải tạm bằng lòng với gạo cũng gọi là ngon nhứt hạng, mà thật ra chỉ ngon... nhì hạng mà thôi.

Khi vợ tư Dân đặt chén cơm trước mặt ông chủ ruộng thì ông ta cười ha hả mà rằng:

– Vợ chồng bây không có gạo nanh chồn, vậy mà cơm nguội này lại là cơm gạo nanh chồn! Còn chối nữa hết?

Vợ chồng tư Dân cũng bật cười.

Khi này, lúc khách đòi ăn cơm, vợ tư Dân vội cất chỗ gạo nanh chồn đã lấy

ra, rồi đem gạo thường đi vo nấu. Ông hội đồng đoán biết thế nên quyết đòi cho được cơm nguội ông mới nghe cho.

Ông hội đồng Cường cầm đũa lên ngay. Từ hơn một tháng nay, chưa bao giờ ông tham ăn như thế này. Tối bữa, nghe mời ăn cơm, ông đâm sợ khi cái chất gạo cũ hết nhựa của tháng giáp hạt nhắc ông cái vị của những chén cơm ngán ngẩm, xam xảm, rất khó nuốt.

Dưới nhà bếp, mẹ con chị Dân đành phải ăn cơm nóng hổi vậy, tuy cơm mới nấu xộp lắm, nhưng quả thật là nuốt khó trôi, vì chị không có gì để nuốt chung với cơm, trừ chút đỉnh nước cá kho cũ.

Cơm nguội còn được ba chén rưỡi tất cả, nhưng chị không đoán được tỳ lực³ của ông chủ ruộng là bao nhiêu, nên chị

³ Tỳ lực: ở đây có nghĩa là sức ăn

phải để dành hết cho ông ấy. Tuy nhiên sự hy sinh nho nhỏ sáng hôm nay, thật là không đáng kể, mà mối sầu lớn của chị tư Dân là phải bán gạo nanh chồn cho ông hội đồng Cường.

Ông đại địa chủ này trả công, trả của rất hậu, chị đã không lỗ lã mà còn được lời, nhưng tiền lời không đủ mua thức ăn mắc tiền để hỗ trợ cho gạo dở đâu. Gia đình chị sẽ khó nuốt cơm như gia đình của bất kỳ ông nhà giàu nào, cho tới mùa gặt mới, nghĩa là cho tới tháng sau, bởi ông hội đồng Cường mua được một giạ, sẽ bắt ép vợ chồng chị bán thêm giạ thứ nhì, giạ thứ ba, số gạo lót bồ còn được bao nhiêu, ông ấy sẽ xúc hết.

Trên này, ông hội đồng đã được chén cơm thứ nhì, và ăn xong nửa chén, tức là đã ăn được chén rưỡi rồi, ông đã bớt đói rồi, hạ đũa xuống hỏi người tá điền.

– Tại sao mày không cấy giống nanh chồn hết bốn mẫu ruộng này, cấy ít làm gì rồi phải giấu đút, ăn lén, ăn lút, coi kỳ cục quá như vậy nè?

– Dạ, tại lúa nanh chồn thất gạo lắm, một mẫu gặt không tới một trăm giạ, lấy lúa đâu để đong lúa ruộng cho ông, lấy lúa đâu để ăn?

– Nhưng mà gạo nanh chồn lại mắc tiền bằng hai gạo thường.

– Dạ!

– Dạ cái con khỉ mốc. Tao nói như vậy mày phải kết luận để thấy sự sai lầm của mày, chớ tiếng “dạ” của mày có nghĩa gì đâu!

– Dạ!

– Lại dạ nữa! Mày không thấy gì hay sao?

– Dạ thưa không!

– Theo chỗ mấy nói thì lúa nanh chồn thất gạo gần tới phân nửa, nhưng giá nó lại gấp bằng hai giá gạo thường thì mấy có mất gì đâu.

– Dạ.

– Cái thằng này thật là chí ngu, chí ngốc, cứ “dạ” hoài. Kết luận đi chứ! Mấy kết luận tao nghe thử, để nếu cần thì thảo luận thêm gì ra lẽ.

– Dạ.

– Trời ơi, ngó xuống mà coi. Này nha, mấy gặt được mười gia lúa thường, bán được ba ngàn. Nhưng mấy gặt được bảy gia lúa nanh chồn, bán cũng cứ được ba ngàn như thường. Có thấy hay không?

– Dạ, nhưng cháu đâu có bán. Cháu phải trả cho ông bằng lúa chứ!

– À, nói vậy thì tỷ dụ tao bằng lòng lấy phân nửa, nếu mấy trả bằng lúa nanh chồn, mấy sẽ cấy toàn nanh chồn hay không nè?

Tư Dân cứ làm thỉnh hoài, khiến ông hội đồng Cường phải kêu trời lần nữa, rồi lại cầm đũa trở lên để ăn tiếp. Ông tức mình cái thằng ngu, và ông tự hỏi không biết nó còn nghi ngờ, lo sợ cái gì mà không nhận đề nghị của ông. Bài toán rất rõ ràng, minh bạch, và được giải lý rất ổn thỏa, có những con số cụ thể hẳn hoi, không làm sao mà không hiểu, và hiểu xong, không làm sao mà còn do dự được nữa, ông sẽ hăm dọa lấy ruộng lại, sau mùa lúa này, có thể mới bắt buộc nó phải nhận điều kiện trao đổi rất công bình của ông: nó mất gần phân nửa lúa gặt, nhưng chủ ruộng cũng mất phân

nửa lúa địa tô, nghĩa là nó không mất một hột nào hết.

Ông hội đồng ăn róc nồi cơm nguội, uống nước, hút thuốc, đoạn thi hành mưu thứ nhì:

– Thôi, trưa nay vác ra cho tao một cà ròn gạo. Mà tao báo trước cho mày biết là gặt xong, tao lấy ruộng lại, để cho thằng nào bằng lòng cấy bằng giống nanh chồn mướn mà làm.

– Dạ.

Ông hội đồng Cường há miệng, trố mắt mà nhìn anh tá điền của ông. Hẳn tỉnh bơ không lo sợ, không buồn rầu trước lời hăm dọa của ông. Ông hỏi:

– Ruộng của tao là ruộng đầu vườn, thuộc nhứt đẳng điền, mày không ưa mướn hay sao?

– Thưa, cháu ưa lắm chứ.

– Ủa, sao mày sẵn lòng để tao cho kẻ khác mướn?

– Dạ, cháu nghĩ không có ai mà chịu mướn theo điều kiện của ông đâu.

– Sao lạ vậy?

– Cháu cũng không biết tại sao, mà nó như vậy đó.

Ông hội đồng Cường tức mình, xách nón đi liền, bụng bảo dạ rằng nhứt định ông sẽ lấy ruộng lại, cho thằng kỳ khôi này biết tay. Về tới nhà, ông vẫn còn ăm ắp kể chuyện lại cho bà nghe, và cho bà biết luôn cả quyết định của ông. Bà nghe xong, cười ngất mà rằng:

– Thằng đó nó nói đúng: ông lấy ruộng lại cũng rồi phải bỏ ruộng cho

tranh nó mọc, chớ không thẳng nào khác dám vỗ ngực mà nhận điều kiện của ông đâu.

– Bà cũng luận điệu theo cái thẳng cổ lì đó nữa, hả?

– Nó nói đúng thì phải kể tới lời của nó chớ! Nếu có tá điền bằng lòng cấy giống nanh chồn thì nhà giàu đã được ăn gạo nanh chồn và có đâu mà ông phải nhịn đói.

Ông càng tức hơn, xẵng giọng hỏi:

– Sao chúng nó lại ngốc dữ vậy, và nhứt là sao bà lại về phe với họ chớ?

– Chúng nó khôn lắm chớ không phải ngốc đâu. Nè, đong lúa địa tô xong rồi thì lúa, chúng nó phân ra làm hai: phân nửa để ăn, phân nửa để bán, hầu lấy tiền mua vải, mua mắm và còn dư

chút đỉnh thì tiêu xài vào những khoản khác nữa. Nhưng ở rẫy có được mấy ông nhà giàu mua nổi gạo nanh chồn? Còn chở đi Sài Gòn chúng nó biết đường đâu mà chở? Như vậy có phải là chúng nó sẽ bí về số lúa cần biến ra thành tiền hay không nè?

Ông hội đồng Cường gục gặc đầu rồi hỏi bà:

– Bà nói hữu lý. Nhưng sao nó không cắt nghĩa cho tôi nghe?

– Là tại nó ngu, biết mà không cắt nghĩa rõ ràng được như tôi, với cũng tại cái chuyện bí mật nầy nữa

– Chuyện gì?

– Năm nào nó cũng khóc lóc than thất mùa để đong thiếu ta vài ba chục giạ. Như vậy số lúa của nó nhiều hơn,

bởi đâu có thất mùa, nó ăn gian, giấu đi ấy chứ, và nó sẽ càng bí hơn, nếu đó là lúa nanh chồn bán mắc, người ở đây mua không nổi, còn bán rẻ thì sẽ thiệt thòi nhiều bởi đã nói là lúa nanh chồn thất gạo lắm mà!

Ông hội đồng Cường cười ha hả rồi nói đùa:

– Chỉ còn nước tôi đi làm tá điền cho... bà, để chắc có gạo ngon mà ăn.

Gốc mai già

Ông Tư Nứa nghe mình khổ quá. Ông làm việc đầu tắt mặt tối từ bốn mươi năm nay, giờ dành dụm được chút ít, ông mua một miếng vườn nhỏ để hưởng huê lợi dưỡng già, những ngõ đã toại chí bình sanh rồi, nào dè ...

Vườn xoài, mít, măng cầu của ông đã cho trái vài mùa rồi, công sản sóc không nặng như là nếu ông tạo lập ra. Thành thử mỗi ngày ông Tư có dư thì giờ nhiều quá. Ông buồn, mà tuổi của

ông đầu còn món giải trí nữa, thành thử ngồi nhời nỗi buồn của mình, một hôm ông bỗng chợt nhớ ra là các ông già chỉ còn một thú tiêu khiển thôi, là chơi non bộ, và chơi kiểng.

Nhưng mà đã quá muộn. Ông không dư tiền để mua kiểng đã thành hình, còn sửa cây tơ cho thành kiểng, phải mất ít lắm là mười năm. Ông không biết ông sẽ sống tới bảy mươi hay không để thưởng thức những cây kiểng mà ông bắt đầu uốn nắn từ bây giờ ?

Tháng Chạp năm ấy, ông vào rừng để chặt vài nhánh mai về thui hủu cặm độc bình ngày Tết.

Ông Tư đi tìm mai vào đầu tháng cuối năm, vì lối chơi này đòi hỏi nhiều thì giờ. Nhánh mai chặt rồi, lật lá, thui nơi dấu chặt xong, để nó đó tới ba mươi

Tết nó mới chịu trổ hoa. Công việc thì lâu lắt, nhưng thật đáng công chờ đợi, vì bông mai của các nhánh mai thui, sống mạnh mẽ, tươi bền y như bông của cây mai sống trồng dưới đất, chớ không phải mới trưa mừng hai là rụng hết như bông của nhánh mai tươi chặt về, vào ngày hăm lăm Tết đầu.

Loại cây mai thật là huyền diệu. Nó có khả năng tích trữ sanh lực trong một cái nhánh, đủ sanh lực để mà trổ bông, trong vài điều kiện nào đó, chẳng hạn như sự thui dấu chặt nói trên.

Ông Tư chặt được hai nhánh mai thật tốt, tốt theo quan niệm chơi kiểng của ông, nghĩa là nhánh mai không ngay chò, mà cong cong ở dưới chơn, với những nhánh phụ mang hình chữ chi, hai nhánh mai đó, cắm vào độc bình thì trông như là mai vẽ trong tranh Tàu.

Thình lình trên đường về, ông bắt chợt một gốc mai già mà bặt vô rùng, không thấy.

Ông Tư tần ngần đứng trước cội mai đồng niên với ông rất lâu, cố đoán tuổi tác thật đúng của nó. Chắc chắn là nó cùng thế hệ với ông bằng vào sức lớn của nó, nhưng khó lòng mà biết được nó có phải tuổi Sửu như ông chăng ?

Gốc mai lớn bằng hai bắp vế người lớn, bắp vế của những người khá mập ấy, mốc meo và rêu khô đóng đầy lớp vỏ xù xì của nó.

Hình thù gốc mai rất là cổ quái, càng nhìn càng thấy nó giống hai trái núi, một lớn một nhỏ, nằm cạnh nhau.

Trong đời ông Tư, chưa bao giờ ông vui sướng bằng hôm ấy. Ông khổ sở từ hai năm nay vì không toại nguyện được trong mơ ước khiêm tốn là chơi kiểng và non bộ, mà bỗng dưng, ông được cả hai thứ một lượt.

Gốc mai già nầy bung về nhà, trồng trong chậu lớn, thì ông sẽ có một cây kiểng đẹp nhứt nước, dân sành điệu mà có tiền, dám bỏ ra bạc muôn để nài nỉ ông mà mua. Ông có đi Sài Gòn vài lần vào dịp Tết, thấy ở đó nhà giàu họ mua những cây mai lớn bảy tám trăm bạc những nhánh mai mà ở đây bán hai đồng không ai thèm họ mua những cây mai sống trong chậu, xấu xa quá chừng mà tới ba bốn ngàn một cây, thì nhánh mai của ông, một muôn bạc vẫn còn rẻ.

Nhưng ông đâu có bán. Ông để ông ngắm mà thôi.

Ông sẽ có một cây kiểng quý báu vô song và đồng thời, ông cũng sẽ có một bộ núi giả một cách cấp tốc. Ừ, chơi non bộ cũng tốn thì giờ y như là chơi kiểng, nếu mình quyết chơi cho đúng điệu, bởi đá xây non bộ phải dạn gió dày sương ít lắm là mười năm, nó mới được rêu bám vào, và trông mới giống núi thật. Mốc meo và rêu khô phủ gốc mai già nầy, chỉ khô vì chết tạm trong mùa nắng thôi. Mưa xuống vài đám là nó xanh tươi lại, nồn nà, ông mặc sức mà ảo tưởng rằng ông dạo non tiên, nếu ông gắn lên đó vài ngôi chùa tráng men nhiều màu, vài chiếc cầu đá, một lão tiều phu, một ngư ông, hai vị tiên ngồi trên bàn thạch đánh cờ.

Ông Tư sung sướng như ngày ông cưới vợ, cách đây bốn mươi năm, và ông xoa tay, ngồi xuống để thưởng thức trước gốc mai chung của mọi người song may

mắn bắt gặp nó mà sẽ là của riêng ông.

Nhưng giây lát sau, ông bối rối quá. Làm thế nào để bứng một cái cây già sáu mươi năm? Nó đã thâm căn cố đế ở đây rồi, rễ mẹ của nó có lẽ ăn sâu xuống hàng mười thước, còn rễ con thì bò ra khắp một vùng đất rộng bằng hai ba cái nền nhà.

Đào lên, thì không nhọc công bao nhiêu, nhưng mang nó về nhà, nửa tháng sau, ông chỉ còn trong chậu một gốc mai chết khô.

Cũng không sao vì nó sẽ là một bộ giả sơn thì chết hay sống không quan trọng. Nhưng gốc cây khô ấy sẽ bị một ăn, mục nát sau ba, bốn năm làm cảnh tại sân nhà ông, thì ông còn gì mà chơi nữa?

Ông Tư ngồi đó tư lự, ao ước có một phép mầu của tiên, giúp ông di sơn đảo hải, dời cây cổ thụ này về nhà ông.

Bỗng đôi mắt già, gần hết sinh lực của ông sáng lên. Ông vừa nhớ ra rằng thuở ông còn trai trẻ, ông đã thấy các cụ già dời những gốc mai long tuế như thế này về nhà.

Và ông bắt đầu làm việc liền. Công việc chánh của ông hôm nay không đòi hỏi nhiều thì giờ, nên ông không có giờ cơm mo theo, vì ông tính toán sẽ về tới nhà đúng bữa ăn trưa, vào giờ Ngọ.

Tuy nhiên, ông không bận tâm lắm về chỗ ấy. Bỏ một bữa ăn cũng chẳng sao. Ông Tư, ngoài chiếc rửa Bén, còn được võ trang thêm một cái mác nhọn. Ông đào đất trên một diện tích hình bán nguyệt mà trung tâm điểm là ruột của

cội mai. Diện tích đất nầy chỉ rộng bằng một cái thúng gạo mà thôi, tức chỉ quanh phân nửa gốc mai già nầy trong một đường bán kính lối bốn tấc.

Ông đào sâu xuống, gặp bao nhiêu rễ mai, ông dùng rửa mà chặt đứt hết. Nếu có kẻ không sành điệu thấy ông làm việc, họ sẽ cho là ông điên. Ông không cần giữ rễ mai cho cây mai sống, thì cứ vác cuốc lên mà đào cận gốc, lưỡi cuốc tự nhiên xấn đứt rễ chớ tội gì phải đào rộng ra, rồi còn phải nhọc sức chặt rễ?

Ông Tư đào, đào, và đào. Chặt, chặt, và chặt. Ông đào sâu xuống gần hai thước và vì miệng lỗ quá hẹp, nên tuy có hai thước mà trông nó sâu hóm như là cái giếng. Mà nếu tính là giếng thì giếng lại quá hẹp. Giếng trực kính một thước đã quá hẹp rồi, mà trong trường hợp nầy, nó có non nửa thước mà thôi, vì thật ra

thì ông già điên nầy chỉ đào có phân nửa cái giếng thôi.

Vì vậy mà người đào giếng, xuống tận đáy giếng để đào đất, để mang đất, mang rễ mai ra thật là khó khăn không thể tưởng tượng được.

Ai thấy đầu ông nhô lên khỏi miệng giếng không thể nào họ không nghĩ đến một con dế cơm ở hang, cái hang nhỏ vừa khít thân mình nó.

Ông Tư nỗ lực, đổ mồ hôi như vậy cho tới lúc mặt trời gần lặn mới gần xong công việc. Ông ngồi trên miệng giếng, nghỉ xả hơi, rút khăn bọt đầu xuống lau mồ hôi, lấy thuốc ra hút. Ông khát đến môi nứt ra vì từ hồi tám giờ sáng đến giờ, ông chưa được uống nước lần nào hết ngoài tô trà Huế uống sau bữa cơm lót dạ.

Hút xong liều thuốc, ông nổi cơn điên trở lại và bắt đầu làm một công việc còn vô lý và buồn cười hơn nữa: ông cào đất xuống để lấp cái giếng mà ông đã khổ công đào từ sáng đến giờ.

Rễ đuôi chuột to tướng với lại rễ con tương đối nhỏ hơn của cây mai, lẫn lộn trong đồng đất đào lên ấy, ông Tư cũng trời kệ, lại còn lăm bắm: “Có rễ trong đó thì nó xộp đất”.

Đào thì lâu, chớ lấp không mấy hồi. Đất đào không giẻ nữa, nên nó dư, ông Tư vun lên thành đồng cao trên miệng giếng.

Cội mai già bấy giờ thành một người bán thân bất toại vì tất cả rễ của một bên thân cây đều lìa khỏi mình mẹ rồi.

Vậy mà ông Tư còn chưa vừa lòng

đã hành hạ nó. Ông dùng rựa mà chặt bỏ gần hết các nhánh lớn của nó đi. Ông lăm bắm: “Làm như vậy, có thằng nào tới đây, sẽ biết gốc mai này có chủ. Nhưng chắc cũng không mấy thằng biết cái đẹp của gốc mai này đâu”.

Ông Tư rất hài lòng vác rựa và mác để về làng. Ông biết rằng từ đây cho tới giữa mùa mưa tới, cây mai lão ấy sẽ nỗ lực đâm rễ mới ở chỗ bị đào. Bản năng tự tồn của thực vật là như vậy.

Giữa mùa mưa tới, ông sẽ làm y như hôm nay, nhưng ở phía bên kia. Và Tết năm sau, ông sẽ bứng được gốc mai này dễ dàng lắm. Bấy giờ, quanh gốc mai chỉ có toàn rễ con, rất ngắn, không có vấn đề đứt rễ mà phải lo nữa.

Đám đất mà ông phải khiêng về nhà, chỉ sẽ lớn bằng cái thúng giạ thôi, thân

cây mai cũng chẳng còn gì, ngoài mấy nhánh non nhẹ hều, như vậy hai người khiêng là vừa sức.

*

Kể từ chiều hôm ấy, ông Tư sống với hy vọng về tương lai. Thì ra hy vọng và tương lai không phải là độc quyền sở hữu của thanh niên đâu. Bảy mươi, con người vẫn bám víu được vào một viễn ảnh rực rỡ nào, miễn họ có cái gì để chờ mong.

Ông Tư chờ mong mùa mưa. Và giữa mùa mưa tới đó, ông lên rừng để thiến một gốc mai già, ở cái diện tích bán nguyệt mà ông chưa rớ tới.

Cây mai đã đâm nhành tơ, trở lá non mơn. Nó đã được một liều thuốc cải lão

hoàn đồng, thật sung sướng hơn con người không biết bao nhiêu. Con người, hễ già như ông thì chỉ còn biết mong ngày đi châu trời, và để tạm quên ngày buồn ấy, họ quyết lẩn trốn trong một say mê nào, chẳng hạn như say mê cây cảnh và non bộ.

Ông Tư nhìn mãi đất đã bằng phẳng vì mùa mưa đã làm giẻ ngọn đất vun, nhìn sâu, qua lớp đất không trong suốt ấy, mà cũng hình dung ra được mớ rễ non chẳng chịt như mạng nhện quanh gốc mai, ngắn chẳng đầy gang mà tràn ứ sinh lực, y như câu chuyện người ta thắp thận khỉ đột cho một ông lão, mà ông Tư nghe thấy giáo hữu trí cạnh nhà ông kể lại, sau khi thấy ấy đọc nhật trình.

Công việc lần này chỉ nhọc bằng phân nửa hôm trước thôi, vì đang giữa mùa mưa, đất mềm lắm. Ông Tư lại có

giở cơm mo, có mang theo bầu nước, nên chỉ tới đứng bóng là đầu đó xong xuôi cả.

Và ông Tư về nhà để đợi Tết.

Ông đợi Tết như trẻ con đợi ngày ấy để được mặc áo mới, ăn bánh ngon, đốt pháo và khỏi làm gì hết lại có tiền lì xì đầy túi.

Ông sung sướng lắm khi sẫm soi những ngôi chùa bát giác tám tầng, những cầu đá có nóc, những lão tiểu phu còng lưng dưới bó củi, bao nhiêu vật ấy, cái nào cũng nhỏ li ti bằng đầu chiếc đũa, đầu ngón tay út, nhưng sẽ gọi hình ảnh rất mạnh một khi được gắn phải chỗ trên gốc mai già.

Ông Tư đã ngắm nghía gốc mai ấy không biết bao nhiêu lâu rồi, để chọn

những man khe mà bắc cầu, chọn những cái bệ cheo leo sườn núi mà cất chùa, chọn những thạch bàn cho các đại tiên đánh cờ.

Ông đã chuẩn bị một cây bình linh, loại cây giống hệt cây tùng mà lá là lá me, trồng mười năm trong một chung đất nhỏ, giấu trong hóc nào đó của gốc mai, cây bình linh của ông cũng chỉ cao có một gang tay thôi, giống hệt cội tùng già trong rừng sâu.

Sướng nhé! Niềm vui của ông già nầy rất trẻ, và hẳn ông phải trẻ ra, ít lắm cũng vài tháng, trong suốt thời gian ông mơn trớn, vuốt ve trong trí tưởng món đồ chơi sắp có.

Các ông già, mà cả những người trẻ tuổi có tâm hồn ở vùng nầy sẽ tế tựu tại nhà ông để trầm trồ gốc kiểng lạ, và nhút

là bộ giả sơn có một không hai trong vùng.

Ông không tiền để sắm chậu sứ lớn thì ông sẽ mua một cái ảng, vài chục bạc. Dùng ảng lại được cái lợi này là mười năm sau, khi cây mai ăn hết đất trong ảng và sắp chết, cần dời nó sang một món đồ đựng to hơn, với nhiều đất hơn, thì đập bể ảng mà khỏi tiếc tiền.

Sướng ôi! Cha chả là sướng!

Gió Bắc về, rồi mùa gặt qua, rồi mùa cưới, rồi kỳ yên, chạy miếu, xong đầu đó thiên hạ chuẩn bị ăn Tết. Tết năm nay, ông Tư chỉ ăn bằng gốc mai này là đủ rồi, không cần thịt kho, dưa giá, bánh mứt gì hết ráo!

Ông phải cậy thằng Trợ mới được. Ngày hăm ba, sau khi đưa ông Táo rồi,

ông dẫn nó lên rừng với một cây đòn, một chiếc gióng mây lớn, có đáy, với lại một cái xuống.

Ông đào gốc mai lên, nó với ông khiêng cái vật lạ ấy về xóm. Công việc xảy ra đúng từng li, từng tí, cho đến cái phút mà ông Tư với thằng Trợ lên tới ngọn gò quê hương của gốc mai già.

Nhưng vừa đến nơi là ông Tư suýt ngã ra bất tỉnh. Gốc mai đã vắng bóng, chỉ còn trơ lại một miệng lỗ rộng bằng cái thúng giạ và sâu độ ba gang tay. Có kẻ đã qua đây rồi!

Mà kẻ ấy hẳn là thằng Lợi.

Thấy là không thể giữ mãi được, nhứt là không thể giành độc quyền được về một vật ở ngoài trời, do trời sanh ra, ông Tư đã làm quảng cáo dữ cho gốc cây mai

của ông. Đó là một lối trước bạ trong vùng vậy, bởi thằng nào ăn cắp, ông sẽ tranh giành và dư luận sẽ binh vực ông vì ai cũng biết ông có công với gốc mai.

Như vậy, không thể có kẻ dám ăn cắp đồ cấm. Kẻ cắp chỉ có thể bán đi Sài Gòn thôi. Mà ở đây, thằng Lợi là người độc nhút chuyên bán thổ sản đi Sài Gòn.

Gói hột dưa bí mật

Ông nội buồn lắm: Hôm nay, ngày đầu năm, ông nội bói dưa, lại gặp trái dưa không vừa ý.

Ông nội không tin dị đoan, chỉ bói để cầu vui vầy thôi, nhưng bói xong, và không được quẻ tốt, ông nội nghe bà nội, mấy cô xầm xì rằng ông nội “xúi quẩy⁴”, ông nội đâm lo.

Cái gì mình không tin, nhưng thiên

4 xúi quẩy : xui xẻo

hạ tin và cứ nói mãi, nhứt là khi cái ấy trực tiếp xảy đến cho mình, mình không làm sao mà thờ ơ, thản nhiên với nó được, như trước đó nữa.

Ngày đầu năm, người nào trong gia đình cũng xẻ thử một trái dưa hấu, xem nó có thật đỏ lòng, mặt lòng dưa có xám xám cát hay không? để đoán tương lai tổng quát của họ trong năm.

Đó là hôm cả nhà phải ăn dưa đến ngấy ra, muốn ớn tới cổ, vì nhà đông tám người mà phải ăn hết tám trái dưa bói đầu năm, trong vòng năm, sáu tiếng đồng hồ thì sự ăn dưa biến thành cái khổ dịch, chớ không còn là sự thích khẩu nữa. Vâng, đúng là trong vòng năm, sáu tiếng đồng hồ, vì tuy người ta xẻ dưa hấu từ bảy giờ sáng cho tới tối, người ta không ăn quà ngọt và mát lạnh được trong buổi sáng.

Thằng Hải nhìn ông nội lắc đầu khi ngọn dao yếm xắn thật ngon vào thân trái dưa, chìm sâu xuống gần tới mặt ván, trái dưa chẻ ra làm hai ở phía trên, cho thấy ruột dưa mang một màu hồng lợt, nó bật cười, hô lên để đùa chơi:

– Ủng xỉnh⁵ rồi!

Ông nội nhấn mạnh tay xuống một cái là trái dưa rả ra làm hai, lật ngửa ra, dưa hai bản mặt mét chằng lên trời.

Ông nội gặp năm đại hạn đây, vì ngoài cái màu lờn lợt của ruột dưa, hột dưa lại to gần bằng ngón tay, và nhiều vô số kể, có thể nói đùa rằng hột dưa có dung tích nhiều hơn ruột.

Ông nội bỏ tất cả, đi ra ngoài trước, không buồn tiếp tục xẻ hết trái dưa, chia nó ra từng miếng nhỏ.

⁵ Ủng xỉnh : hư, xấu, dở.

Trái dưa bói đầu năm của ông nội rồi sẽ được vứt vào thùng rác, chớ dưa hấu năm nay dư, có thiếu đâu mà ăn của dở!

Ông nội ngồi buồn cho tới bữa cơm trưa, mặc sức cho con cháu nô đùa, cho khách khứa hỏi thăm, ông nội rút lên gác, để bà nội tiếp khách.

Lúc ngồi lại bàn ăn, thấy hai đĩa dưa hấu rất đỏ, dùng làm món sà lách (sà lách không phải là tên một thứ rau cải kia, như người ta đã tưởng lầm mà bất kỳ thực vật nào để trộn với món ăn, đều gọi là sà lách, hoặc hai ba món rau trộn lại cũng gọi là sà lách), ông nội nói:

– Làm sà lách bằng dưa ngon, uống lắm! Nhà nghèo họ dùng vỏ dưa, bỏ lớp xanh, bây có tiền thì ăn dưa dở là sang lắm rồi. Trái dưa tao chặt khi sáng đâu?

– Dạ, con bỏ trong thùng rác rồi, Bà à! Cô Út của Hải đáp như vậy.

Sự thật thì bà nội đã vứt trái dưa đó nhưng cô Út là người được ông nội cưng lắm, không bao giờ cô bị quở mắng nên cô tự động xung phong, gánh cái họa bị “bố” vào thân.

– Hoang phí lắm, nhưng không hề gì, bởi mấy làm sao mà biết được. Trưa nay, lấy ra, cạy tất cả hột dưa, phơi khô sơ sơ rồi gói làm một gói, đưa tao.

Cả nhà ai cũng nín cười đến muốn tức ngực. Ông nội làm bộ, để người ta thấy rằng trái dưa đó vẫn có giá trị, vẫn có công dụng gì, tức là ông nội không hoàn toàn xui xẻo quanh năm nay chẳng?

Có mấy tiếng “Bởi mấy làm sao mà biết được”, có vẻ bí mật ghê lắm. Biết cái

gì? Mà hề biết được là có tội hoang phí, còn không biết thì được ông nội khoan hồng?

Ông nội mót hột dưa để trồng à? Ông già sanh tật lắm lắm rồi đây! Ai lại lấy hột của một trái dưa dở tệ để làm giống bao giờ!

Biết tánh ông nội, cô Út thi hành đúng lệnh của ông. Ông nội không khó tánh lắm, nhưng lệnh của ông nội, cho dầu là lệnh vô lý nhứt, lệnh ban ra chỉ vì lẽ gì đó thôi chớ ông nội cũng chẳng cần kết quả của sự thi hành cho lắm, hề lệnh ông ra mà không thi hành thì phải biết! Ông nội phá nhà chớ không đùa đâu.

Hột dưa phơi sơ tới chiều là gói lại được. Ông nội các ca các cùm đem gói hột dưa vứt đi ấy để trên bàn thờ, giữa nhà, dưới một chơn đèn đồng.

Rồi kể giờ phút đó, ông nội mới chịu ăn Tết thật sự, nghĩa là tiếp khách và vui với gia đình.

Trong mấy ngày Tết, ông nội vui lắm, và thường nói:

– Năm nay chắc tao hên, mới đầu năm mà đã tìm ra công việc làm ăn rồi.

Bà nội thì thầm:

– Ông nội bây nói như vậy cho đỡ mắc cỡ vì trái dưa bói đầu năm ủng xỉnh. Cái vụ hột dưa trịnh trọng cất trên bàn thờ ấy, cũng chỉ cho đỡ mắc cỡ vậy thôi!

Ra giêng, mới cúng khai hạ xong, qua ngày mồng bảy là ông nội lo đi vỡ đất [Vỡ đất : khai phá đất để trồng trọt] liền Ông nội có mấy mẫu đất không dùng được vì là đất cát lại nằm trên gò cao, đang giữa mùa mưa kia mà không cày, cây còn không

mọc được, hướng giờ là vào đầu tháng Giêng.

Vậy mà ông nội hăm hở trồng dưa.

Vâng, cả nhà mới té ngựa ra là ông nội dùng mớ hột dưa vút đi để làm giống.

Bà nội lại nói:

– Ông nội bây đã gàn rồi, sanh tật sớm lắm.

– Sanh tật là sao, bà nội ? Hải hỏi.

– Sanh tật là tánh tình đổi khác đi, hay gắt gỏng, khó tánh lắm, hay làm chuyện tầm ruồng, ai ngăn cũng không được hết.

Những ông làm ruộng, trả đậu, trồng mía trong làng đi ngang qua đó, thấy vậy nói :

– Miệt vườn, vùng Cầu Đúc họ làm kỹ nghệ dưa, trồng gần như là quanh năm. Nhưng vì là kỹ nghệ, họ có phương tiện lớn, nên mùa nào họ cũng chở dưa lên Sài Gòn bán được hết.

Ở đây, ta đợi ghe đi dưa tứ xứ tới mua, anh trồng trái mùa như vậy, họ không tới, địa phương tiêu thụ sao cho hết ?

Ông nội chỉ cười khà mà không cãi lại, cũng không giải thích gì, khiến ai cũng định ninh rằng ông nội đã lãng trí rồi.

Nhiều người rất thạo thời tiết mùa màng, nói :

– Năm nay trời mưa sớm đó, a anh. Anh trồng nửa chừng, mưa xuống một đám là nó “chạy” dây⁶ hết. Bằng như

6 Chạy dây : dưa bị mưa làm úng gốc, rồi chỗ úng sẽ chạy lan

không chạy dây, dưa có trái, mắc mưa là thúi hết.

Dưa hấu rất sợ nước, và ưa đất cát khô. Vì thế mà Huê Kỳ mới trồng nhiều dưa hấu vì họ có nhiều sa mạc, các đất ở bìa sa mạc, trồng dưa hấu thì tuyệt. Thứ ấy mà mắc mưa một đám thì kể bỏ rồi.

Ông nội lại vẫn cười khà rồi làm thinh.

Ông nội trồng dưa được ba tháng mà trời chưa mưa đám nào hết.

Cái hên của ông nội là ở chỗ đó. Nhưng hên để làm gì ? Từ mười mấy năm nay, dưa Cầu Đúc bá chiếm thị trường Sài Gòn, nên dưa Trảng Bàng và dưa Biên Hòa, ngon hơn, lại không bán được. Đừng nói chi là ngày thường, đến Tết mà các ghe “đi” dưa họ cũng không từ gốc tới ngọn làm dây dưa hư luôn.

buồn lên đây nữa, ông nội ăn sao cho hết mẩy mẩu dưa !

Dân địa phương à ? Họ nghèo lắm, không ăn đồ xa xỉ. Ngày thường thì họ chỉ cần cơm cho no bụng họ mà thôi.

Dưa của ông nội đã chín, rẫy dưa lại ở xa nhà, vậy mà ông nội không buồn giữ dưa, đem như ngày.

Nhưng cũng không sao, vì một đứa bé trong làng lên gò ăn cắp dưa để đập ra ăn tại chỗ. Nó chỉ cạp có một miếng rồi bỏ cả, vì dưa dở quá, lại quá nhiều hạt. Nó về làng đồn âm lên, thế là những đứa trẻ tinh nghịch, hoặc tham lam khác, không buồn bỏ công đi ăn cắp dưa của ông nội làm gì nữa.

Cả làng đều đề quyết rằng ông nội điên, vì họ đi ngang qua đó, thấy dưa

chín, có trái đã chín rục, vậy mà báo tin cho ông nội hay, ông nội không buồn đếm xỉa tới.

Năm nay trời mưa sớm thật, đúng y lời tiên tri của các ông già nhiều tuổi canh tác, rất giàu kinh nghiệm về thời tiết.

Chiều hôm ấy, sau một ngày nặng nề oi bức, trời đổ xuống đám mưa đầu mùa như cầm chấn mà trút.

Nhà nào nghĩ tới ông nội, đều mỉm cười mà nói với nhau:

– Thôi, tiêu tùng đám dưa trên gò rồi.

Vậy mà sáng ra, ông nội vẫn tỉnh bơ, lo đi sửa kiếng và săn sóc vườn hoa.

Mãi cho tới ba hôm sau, ông nội mới

huy động người nhà và mượn thêm vài người công nhứt nữa, tất cả đều võ trang bằng thúng, để đi lên rẫy dưa.

Bà nội ngồi xĩa thuốc, lắc đầu nói :

– Thiếu gì tật già, ổng lại mang cái tật trồng dưa xấu và hái dưa thúi thì khổ. Có lẽ cả làng này phải trốn đi vì mấy ngàn trái dưa thúi ổng sắp cho mang về xóm.

Thấy ông nội điều động binh mã đi chinh phạt dưa thúi, cả làng đều cười, và họ đợi xế chiều coi sự thể ra thế nào ?

Tối chiều, cả đoàn về thật, nhưng lạ quá, thiên hạ đình ninh họ sẽ ề ạch khiêng những thúng dưa thúi nặng nề, không dè người nào cũng chỉ đội trên đầu một cái thúng coi nhẹ hều như không có gì trong đó hết.

Họ đi thẳng xuống sông và người làng chạy theo coi, mới hay rằng đó là hột dưa.

Có người biết chuyện, chứng hững mà rằng :

– Trời, vậy ông già ấy là tay thượng trí rồi ! Ổng không điên chút nào đâu, bà con ơi! Ổng trồng dưa lấy hột để xuất cảng qua Hương Cảng và Đài Bắc ấy, chớ không phải trồng dưa để ăn. Hèn chi mà ổng chọn giống dưa hột nhiều hơn ruột.

Cái thượng trí của ổng là cứ để vậy cho dưa chín thúi, có mưa giúp tay vào thì càng dễ ăn hơn nữa. Lấy hột dưa trong những trái dưa thúi rục, thì quá dễ, bởi dưa chỉ còn toàn nước không mà thôi, khỏi mót từng hột nhỏ, cứ thọc tay vô là hốt được cả nắm hột dưa.

Những điều trên đây thấu tới tai bà nội, chớ bà nội không hề hay biết có cái nghề xuất cảng hột dưa qua Hương Cảng và Đài Bắc. Thế nên bà nội vội chuẩn bị rổ để các chú phu đội các thùng hột dưa lên, có chỗ mà trút hột dưa qua cho nó ráo nước.

Bà nội hỏi ông nội :

- Tất cả được chừng bao nhiêu ông ?
- Lối hai trăm kí lô.
- Ít quá, làm sao xuất cảng được ?

Ông nội ngạc nhiên, nhìn bà trừng trừng. Ông nội vui tánh, cứ giữ bí mật cho cả nhà và cả làng ngõ ông nội điên chơi cho vui. Thấy bà nội mỉm cười, ông nội biết rằng cơ mưu của mình đã bại lộ, nên ông nội tiết lộ :

– Thì mới thí nghiệm lần đầu, đâu có dám trồng nhiều. Vả lại mình không trực tiếp xuất cảng, chỉ bán cho Chệt dưới Chợ Lớn thôi. Rồi ông nội kể miệng vào tai bà mà rằng : Nhưng tôi tính đổi nghề đây.

Một lần nữa bà nội lại ngỡ ông hóa điên, ai lại vừa tìm xong một nghề, chưa kiếm được đồng nào đã toan bỏ tìm nghề khác. Ông nội giải thích :

– Nói chuyện Chệt trung gian, tôi lại nhớ tới sự làm trung gian của họ về một món khác, quý giá hơn hột dưa nhiều.

– Gì đó ông ? Đậu hả ?

– Không, đậu giá có bao nhiêu đâu! Tôi nghĩ tới trái ươi⁷. Trái ươi mùa này thì nó rụng đầy rừng, nở tét lét, đi lút chơn khỏi mắt cá. Người Trung Hoa dùng trái ươi làm được phẩm, mà bà phải biết : hơn bảy trăm triệu người tiêu thụ đấy nhé !

Nhưng đã trễ quá rồi, vì mưa đã làm nở trái ươi hết. Năm tới, tôi sẽ đặt khoán cho họ, lượm ươi trước mùa mưa, và tôi sẽ xuất cảng trực tiếp.

Bà nội cười bằng cái miệng móm xòm rồi nói :

– Bảy mươi rồi mà còn tính chuyện xuất cảng.

⁷ Trái ươi : cũng gọi là trái lười ươi, trái khô ngâm trong nước thì lớp vỏ mỏng nứt rạn để ruột trái nở bung lớn ra. Mùa hè ta hay ăn pha trộn với hột é (gọi chung là hột é lười ươi), đó là một món giải khát rất được ưa thích vì cả hai thứ trái đều là được phẩm.

Hai người xuống tinh thần

Trưa đầu tháng Chạp. Chỉ có tiếng lá tre xào xạc với lại tiếng cu gù trên rừng.

Ông Sáu buồn ngủ lắm, nhưng không dám nhắm mắt. Người Tây nói mùa mưa xứ ta ẩm, không khí rất độc, nhưng người mình lại sợ cái nắng khô tháng Chạp nhiều lắm.

Cái lạnh của gió Bắc hình như mang theo khí rừng trong nội địa ra xóm làng,

nên hể ngủ trưa, cơ thể buông trôi, không chống lại với chuồng khí ấy là ta rét ngay. Rét đây không phải là lạnh đâu, rét là nói tắt hai tiếng sốt rét ấy.

Nằm trên võng, chơn thòng xuống đất, ông đẩy cho võng đưa kéo kẹt để tiếng võng phụ họa với hai loại tiếng hiem hoi nói trên, làm cho không khí đỡ buồn tẻ.

Ông Sáu lại ngâm thơ, nói cho đúng ra là ông nói về:

Đời phải đời thành thị

Cuộc phải cuộc văn minh

Không hiểu sao, ông lại ngâm bài về đó. Giặc già liên miên suốt hai mươi mấy năm trời rồi mà thành thị cái gì khô gì? Ông Sáu đã chứng kiến giai đoạn người mình nổi lên chống Pháp vào

những năm 1941-42- 43, đã chứng kiến giai đoạn Nhật Bản bạo hành, giai đoạn ta tổng khởi nghĩa, giai đoạn Pháp trở lại, giai đoạn ta đánh nhau với ta và với Pháp, thật là... loạn.

Bà Sáu đi xúc cá ở các vũng khô trên rừng, về tới nơi, nghe chồng tỏ ra nhàn hạ như vậy, nói mỉa:

– Ừ hự! Ông “nói” thơ, tôi nghe sao mà giống hồi còn nhỏ quá!

– À, bà, bà mới về hả ?

Tuổi tác của hai vợ chồng đồng nhau, và cộng lại chỉ già trăm năm thôi. Thế mà họ gọi nhau bằng ông, bằng bà và quả họ già thật. Lao lực nhiều và sợ hãi thái quá, làm cho họ già trước tuổi đi. Ông Sáu không nói gì vì ông vừa giựt mình. Từ bốn mươi năm nay, ông không hề hát

bài đó, và không hề nghe ai hát cả. Mà khi không ông lại nhớ ra nó và hát lên. Ông giựt mình mà chợt thấy ông mơ cái thời ông nhỏ dại, mà bài vè này còn được thịnh hành, hát nó lên để ông ảo tưởng rằng mình đang sống vào thời đó.

– Thuở tôi còn để bánh bèo, ai cũng hát bài vè đó hết, bà Sáu nói lại, sau khi đặt rổ cá xuống nền đất, những con cá nhỏ bằng ngón tay cái mà mẹ chúng nó lên rừng, sanh ra hôm mùa mưa, lúc nước đổ, dâng lên ngập đồng bằng và cả rừng cao nữa, rồi về quê cũ là sông rạch, chúng nó vì lẽ gì không rõ, không theo cha mẹ kịp, nên kẹt lại ở các ao, cũng trong rừng.

– Ủ, tôi cũng nhớ như bà. Tại hồi đó thái bình.

– Đâu có phải, bà cãi.

– Chớ tại cái gì ?

– Tại họ vừa qua thời loạn.

Ông Sáu cười hả hả mà rằng :

– Thì qua thời loạn là thái bình chớ còn gì ?

– Ủ, qua thời loạn là thái bình. Nhưng nếu thái bình được một trăm năm, họ cứ hưởng thái bình mà không dè rằng họ may mắn, hưởng tự nhiên như mình ăn cơm vậy. Nhưng người mới qua khỏi thời loạn năm mười năm thì họ hát như vậy, vì họ biết họ sướng mà được sống cảnh thái bình. Họ đã thấy cái khổ, có so sánh nên biết.

– Ủ, bà có lý. Hồi đó, ông bà mình vừa qua khỏi thời loạn, loạn Tây đánh ta, rồi thì yên giấc, lại thêm trong nước làm ăn thanh vượng hơn trước, nên họ mới

đặt ra bài về ấy. Tôi lớn lên là bài về đã gần cũ rồi.

– Chớ sao !

– Hóa ra ông bà mình sướng hơn mình.

– Cũng theo lớp chớ. Lớp ông nội, ông cố thằng Nam thì sướng, còn lớp ông sơ nó thì khổ vì Tây đánh ta vào thuở ông sơ thằng Nam hai mươi tuổi.

– Té ra cảnh thanh bình không có lâu, bà hả ? Ba đời người là hết thái bình rồi.

– Ủ, nhưng ba đời người cũng lâu lắm đó chớ ! Lâu là lâu bên sung sướng ấy. Còn ba đời người loạn lạc thì lâu như là đời ông Bành Tổ, cái này mới thật là lâu đa !

– Bà nói, sao mà tôi thương nhớ thằng Nam quá. Nếu nó còn sống thì giờ cháu nội mình đã lên năm, lên bảy. Ba đời người đó, đời ta, đời nó, với lại đời của cháu nội ta.

– Nó chết thì nó yên thân. Ta sống ta mới khổ.

Hai vợ chồng lại làm thỉnh nhìn ra ruộng. Đó là một đám ruộng gò, tự tay ông Sáu phá chồi để lập ra, khi hai vợ chồng chạy lên chốn đèo heo hút gió này.

Ông Sáu đã chừa lại hai bụi tre gai sau nhà lúc khai hoang, để có cảm giác rằng ông còn ở làng, vì bụi tre sau nhà, tạo không khí làng mạc mạnh mẽ. Ông cột đôi bò của ông dưới gốc tre, bỏ rơm mà ông chở theo bằng xe bò, và hai ngày sau là nghe được mùi làng xóm liền, cái

mùi mà thơm và phân bò, tắm nước đái bò để xông lên.

Đám ruộng này đã được săn sóc gần hai mươi năm rồi, mà nó vẫn không giúp hai vợ chồng no bụng, vì đã bảo là ruộng gò, tùy thuộc mưa nắng rất nhiều, năm nào mưa không thuận là lúa thất.

– Gần Tết rồi, bà ơi !

– Ủ, gần Tết rồi.

Hai vợ chồng già im lặng, nhưng cả hai đều nghĩ nhiều lắm.

Từ hai mươi năm nay, họ nhớ Tết ghê hồn, vì họ không được ăn Tết lần nào hết. Họ nghèo khổ quá, nhưng không phải vì vậy mà không được ăn Tết đâu. Hồi trước ở dưới làng, cũng có người nghèo, nhưng nghèo giàu gì cũng được ăn Tết cả.

Ăn Tết, không chỉ có bàn thờ đầy hoa quả, nhang đèn, nhà bếp đầy thức ăn là đủ. Tết là không khí, không khí ấy gồm nhiều thứ lắm không kể cho xiết được, thứ thường, mà cả đến thứ thiêng liêng nữa.

Ăn Tết trước hết là chuẩn bị. Mà phải chuẩn bị mua sắm trong tinh thần tranh đua với láng giềng cà, mới thú vị. Chẳng hạn năm nay họ gói mười đòn bánh tét bọc trung, ta gói hai mươi đòn bánh tét thứ bự là ta sướng vô cùng.

Mà ở đây, tranh đua với ai ?

Mấy tháng sau khi chạy lên định cư ở đây, ông Sáu đã đi thám hiểm một vùng rộng lớn quanh đây, ông gặp được rất nhiều người trong làng họ cũng làm y như ông. Nhưng mỗi nhà cách nhau gần

nửa ngày đường thì còn tỉnh thần làng xóm gì nữa!

Kể đến, ăn Tết là giấy mả. Đạo thờ cúng Ông Bà gồm tưởng nhớ, thờ cúng và giấy mả ngày Thanh Minh và ngày Tết, ông Sáu đã theo cha giấy mả từ thuở ông lên bảy và cứ như vậy cho đến năm ông hăm tám, cha ông qua đời, ông đi giấy một mình tới ngày chạy giặc là năm ông băm lăm.

Ông đã gần gũi tổ tiên ông mỗi năm hai lần, nghe thương mến người dưới các nắm đất ở đầu làng lắm, mà đã hai mươi năm rồi, ông không được giấy mả nữa.

Rốt cuộc, ăn Tết là tề tựu đông đủ dòng họ, bà con, cháu chắt, dưới một mái tranh cũng tốt, miễn là có sự tề tựu ấy, nó tạo ấm cúng không thể tưởng tượng được.

Ông Sáu coi nhà thờ, các em của ông, có ra riêng, Tết cũng phải đưa con cháu họ về nhà thờ, mà từ ngày chạy giặc tới giờ, những người ấy không có nơi để mà về nữa.

Trên rừng, vài con tu hú lẻ tẻ kêu.

Ông Sáu, đôi mắt sáng lên như mừng gặp bạn, nói:

– Lạ quá, bà hớ! Bà có nhớ không, thuở ta còn thơ dại, Tết sao mà tu hú về nhiều lắm, còn bây giờ thì ...

– Ừ, chắc là giống tu hú gần tuyệt rồi hay sao ấy.

– Mà hổng biết sau mùa Tết, chúng nó đi sống ở đâu?

– Nghe tu hú kêu, tôi lại nhớ những công việc sửa soạn ăn Tết.

– Hồi còn ở dưới làng mùa nầy là mùa xay lúa, giã gạo đây!

– Ủ, đàn ông xay, đàn bà giã, mà giã chàay tứ, hò hát suốt đêm, cả xóm đều vang dậy tiếng hò giã gạo, vui quá.

– Chỉ tại ông!

– Tại tôi làm sao?

– Đã hai lần rồi, trong vòng hai mươi năm nay, các ổng cho về, nhưng ông nhứt định không về, bây giờ thì không thể về nữa.

– Thì mình phải hết lòng với nhà nước chớ.

– Chớ không phải tại ông phồng mũi lên khi được họ khen là gạo cội? Thằng nào về, bị coi là không tích cực, đứa nào ở lại như ta, là công dân tốt số dách.

– Tôi đâu có dè mà đánh giặc hoài trong suốt hai mươi năm. Cứ nghe nói sáu tháng nữa là xong thì tội gì lại không làm công dân tốt mà chỉ phải chịu cực có sáu tháng thôi.

Ông Sáu nhìn đồng xương bò ngoài sân, đồng xương cũ, đã vàng khè. Cặp bò của ông đã được bảy tuổi khi ông dẫn lên đây. Rồi sau đó chúng nó chết già, ông không còn ai đỡ đàn tay chơn nữa, vất vả không chỗ nói. Ba đời người, mà cũng ba đời bò, nếu ông có tiền để mua bò thay thế. Nhưng ông không có tiền. Gần một phần tư thế kỷ rồi, ông không thấy tiền, sống bằng sự đổi chác, y như người trung cổ, ông đổi khoai, đổi măng, để lấy hai vật cần thiết nhứt mà ông sản xuất không được: muối và vải sô.

Hò ... ơ ... đời Tây bó buộc, bày cuộc máy bay, Giấy năm năm trở lại, kẻ lẫn

tay, người chụp hình

Ông Sáu lại hò, hò xong câu hò xay lúa trên đây, ông bình:

– Nhớ thuở xưa quá!

– Đã kêu “bó buộc” mà lại nhớ!

– Tôi nghiệm ra thì người làm câu hò nói sai ... Tây lập sân máy bay tại Biên Hòa, thuở ấy bằng tiền nào đó không biết, nhưng nó trùng với cái thuế mới là thuế thân, đóng thuế để lấy giấy năm năm rồi người mình tưởng là lấy thuế thân để làm sân bay.

Nhưng tôi nhớ thuở xưa không vì sự bó buộc hay không bó buộc, tôi nhớ vì những cái khác. Có lẽ nhớ vì sự thanh vượng, sung túc, sự an ổn làm ăn.

– Tinh thần của ông xuống ghê lắm đó, nha!

– Còn tinh thần của bà thì lên ghê lắm. Bộ bà tưởng tôi không hay bà khóc hay sao?

– Tôi khóc thầm, chớ tôi có nói với ai đâu.

– Khóc thầm cũng là xuống rồi đó, đâu có cần phải nói với ai. Khóc thầm bà còn nguy hiểm hơn tôi, tôi nói ra ngoài là hả hơi được, còn bà, bà để trong bụng, bà mưu toan.

– Tôi khóc cái kiếp không may của đời tôi, đời ông thôi, chớ tôi có đổ lỗi cho ai đâu mà ông nói là nguy hiểm.

– Bà thêm an lạc lắm hả?

– Bộ ông không thêm sao mà còn hỏi?

– Nè, tôi hỏi thật, bà thêm lắm hôn nè?

– Tôi nhớ làng, nhớ Tết ít lắm cũng bằng ông, tôi thích được mần ăn yên ổn, thích được có cơm ăn no, có bánh ăn chơi, ít lắm cũng bằng người khác. Hai mươi năm rồi, tôi không được ăn bánh xèo.

– Bà phải hy sinh chớ.

– Thì tôi đã hy sinh, nhưng mà lâu quá, hy sinh cả một đời.

– Thằng Còn nó nói: nếu phải hy sinh hai ba đời cũng vẫn hy sinh kia mà!

– Nó nói vậy, tôi hay vậy, chớ thật, tôi nản chí lắm rồi.

Còn là cháu của bà Sáu kêu bằng dì. Còn làm cán bộ trong tổ chức Kinh tế tự túc mà thỉnh thoảng có ghé qua đây.

– Bà không hiểu gì hết.

– Chớ bộ ông hiểu hơn tôi! Thì nó nói sao, ông hay vậy, y như tôi chớ hơn gì. Và ông cũng thích thái bình, thích hưởng cuộc đời như tôi, chớ hơn gì tôi.

– Ai lại không thích yên ổn mần ăn.

– Như vậy sao ông còn nói?

– Nè ...

– Gì đó?

Ông Sáu lặng thinh, do dự. Bà cũng làm thinh ngồi nhai trầu, nhìn nọc trầu ngoài sân, nọc trầu mà bà phải đi lấy nước suối cách đây hơn mười lăm phút để tưới, không thôi nó chết mất và bà phải chết ghiền. Còn cau thì không trồng được, vì đất gò xấu lắm, bà ăn trầu với vài thứ trái rừng và rễ cây rừng.

– Bà lại xít gần tôi, tôi nói cái nầy cho mà nghe.

– Hừ, quỉ! Già rồi! Hồng sợ người ta cười cho!

Ông Sáu cười ha hả mà rằng:

– Bộ bà tưởng

Tuy nói vậy, bà Sáu cũng dòm quanh, ngó quần bên ngoài. Cả một tuần trăng, chưa chắc có người đi qua đây, vậy mà bà cứ lo. Thuở bà lên đây, bà đã thấm nhuần phong hóa của dân tộc rồi, đời sống vợ chồng là phải có vậy thôi, mà ban đêm tắm tối kia, chớ còn vợ chồng mà thân mật với nhau giữa ban ngày là hư hèn.

Yên lòng quả thật vùng nầy đang hoang vu, bà đứng dậy, bước lại vũng của ông rồi ngồi xuống. Ông cũng ngồi dậy, kê miệng sát tai bà mà nói thì thầm rất lâu.

Nghe xong bà lắc đầu.

– Tôi sợ lắm!

– Hồng có sao mà! Cháu bà nó là cán bộ.

– Ông cũng biết là chính nó còn khó hơn các ông kia nữa, với lại nó đâu có quyền về chuyện đó.

– Tôi nói hồng sao, vì nào ai biết đâu! Hồng chừng hai, ba năm nữa mình theo ông theo bà, vì mình yếu lắm rồi, tôi mới trên năm mươi, bà chưa chẵn năm mươi, mà ta đã già quá vì thiếu thốn, ừ hồng chừng mình sẽ theo ông theo bà, bà không muốn ăn Tết vài năm sao?

*

Ông Sáu thức dậy hồi mặt trời lặn vì ông buồn quá, ngủ suốt ngày nay, từ lúc

ông bị bắt, hồi bảy giờ sáng.

Ông nghe tiếng người lao rào khi ông chưa mở mắt, và một người cười nói:

– Ông già này ổng khôn trật đời, nhưng ổng hờ tới hai chỗ, nên thằng Còn nó báo cáo lên, tôi mới biết mà cho người coi chừng ổng.

– Ổng hờ chỗ nào? một người khác hỏi.

– Ổng giẫy mả cho thằng con trai ổng, thằng Nam, thằng chết trên nầy và được chôn sau nhà ổng mà giẫy vào đầu tháng Chạp. Ai lại giẫy mả sớm như vậy!

– Hôm thằng Còn tới thu thuế, ổng biểu cứ lấy hết bồ. Năm nào, nhứt là vợ chồng ông già này, cũng đều kê thuế nặng, họ bớt một thêm hai, họ kỳ kèo, vậy mà mùa nầy ổng lại cho vét bồ, mà

một cách vui lòng chớ không phải là nói lầy, thì có phải là vợ chồng ổng mưu toan thanh toán hết để mà đi hay không?

– Nhưng còn bả đâu?

– Bả đi lọt rồi. Bả gánh khoai, nói là đi bán, nhưng chắc dưới khoai có chôn áo quần của hai vợ chồng.

Ông Sáu được gọi dậy để ăn cơm tối. Ông chỉ trộn trạo nuốt qua loa thôi, vì ông thấy từ đây, ông còn khổ hơn hai mươi năm qua nữa, nếu họ không giết ông.

Ông không rõ tội ông bao to, đối với họ, và nhần nại chịu số phận như hàng triệu dân quê ta đã chịu số phận từ mấy ngàn đời rồi.

Ông Sáu được hỏi cung ngay đêm đó.

– Ông có nhận tội hay không nè?

– Tôi nhận tội.

Ông Sáu đáp cho xong vì ông quen đi ngủ hồi bảy giờ rưỡi, từ nhỏ tới lớn, mà giờ này còn phải ngồi đây, ông cứ ngáp mãi. Ông quyết nhận tất cả, rồi ra sao thì ra, mặc dầu chưa biết mình bị kêu án thế nào.

– Tốt lắm. Người hỏi cung khen như vậy. Xem ra thì ông không ngoan cố. Vậy ông có gì khiếu nại hay không?

– Dạ không. Nhưng các ông hỏi thì tôi cũng xin nói, là tôi nhớ có mấy lần, các ông đã chánh thức cho dân về, nên tôi cứ ngỡ về không phạm tội.

– Người ta về, có xin phép, lại có sự ưng thuận của nhà nước. Còn ông thì trốn ông đi, có khác chớ.

– Nhưng trốn hay cho phép đều cũng là về.

– Nhưng ông trốn là ông có mưu định gì bí mật, nhà nước biết sao được.

– Tôi không có mưu định cái gì hết. Tôi nhớ làng quá.

– Ông đã được tiếng là gạo cội, giờ ông nói nhớ làng, thật khó tin.

– Tôi xin thề.

– Khỏi.

– Tôi nhớ làng thật tình. Tôi chỉ gạo cội, năm năm, mười năm thôi, gạo cội lâu quá, tôi gạo cội không được.

– Buổi đầu không ai bắt ép ông làm gạo cội. Giờ thì đã trễ lắm rồi. Làng bây giờ không còn như làng của mấy năm trước. Họ đã biến làng ra ấp tân sinh, rào

lại, ông về đó, tinh thần ông sẽ cách biệt với Cách mạng, ông biết chưa?

– Tôi không biết điều đó. Tôi già rồi, muốn an hưởng vài năm trước khi theo ông theo bà vậy thôi.

– An hưởng. An hưởng làm sao được trong khi thiên hạ còn lầm than?

– Thì mấy ông còn trẻ, làm gì cứ làm. Tôi già rồi.

– Ông già rồi, thì ông khỏi đi bộ đội, khỏi đi hàng, khỏi công tác này nọ, ông chỉ sản xuất thôi, còn kêu ca gì?

– Tôi không có sống từ hai mươi mấy năm nay.

– Sống là thế nào, theo ông?

– Tôi hiểu là sống, phải làm việc để trả nợ áo cơm cho đoàn thể, tôi thuộc bài

lắm. Nhưng tôi cũng thích hưởng cuộc đời chút ít, một chút xiu thôi.

– Ông nầy bản cố nông, lại ưa hưởng thụ như là tư sản. Nè, rán thêm vài tháng nữa, rồi mặc sức mà an hưởng.

– Tôi rán đã hai mươi năm rồi, các ông ơi! Cách mạng nói đánh Tây xong, độc lập rồi thì an hưởng. Tây đi mất đất mà tôi an hưởng gì đâu?

– Ông nầy thật là ghiền an hưởng. Nè độc lập rồi chưa đủ, nghe chưa. Mà ông đừng nói chuyện an hưởng nữa. Đời cháu, đời chắt ta an hưởng cũng chưa muộn.

– Thôi được, tối mai, sẽ lấy cung tiếp.

Ông Sáu vừa được đưa vào buồng trong. Vách buồng là trĩ long mốt, có búa mà đẽo cũng chẳng thấm tháp vào

đâu. Vả ông cũng chẳng tính chuyện vượt ngục làm gì. Ông không thiết sống cho lắm. Nhưng kẻ có cái gì, tối thiểu lắm cũng được, mới là ham sống. Ông biết bám níu vào cái gì để quý cuộc đời bây giờ?

Đêm nay là đêm rằm tháng Chạp. Ông nằm trên chõng tre, hồi tưởng lại nếp sống ở làng thời thái bình cho vui vậy thôi. Ông nhớ những tiếng giã gạo chày tư và nghe như những tiếng chày nhịp miệng cối kên kên đâu đây.

Ông hình dung những cô gái mười bảy, mười tám, cứ bốn cô một cối, họ giã đều tay, cô nào cũng có lúc khum mình đưa đầu vào cối cả, vậy mà không cô nào bị chày mổ lên đầu, mặc dầu bốn cái chày cứ luân phiên nhau mà mổ xuống, không ngớt phút nào cả.

Trong khi đó thì ông ngồi uống trà, ngắm hai gốc me già mà ông uốn thành kiểng trong hai cái ảng ngoài sân. Ông chơi kiểng, sớm lắm, mới ra khỏi tuổi ba mươi, ông đã chơi cái trò ông lão ấy, mong đến tuổi già thì ông đã có kiểng rồi. Khỏi phải bắt đầu trẻ, muộn như các ông già khác.

Giờ, chắc hai gốc me ấy không còn.

Bỗng ông vụt cười khan lên, nếu có ai rình ông chắc họ sanh nghi lắm. Ông cười vì ông bỗng thấy sự an hưởng của ông cũng chẳng có gì. Tức cười cho mình, nhưng ông Sáu không hối hận. Ông đã nói rằng một chút xiu thôi kia mà! Ông vô lý quá, ông đại quá, ông dám đánh đổi cái kiếp bản cố nông của ông để lấy một chút xiu đó, chớ không ham tranh đấu để hết số phận bản cố nông.

Có lẽ ông thiển cận, hết số bần cố nông xa quá, mà ông thì thêm ngay cái chút xiu ấy, nó có được bây giờ, nếu khi sáng ông đi lọt.

Bỗng ông nghe ngoài kia, tiếng hai người nói với nhau, giọng người hỏi cung và một người lạ.

– Bây giờ tính sao, về ông già này?

– Rất dễ giải quyết. Đừng cho y đi đâu vài bữa, vợ y lột tốt về.

– Nhưng xử thế nào?

– Để rồi giáo dục y lại, chẳng bắt tội làm gì.

Ông Sáu râu quá. Ông đã được giáo dục rồi, nhưng tại ông không nuốt trôi, và cứ ham an hưởng thái bình mãn ăn yên ổn, chớ có phải chưa được học tập gì hết đâu.

Ông rất ngán học tập nữa, cũng như ngán ăn món khó tiêu đối với ông.

Từ sáng tới giờ, ông đinh ninh rằng ông phải chết nên ông nghe nhẹ ghê đi!

Ông Sáu lại vụt cười khan lên, không phải khoái chí vì khỏi chết: ông thấy sao mà ông dị kỳ quá, hơi thất vọng vì khỏi chết, hơi sợ sống trong cảnh chiến tranh.

Một thảm kịch thôn quê

Má ơi, cho tiền con mua đường cát nấu chè!

Con Hương, con gái thứ của bà Xã Hộ chào Nghiệp mà nó không biết, nhưng không ngại lời mà xin tiền mẹ trước mặt khách, vì nó mới mười bốn tuổi thôi.

Nghiệp sực nhớ ra rằng hôm nay là rằm tháng bảy nên cười, rồi nói với bà chủ nhà:

– Sáng cúng mặn, tối cúng chè hủ bác Xả?

– Ừ.

Vợ chồng Xả Hộ tản cư về Sài Gòn từ năm 1945, rồi ở luôn dưới nầy không về, trong một căn nhà lá, sau chợ Hòa Hưng.

– Chớ mấy quên lời tao dặn rồi hay sao? Hễ nấu chè cúng thì nấu bằng đường phối.

– Đường phối đâu có?

– Đường cúng hôm Tết, ra Tết tao cắt trong chạp da bò, có chỉ cho mấy đó mà.

Nghiệp mới hai mươi nên mặc dầu tổ quán của chàng ở tỉnh, đồng hương với vợ chồng ông Xả Hộ, chàng không hề được biết thôn quê.

Chàng ra đời tại nhà thương Từ Dũ năm 1945 mà thuở ấy còn mang tên là nhà thương Bê Săng (Béchamps). Chàng có thấy đường phối, vào những dịp Tết, nhưng gia đình chàng không hề cúng thứ đường ấy, nên chàng không biết rõ cho lắm về thức ăn nầy.

Chàng hỏi ông Xả:

– Thưa bác, sao đường phối Tết mới có, còn ngày thường thì không? Và đường ấy ở xứ nào chở tới vậy bác?

Ông Xả Hộ cười mà nói rằng:

– Con Hương nó cũng hỏi như vậy nhiều lần, nhưng bác không trả lời làm gì. Nó còn nhỏ quá, nghe rồi quên hết.

– Đường phối chế tạo ở làng mình chở ở đâu.

- Làng mình?
- À quên, làng của bác, của ba cháu. Cháu là dân Sài Gòn, bác quên mất.
- Tức làng Bình Thới, trên Biên Hòa?
- Ủ. Có một tích hay lắm về đường phối, để bác kể cháu nghe đừng cháu biết chút ít về tổ quán của cháu.
- Cháu ham nghe chuyện trên làng lắm. Ba cháu đã kể nhiều chuyện, nhưng cháu không hề nghe câu chuyện đường phối này.

*

Làng Bình Thới là một làng biệt tịch, trong vùng Đồng Nai trung⁸.

⁸ Đồng Nai trung tức là vùng trung của lưu vực sông Đồng Nai, chứ không phải là tên tỉnh nào cả, phải nói rõ như thế để tránh ngộ nhận vì đã có một bạn đồng nghiệp ngộ nhận về danh từ này, trong một chuyện khác của tác giả.

Dân làng sống chật vật nhờ những đám ruộng khô hiếm hoi và rất ít màu mỡ. Nhưng vài gia đình lại khá giả nhờ một nghề bí mật, nghề “trở” đường phối.

Các bạn có biết đường phối là gì không? Nhiều bạn trẻ chưa bao giờ thấy mặt miếng đường kỳ lạ ấy, vì trong mười năm chiến tranh, Bình Thới không có điều kiện bán ra ngoài thổ sản của mình.

Đường phối không phải là đường. Thật ra nó chỉ là một thứ quà ngọt chế tạo bằng đường cát trắng, tròng trắng trứng gà và một vài chất khác mà nhà nghề giữ kín cho mãi đến ngày nay.

Miếng đường phối mang hình dạng một lá phối mà bên trong, nó cũng có hang, lỗ y như phối người.

Đó là một lễ phẩm, người dân Đồng Nai dùng cúng tổ tiên ngày Tết.

Thành phần hóa học của đường phối, và cách chế tạo nó, những nhà nghề trên ấy thọ lãnh của tổ tiên ngoài Quảng Ngãi, Quảng Nam khi bỏ làng di cư vào Đồng Nai, cách đây trên ba trăm năm.

Những gia đình tốt phước ấy bo bo giữ bí mật nhà nghề để hưởng lợi. Ngày xưa họ nắm quyền hương chánh và đặt ra nhiều tục lệ cay nghiệt để bảo vệ đặc quyền nghề nghiệp của họ: trai làng không được cưới gái làng khác, và gái trong làng cũng chẳng được lấy chồng xa.

Vì trai gái trong làng phần đông là nhơn công của các lò chế tạo đường phối, nên họ cấm đoán như thế để tránh sự tiết lộ bí mật nhà nghề.

Vì luật gái thừa trai thiếu, mà gái làng lại không có quyền lấy chồng xa,

nên lệ trên gây ra một tình trạng ngộ nghĩnh: là trong làng sống rất nhiều gái già. Những gái già nầy tuy được nhiều đặc ân của làng, nhưng vẫn khổ: một thời thanh xuân thiếu tình yêu và một buổi tàn niên tro trọi, quạnh hiu không con cháu để vui nhà.

*

Mỗi năm vào tiết tháng Chạp, hàng trăm ghe thuyền từ các tỉnh miền Nam, ngược dòng Đồng Nai, lên làng Bình Thới để mua đường phối về bán cho tỉnh mình.

Tiểu công nghệ ta sản xuất chậm chạp nên những ghe thương hồ ấy nhiều khi phải đợi hằng tuần mới có hàng.

Trong thời gian chờ đợi, nhiều cuộc tình duyên không có ngày mai, xảy ra giữa gái làng và trai bạn ghe tú xứ.

Một cuộc tình duyên kia, hại thay, lại muốn thoát lệ.

Số là anh Trọng ấy đã yêu tha thiết cô My, con gái của Hương Quán Xệ, một chủ lò đường phối.

Ba mùa liền, anh cậy mỗi mai đến hỏi cô My, nhưng lẽ cố nhiên, cả ba lần anh đều bị cự tuyệt.

Năm ấy anh đổi chiến lược là đưa một tối hậu thư cho người yêu chớ không cậy mai mối nữa. Cô My bị đặt trước hai ngã đường mà cô phải chọn lấy một: xách gói trốn theo người tình phương xa, hay trọn hiếu rồi phụ người yêu?

Cô đã chọn con đường tình cảm.

Nhưng buổi nói chuyện giữa đôi lứa thiếu niên nầy lại lọt vào tai một kẻ thứ ba, anh Hòn, một trai trong làng cũng rắp ranh cô My mà cũng bị cự tuyệt vì địa vị chênh lệch giữa gia đình Hương Quán Xệ và gia đình anh.

Để tấn ƠN, Hòn đem câu chuyện rình nghe lóm được mách với cha cô My.

Được tin, ông Hương Quán nổi giận đùng đùng. Ông toan bắt con gái đánh một trận nhừ tử để trừng phạt nó.

Nhưng bà Hương Quán khôn ngoan hơn, khuyên ông nên trầm tĩnh để thủng thẳng nghĩ kế.

Đánh con, không ích lợi gì cả, mà còn làm cho nó uất hận mà ham trốn hơn nữa. Cũng không có cách gì nhốt con lại cả. Bắt người bạn ghe thì cũng khó vì

hắn chẳng làm gì nên tội. Cho phờng hay để họ xử trí chẳng? À, điều này thì không thể được, vì như vậy thì họ sẽ biết hết chuyện xằng bậy của Mỹ, xấu hổ cho tông môn tổ đường.

Hai vợ chồng bối rối như vua nước loạn. Ông Hương Quán càng rối trí, càng bức tức muốn đập chết hai đứa báo đời.

Chiều hôm ấy, cô Mỹ nhúm lửa ngoài sân nướng hột điều làm kẹo ăn chơi.

Chất dầu chứa trong vỏ hột điều, cháy phừng phừng lên ngọn cao nghệu, và tỏa ra một mùi nồng cay khó chịu.

Trong khi cô đang cầm que bới hột cho nó cháy đều thì ông Hương Quán trong nhà xầm xầm chạy ra.

Ông đá một cái: đứa con gái té ngựa xuống đất. Đoạn, chân dè lên ngực con,

tay ông dùng hai cây que mà gấp hột điều đang cháy, dí vào da mặt cô Mỹ.

Chất dầu xì thành những vòi lửa nhỏ, bắn vào mặt cô gái tội nghiệp này. Cô ta la bài hải khiến cả nhà và lối xóm bu lại mới hay tự sự.

Họ ngỡ ông Hương Quán hóa điên thành linh nên áp nhau lôi ông đi.

*

Cô Mỹ phải nằm dưỡng bệnh đến bảy hôm. Khi những vết thương vừa kéo da non, thì bà Hương Quán mới hiểu thâm ý của chồng.

Ông Hương Quán không phải đốt con để trừng phạt nó. Ông đã dùng dầu và mỏ hột điều nóng để phá hoại nhan sắc

của con ông. Đó là lỗi bảo vệ hay nhút để ngăn nó theo trai, vì từ đây, không con trai nào thèm ngó ngang đến nó nữa.

Da mặt cô Mỹ bị chất mủ hột điều nóng ăn nám đen nhiều chỗ không bao giờ phai. Tệ hơn thế, nhiều mảnh da trông cứ như là ghẻ lác đang lở lói, có vẻ như ươn ướt mãi không bao giờ khô ráo cả.

Sức nóng đã tàn phá nhiều sợi dây thần kinh trên da mặt cô, nên nhiều thớ thịt giật xéo một bên, thành ra lúc nào cô cũng như đang nhăn nhó một cách xấu xí.

Ngày hẹn nhau cùng đi là ngày lui ghe. Ngày nầy lại đúng vào con nước ròng chiều hai mươi tháng Chạp.

Cô Mỹ ôm gói, ẩn theo những đám mía để ra bờ sông.

Người tình của cô vẫn đứng hèn. Anh ta tuy có nghe biết câu chuyện nhưng không hề ngờ sự biến đổi về nhan sắc của người mình yêu.

Trọng gặp Mỹ dưới gốc cây nhông ở bờ sông. Ban đầu anh chưa nhận ra bạn, giật mình lui bước trước gương mặt quái dị, lạ lùng.

Khi giọng kêu của Mỹ giúp anh biết đó là người yêu thì anh rụng rời, đứng trân trân mà nhìn bạn.

Mỹ không có gương để soi, nhưng nghe bạn hữu chung quanh nói, thì cũng đã biết mình không còn ra con người nữa rồi. Mặc dầu vậy, nàng cũng đến nơi kỳ hẹn, để thử thời vận lần cuối cùng.

Cử chỉ của bạn cho nàng thấy rõ ý nghĩ thâm kín trong lòng Trọng. Nàng

nghe ngào nuốt lệ, để rơi gói áo quần, không thềm nghe những lời khuyên dụ về luân lý của Trọng. Phải, bây giờ Trọng lại khuyên cô nên vì chữ Hiếu mà quên Tình. Ở lại với cha mẹ là hơn!!!

Buồm đệm trần một lá vàng tươi chứa phồng lên dưới gió bắc về chiều, ghe từ từ rời bến, mang theo mối tình đầu và mối tình vạn kiếp của một cô gái quê, nạn nhờn của bí mật nghề nghiệp.

Sau lưng cô, ông Hương Quán và bà Hương Quán rình con: mặc dầu quả quyết giữ con lại, họ cũng không ngăn được lệ tràn.

✱

Không rõ ở làng Bình Thới, ngày nay tục lệ oái oăm ấy có còn hay không?

Nhưng một điều chắc chắn là bí mật sáng chế đường phối vẫn được người làng chăm chỉ nắm giữ mãi đến bây giờ.

Nấm ma

Đã quyết định từ chiều hôm qua là sẽ đi vào rừng một mình sáng nay, con Quít lại do dự khi tới ngã ba của con đường mòn trong xóm, đứng trước ngã đưa ra khỏi thôn và ngã rẽ vào xóm con Họn.

Chiều hôm qua là chiều thứ ba của ba ngày mưa lâm râm, sau Tết Đoan Ngọ, mà người ta gọi là „mưa nấm“, tức là mưa để gây khí hậu cho một thứ nấm kia mọc lên được, một thứ nấm đặc biệt

vô cùng vì nhiều điểm. Đó là nấm mối.

Nấm mối ngon nhứt hạng trong các thứ nấm của xứ ta, mà các loại nấm ngoại quốc danh tiếng nhứt, sánh cũng không bằng, kể cả nấm mắc tiền là nấm Tru\$e.

Ngon như vậy, nó lại mau hỏng lắm, không mong đưa ra chợ kịp, thành thử các cô thôn nữ rất khoái đi tìm nấm mối, vì đó là món ăn ngon độc nhứt mà các cô được hưởng, chớ thường thì có thức gì kể như “món ngon vật lạ” là phải nhịn để bán lấy tiền mua vải, mua dầu.

Nói đi tìm vì không phải hễ cứ vào rừng là hái được nấm mối, tương đối dễ dàng như là hái nấm giẻ, nấm trứng gà hay các loại nấm khác đâu. Phải tìm, mà nào có tìm được nhờ công phu đâu. Nấm mối không trốn trong các xó kẹt hiểm hóc, không ẩn núp trong các lùm cây bụi

rậm, mà mọc giữa khoảng đất trống, vậy mà tìm không ra mới là kỳ cho!

Nấm mối không phải mọc dưới chân các gò mối, mà mọc những chỗ nào có cây chết, mục nát lâu đời, bất luận là cây gì, miễn cây mục nát ra gần thành đất là đúng môi trường của nấm mối.

Nấm mối mọc thành về to bằng cái thúng giạ, chỉ nội trong hai phút đồng hồ là lú lên, và trưởng thành xong, và độ một tiếng đồng hồ sau là tàn lụn hết, nát thành tro bụi, nếu ta không hái kịp lúc, tức là hái lúc nó vừa trưởng thành.

Nhiều đám đất trống nhỏ trong chồi, trong rừng, ta đi qua đó năm, ba lần mà không thấy gì cả, nhưng giây lâu sau, người khác vừa trở tới là bắt gặp ngay về nấm tìm kiếm. Nói là tìm, chớ thật ra là phiêu lưu sự hên xui, may rủi mà thôi.

Vì vậy mà năm mối mang tục danh là năm ma, đang không thấy gì hết, nó bỗng xuất hiện ra, và vừa thấy đó, đã mất đó.

Con Quít do dự ghê lắm là vì nó sợ ma. Ủ, chắc chắn năm mối là năm ma rồi, không còn ngờ gì nữa cả, mà đi tìm ma một mình, ớn xương sống quá!

Nhưng nếu gọi con Họn cùng đi cho có bạn sẽ vấp phải rắc rối như mọi năm khác thì cũng khổ.

Phàm những món gì mọc ngoài đồng hoang hay trong rừng, đều giống như chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn. Chẳng hạn như đi hái măng tre, đi thành đám năm bảy người, gập một bụi tre lớn chứa năm, bảy mọt măng thì năm, bảy người cứ bình tĩnh thọc câu liềm vào bụi để hái mỗi người một mọt, chị em hòa

thuận với nhau, rất vui vẻ để rồi bước sang bụi tre khác.

Năm mối, trái lại, gây lung củng nội bộ vì nó rất hiếm hoi, mỗi về lại quá nhỏ, có khi đi cả một buổi sáng mà tìm được có một về, không ai chịu nhường ai cả, còn chia nhau, thì không ai còn gì cả.

Thế nên bọn đi hái năm mối, hễ thấy được một về năm thì bơi mặt ngay để biến thành cừu địch, hè nhau mà chụp giựt, mạnh ai nấy cào nấy hốt, rớt cuộc, chẳng ai được gì, bởi loại năm quá bở ấy đã nát hết dưới những bàn tay tranh cướp của họ.

Con Quít do dự, đứng tại ngã ba mà nghĩ kế. Độ tàn một điều thuốc, nó lững thững bước trên con đường mòn dẫn đến xóm con Họn mà vẫn còn tiếp tục toan tính.

Con chó phèn nhà con Họn thấy mặt Quít sủa lên một tiếng lầy lẹ, gọi là có làm phận sự chó ai lại sủa người quen.

Quít đẩy cổng vào nhà, thấy Họn đang không làm gì hết, nó hỏi:

– Sao không đi hái nấm mối? Khi nầy thiên hạ đi lu bù.

– Vậy hả? Nhưng thiên hạ đã đi lu bù, còn gì cho mình?

– Con nầy điên rồi! Bộ hể họ vô trong ấy trước thì gặp nấm mối liền hay sao? Thường thì kẻ đi sau lại hay gặp may hơn.

– Nhưng tao sợ ma lắm. Sao mày không đi?

– Tao cũng sợ ma lắm. Mà nè, nếu hai đứa tụi mình, cùng đi thì vui, lại khỏi sợ ma.

– Ủ. Như mọi năm vậy mà!

– Đúng như vậy. Nhưng năm nay phải khác.

– Khác làm sao?

– Mọi năm, tụi mình đi tay không, về cũng tay không, mà cả làng đều chịu cảnh đói hết, bởi ta giành nhau, nát bao nhiêu là về nấm mà ta bắt gặp.

– Ờ há! Như vậy còn đi để làm gì? Nấm mối là phần ăn của ai gan dạ, dám đi một mình.

– Nhưng tao có cách làm cho tụi mình có ăn nếu tụi mình đi hai mình.

– Cách nào?

– Miễn là mày nhận những điều kiện nầy... Mà nhận hay không hè?

– Ai biết đâu. Cứ nói nghe thử coi.

– Khó lòng mà biết đứa nào trong hai đứa tụi mình sẽ thấy trước đứa kia một về năm, mặc dầu sự thấy trước, thấy sau chắc chắn là có chớ đâu phải hai đứa cùng thấy một lượt.

– Ủ.

– Như vậy, không thể bằng vào sự thấy trước, thấy sau để mà giành phần.

– Ủ.

– Như vậy, ta chỉ còn nước chia đều.

Con Họn bật cười rồi cười ngất, cười sặc sụa, một hồi lâu mới nói được:

– Nếu có thể chia, thì từ thuở giờ đâu có chuyện đáng tiếc xảy ra. Năm gói lá chuối để nướng ăn chơi, nướng chín rồi thì nó teo lại còn nhỏ xíu, một về năm

chỉ đủ lủm một lủm, chia rồi thì vừa đủ dính kê răng.

– Ấy, mà chia được đó. Nè, tao giao mấy điều, mấy nên nhận, mà chính tao cũng phải chịu các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, hễ đi một buổi mà chỉ gặp một về năm thì mây sẽ được hưởng một mình.

– Mây nói sao mà tao nghi mây lập mưu lập kế gì, để gạt tao quá! Sao mây tốt bụng dữ vậy?

– Tao không có tốt khỉ khô gì hết. Tao vì quyền lợi mà thôi.

– Vì quyền lợi mà để tao hưởng một mình?

– Ủ, như vậy mây mới nhận lời ký hiệp ước chớ, mà mây chịu ký, tao mới có lợi.

Cả hai cùng cười. Nông dân ta, trong vòng mười mấy năm nay, khá thạo danh từ và rất sính dùng danh từ khó và lạ. Đôi khi họ dùng sai, chỉ vì sính dùng danh từ hơn là nói nôm na. Chẳng hạn như xe riêng, xuống riêng, họ không nói, mà nói xe cá nhân, xuống cá nhân. Xuống cá nhân là xuống chỉ vừa một người ngồi (thí dụ: hồ cá nhân, hầm cá nhân), chứ nào phải xe riêng, xuống riêng như ý họ muốn nói đâu. Có người bảo rằng tại trong thời gian Việt cộng tràn tới, họ cấm không ai được có của riêng, nên kiêng kỵ tiếng “Riêng”, nhưng thật ra chỉ tại họ sính dùng danh từ mà dùng sai, chứ nếu cấm có của riêng, cũng không ai cấm danh từ “Riêng” bao giờ.

Họ cười, vì tự họ thấy nói danh từ thì hơi kỳ kỳ thế nào ấy. Con Quít lại tiếp:

..... mà hể năm nay, hoặc lần này, tao tôn trọng hiệp ước thì mày sẽ tín nhiệm tao, và những lần sau, tụi mình sẽ bắt thăm, chứ không phải luôn luôn mày hưởng một mình đâu. Nhưng lần này tao cần mày ham, nhận ký kết cái đã.

– Mày là con cáo già. Thôi, nói tiếp đi!

– Thứ hai, lẽ dĩ nhiên là về thứ nhì, tao sẽ được hưởng, về thứ ba, mày hưởng vân vân ...

– Đồng ý.

– Thứ ba, điều thứ ba đã nói rồi, nhưng chỉ nói chơi chơi ở ngoài lề, giờ phải ghi vào hiệp ước cẩn thận mới được, là mày chỉ được hưởng một mình nếu tụi mình chỉ gặp độc một về mà thôi, lần này đây, còn những lần khác thì cái đứa

may mắn ấy là đứa bắt thăm trúng số may mắn.

– Đồng ý!

– Bắt thăm cách này. Ta quăng lên trời một đồng bạc bằng kim khí, mỗi đứa được quăng một lần, đứa nào mà được đồng tiền rơi nằm ngửa là đứa đó may mắn.

– Ngộ như cả hai đứa đều có đồng bạc rơi nằm ngửa hết?

– Như vậy thì sẽ quăng trở lại, cho tới chừng nào hai đứa khác nhau mới thôi.

– Đồng ý!

– Hiệp ước gồm bốn điểm, nhớ nhé.

– Nhớ.

– Thôi, ta đi nè.

Con Họn rút từ giàn bếp xuống một cái rổ bằng cái rổ mà con Quít xách theo, đoạn hai chị em ra khỏi nhà, Quít trở lại ngã ba khi nãy để vào rừng với bạn.

Hai chị em lục lạo khắp nơi, gặp vài người quen, không buồn trò chuyện hay nhìn họ, chỉ nhìn mặt đất mà thôi, ao ước được chứng kiến một ổ nấm đang mọc để mà xem chơi, chắc là lạ và ngộ lắm, cái cảnh nấm mọc mà trong một đời người, một nông dân có may mắn mới được xem một lần vì rất ít khi có lần thứ nhì.

Không có gì huyền diệu bằng theo dõi những cái nấm như đội mũ chui lên mặt đất, lớn dần để biến thành một cái tảng, mà người ta gọi là cái tảng, cái tảng lại có cán, cán ấy là thân cây nấm, tất cả ban đầu chỉ nhỏ bằng hột đậu xanh, giây lát sau, tảng lớn hơn trái cau, cán to hơn

chiếc đĩa, xem mê như là xem trò quỷ thuật do các nhà ảo thuật trình diễn.

Thình lình, con Quít la to:

– Nắm, trời ơi, Hồn ơi, nắm!

Lạ quá, một ổ nắm mỗi, nếu đem kịp ra tới chợ quen, chỉ bán được vài ba chục bạc mà thôi, nhưng hễ gặp nắm là dân đi hái nắm mừng như bắt được giấy năm trăm.

La xong, con Quít nhảy tới một cái, lẹ như con khỉ rồi ngồi xuống, đưa hai tay ra để hốt.

Con Hồn cũng làm y như vậy, vừa giành giựt vừa mắng bạn:

– Đồ nuốt lời đầu hôm sớm mai, mày bày đặt ký hiệp ước rồi chính mày lại xé hiệp ước.

Con Quít không nao núng và cứ làm thình mà hốt, hai chị em chụp giựt với nhau giây lát thì ổ nắm biến thành bình địa, còn ổ nắm của cả hai đựng toàn những mảnh nắm vụn bằng đầu ngón tay út.

Con Hồn tức giận tím mặt, nhưng lại cười:

– Người ta đã đặt tên nó là nắm ma, thì làm sao mà nó chịu lọt vào tay người phàm!

– Nhưng tại mình đi không về rồi, uống một buổi sáng!

Bây giờ con Quít mới tỉnh hồn. Nó buồn bã ngồi đó mà thở dài.

Giây lát nó nói:

– Tao ăn năn quá! Tao đã làm bậy.

– Tại mày tham.

– Không phải đâu! Nếu mày được, mày cũng cho tao ăn, tao biết vậy, còn đem bán thì bán được vài mươi đồng chớ chẳng bao nhiêu. Nhưng có ma lực nào không biết nó xô đẩy tao phản bội. Quả thật là năm ma.

– Tao cũng nghĩ như vậy. Nhưng sao người ta lại hái được năm?

– Đó là những người đi một mình.

– Chỉ vì tham chớ chẳng có quỷ có ma nào!

– Tao thể với mày là tao không tham lam hay xấu bụng. Chính tao đã nghĩ ra cái hiệp ước công bình vì biết chắc rằng tham là bóp nát, mất hết.

– Thôi, xé hiệp ước ghen!

– Ủ.

Thình lình, con Hồn la lên:

– Năm, trời ơi, lại năm.

Rõ ràng là năm ma. Cách ổ năm trước không tới năm tấc, vụt hiện lên một ổ năm thứ nhì mà rõ ràng là khi này không có. Nó sinh trưởng trong lúc hai chị em nẩy cãi nhau, chỉ trong mấy phút đồng hồ.

Và tức thì hai đồng minh cũ lại nhào vào năm mới để giành giựt với nhau nữa.

Vài phút sau, đôi bạn nhìn nhau, lặng cười, khi thấy ổ năm thứ nhì cũng biến thành vụn nát, sau thời gian hai đứa tranh ăn với nhau.

Cả hai đồng thở dài, và không hện nhau chúng đồng nói lên một lượt một câu giống nhau :

– Đã nói nó là nấm ma mà ! Quả thật không sai !

Người xỏ vằm ghé

Một làng quê, nhưng thuộc vùng an ninh.

Một ủy viên tài chánh đi thâm thuế, về ngang qua một cánh đồng thì bị hạ sát.

Kẻ sát nhưn đập lên đầu ông ta bằng một vật cứng mà không bén, như là một thanh củi tròn và to chẳng hạn.

Ông ta vỡ sọ chết tốt.

Tất cả tiền bạc trong mình ông đều bị cướp sạch.

Tỉnh phái một viên thám tử khá về làng để tìm thủ phạm, vì án mạng này có vẻ do người thường gây ra hơn là có tánh cách chánh trị, bởi, như đã nói, làng thuộc vùng an ninh, hơn thế, khí giới giết người không phải là thứ khi giới mà bọn khủng bố thường dùng.

Viên thám tử tên là Quang, hăm sáu tuổi, có học khóa tu nghiệp về nghề trình thám chớ không phải như lính kín thường đời Pháp thuộc.

Anh ta có một đứa em trai, đang đi học, cậu này rất mê truyện trình thám và cứ tưởng mình có khiếu trình thám ghê lắm.

Người anh thường chế nhạo cậu em

và lần đi công tác này, ông anh len lén làm một việc bất hợp pháp là dẫn cậu Minh, nhà trinh thám tương lai đi theo, không cho biết mục đích và nơi đến trong chuyến ra đi này; mãi cho đến lúc họ tới nơi, mặt trình với nhà chức trách địa phương, rồi cậu Minh mới biết đâu là đâu.

Cậu ta phần khởi ghê lắm, nhưng phần khởi bao nhiêu, cậu ta phải thất vọng bấy nhiêu sau mấy ngày hai anh em cùng làm việc chung với nhau.

Ở đây điều kiện khác hẳn với những gì cậu ta đã đọc trong các truyện trinh thám Âu Mỹ mà luôn luôn các vụ án mạng xảy ra trong một cái phòng, hung thủ để dấu vết lại, rất dễ tìm thấy, như một mẩu thuốc lá, một dấu tay trên nắm cửa, trên thành ly, một dấu giày trên nền gạch, rồi do cái dấu vết ấy mà suy luận

ra mãi thì tìm thủ phạm dễ như ăn cơm, ít lắm là như trong các tiểu thuyết ấy đã nói.

Cỏ đồng không phải là gạch bông hay sàn ván đánh vẹt-ni mà giữ dấu vết lại. Những mẩu thuốc trên cỏ là mẩu thuốc lỏi ổ sâu kèn mà bất kỳ anh nông dân nào cũng hút hoặc là mẩu thuốc Mê Da trắng, tám đồng một gói chứ không phải là hiệu thuốc đặc biệt nào mà từ đó suy đoán được phong cách của người hút nó.

Cả hai anh em đều dầm chơn lên một đám bùn lầy, không tiến tới được bước nào, suốt tuần lễ đầu.

Sáng hôm ấy Quang và Minh đánh một vòng qua các xóm, không mục đích rõ rệt mà cũng chẳng mong gì. Quang nghĩ rằng có lẽ anh phải trở về, làm báo cáo thú nhận thất bại của anh.

Bống họ đi tới trước một cái nhà không hàng rào.

Một con trâu ghé bị cột nơi một cây cột chuồng trâu, mà cột bằng dây tròng cổ, chó không phải là dây mũi, vì con ghé chưa được xỏ vàm mũi.

Trâu cha và trâu mẹ được thằng bé chăn trâu dẫn ra đồng. Nghé kêu ghé ... ngộ ... ghé ... ngộ mấy tiếng, cha mẹ nó đáp lại, không tha thiết lắm, vì ghé đã khá lớn, rồi cả hai đi theo luôn bé chăn trâu.

Một người đàn ông râu ngạnh trê, mày rô, trông hung tợn lạ, đang chặt cái gì bằng rựa, cạnh chuồng trâu.

Găng là một thứ cây tạp, dùng làm củi, nhưng gỗ nó cứng rắn hơn cả gỗ danh mộc nữa. Vì cây không lớn được,

nên không dùng được vào việc gì khác hơn là chụm lửa, không thôi nó đã được vào hạng danh mộc hạnh nhứt chó chẳng vừa.

Khi họ vào sân thì người nông dân nầy cũng mới làm xong công việc. Hăn vừa ngược lên nhìn hai người khách lạ, không chào hỏi gì cả, vì hăn biết đó chỉ là kẻ hiếu kỳ.

Minh bống nhớ tới từ ngữ “đâm heo thuốc chó” và nghĩ rằng đây là một kẻ đâm heo thuốc chó đây vì bộ mặt hung thần của hăn mà cỡ gặp nơi truông vắng chắc người ta phải lạnh mình, nhứt là khi hăn được võ trang bằng chiếc rựa bén nầy.

Hăn đứng dậy, đi vào nhà, giây lát sau trở ra với một chiếc dây đánh bằng vỏ mây chẻ nhỏ rồi đánh lại.

Hắn bước tới cây cột, nơi con nghé đang bị cột ghịch lại bằng một sợi dây cổ ngắn. Hắn xách tai con nghé, nó vùng vằng nhưng rồi cũng vâng lời, để hắn kéo đầu nó đi đâu tùy thích.

Lẽ cố nhiên là hắn kéo đầu con nghé ra ngoài chuồng, đề cổ con nghé lên một cây đà ngang vừa tầm với bề cao của con nghé.

Xong đầu đó, hắn lấy cây dùi bằng găng mà hắn chuốt nhọn khi nãy rồi nhắm nhía đoạn đâm mạnh qua mũi con nghé, quyết chọc thủng miếng sụn ngăn cái mũi con nghé ra làm hai buồng.

Nhưng dùi găng không đủ bén nhọn mà sụn mũi trâu lại rất dai, nên hắn không thành công ngay.

Con nghé rống lên một tiếng kêu đau nghe bắt rợn ốc, rồi thụt đầu vào chuồng tức khắc.

Sụn không bị chọc thủng nhưng vẫn bị thương nặng. Mũi nghé chảy máu ròng ròng.

Cả Quang lẫn Minh đều mọc da gà.

Người nông dân có bộ mặt hung tợn, hăm hăm lần nầy dùng võ lực với con nghé. Hắn nắm dây cổ nghé, kéo đầu nghé ra ngoài.

Nghé trì lại và tuy còn non dại, con vật cũng đã mạnh lắm rồi, nên hắn phải hì hục với con nghé đến toát mồ hôi ra đầm đìa mới lôi đầu nó ra được.

Con nghé chỉ còn cựa quậy được cái thân nó. Nó dậm đất nện cứng của nền chuồng, nát ra thành đất bột hết, và nó

thở phào phào, mắt nó kinh sợ thấy mà đau lòng không thể tả.

Minh nhìn người nông dân thì thấy mặt hần trở nên man rợ hơn bao giờ hết. Hần cắn chặt răng lại, đôi mắt hần đỏ ngầu và toàn diện gương mặt hần, hực lên sát khí.

Hần bậm môi rồi vận dụng cả toàn lực, cho hết cái mãnh lực ấy vào cả cánh tay mặt là tay cầm dùi rồi hần đâm ngang một cái, lần nẩy mạnh bằng hai, ba lần trước nữa.

Con ghé lại rống lên một tiếng rồi thôi. Cơn đau đã lên đến độ tột cùng rồi nên nó tê tái hay sao không rõ mà nó chết điếng đi cả phút đồng hồ.

Khổ hạnh của nó đã hết đâu! Bây giờ mũi nó mang một cây dùi nằm ngang,

trông như là các pháp sư xiềng quai, hoặc như là người lính Cô Dác (Cosaque) ngâm dao để im lặng tấn công địch thủ ban đêm.

Người nông dân đã bớt vẻ man rợ, nhưng hần lại làm một việc ghê rợn vô cùng vì tánh cách thần nhiên của cử chỉ hần. Hần bình tĩnh rút cây dùi ra, như là rút từ dưới đất lên một nọc chôn sái chỗ, mà đất thì không biết đau đớn gì cả.

Con ghé lại rống lên một lần nữa, và một lần nữa. Minh nghe lạnh nơi xương sống.

Vẫn chưa hết. Hần lại bình thần xỏ sợi dây mây đánh, qua cái lỗ vừa xoi thủng ấy. Dây nẩy cứng mà vết thương thì còn mới rành rành nên con ghé lại rống lên lần thứ tư.

Con nghé đã được xỏ vàm, lần đầu tiên trong đời nghé của nó, và suốt đời trâu, nó sẽ vâng lệnh loài người luôn luôn, vì vết thương lành, nhưng nó không sao dám dùng sức mạnh của nó để thoát khỏi sợi dây mũi ấy, bởi da mũi nó non, hễ nó chống lại, một thằng bé cũng đủ sức làm cho nó đau đớn vô cùng.

*

Không còn gì nữa mà xem, Quang kêu em đi. Y nói:

– Mày có thấy họ thọc huyết heo lần nào chưa?

– Chưa!

– Cũng lạnh xương sống lắm, nhưng không đến nỗi hãi hùng như việc xỏ vàm

trâu nghé, bởi con heo bị lưỡi dao thọc vào yết hầu rồi thì nó không còn vùng vẫy nữa, nghĩa là nó đã hấp hối, tức không phải chịu đau đớn lâu như con nghé bị xỏ vàm.

– Tôi chắc chắn tên này đã giết ông ủy viên tài chánh. Trong làng, xem ra không có ai hung tợn bằng hắn hết và không có ai mà bình thản được khi làm một công việc như vừa rồi vậy.

Kẻ ấy là kẻ giết người không gớm tay, chắc chắn một trăm phần trăm.

Quang làm thinh và hai người đi bộ rất lâu, tới trước một xóm có vẻ chợ búa kia, người anh mới dừng bước lại và nói:

– Con đường làng này tập trung sự sống của cả làng ở đây: tiệm chạp phô, tiệm cà phê, tiệm hớt tóc, tiệm thuốc

Bắc, tiệm trũ Tây được đều đặt ở đây cả.

Nhưng mà sự sống ở đây, coi ồn ào, náo nhiệt như vậy, mà thật ra chỉ là sự sống bề ngoài thôi. Sự sống thật của làng, ở trong các xóm khác. Sự sống rất kín đáo, âm thầm, nhưng bền vững lắm.

– Ở đây cũng bền vững, coi bộ họ buôn bán sung túc quá!

– Không. Bọn bán tiệm chỉ bền vững vài năm hay một đời người thôi. Vả lại bọn này là người tứ xứ đến đây, chứ không phải người địa phương. Mấy không tin, điều tra kín đáo mà xem. Luôn luôn dân buôn bán trong làng là người ở nơi khác tới. Họ có thanh vượng cho lắm rồi họ cũng đi. Mấy có thấy gì lạ nơi họ không?

– Coi họ đẹp người, lịch sự, hiền lành chứ không có vẻ hung tợn như người ở

đây, nhứt là như thằng cha xỏ vằm con ghé khi nãy.

Quang cười ngất một hơi rồi nói:

– Vì vậy mà mấy kết luận rằng kẻ sát nhơn, chắc chắn là thằng cha hung dữ đã hành hạ con ghé?

– Còn anh nghĩ khác à?

– Ủ, tao nghĩ khác! Tao nghĩ kẻ ấy hẳn phải ở trong cái bọn này, anh sửa xe máy chẳng hạn.

– Coi bộ va hiên quá mà!

– Mấy nên học tâm lý lại. Kẻ giết người, cướp của không phải là kẻ can đảm hay hung tợn. Họ chỉ có thể là thuộc hạ hạng này: họ đói, họ bí quá vì một tình thế không lối thoát, hoặc họ tham của.

Cái anh xỏ vằm trâu, hẳn là không đỏi. Anh ta có cả một chuồng trâu, tức anh ta là một nông dân khá giả.

Còn bí lối thì chỉ có kẻ rượu chè, cờ bạc mới túng ngặt; anh cuốc đất không có bê tha như anh bán tiệm, em đồng ý hay không về điểm ấy?

– Cũng có nông dân cờ bạc vậy chứ!

– Đành thế, ăn Tết xong, họ cờ bạc suốt tháng Giêng là sự thường, nhưng rồi họ lại cuốc đất, họ không thể vay nợ của ai được để đánh bài suốt năm, mà phải bí lối vì nợ nần như bọn buôn bán.

Như vậy đã có đến hai nguyên động lực bị loại và loại một cách có lợi cho cái anh mặt mày hung tợn khi nãy.

– Còn nguyên động lực thứ ba?

– Tham tiền của. Ủ, con người ai cũng tham tiền của hết, không nhiều thì ít, nhưng khi lòng tham của họ nổi lên, họ đều có chiến đấu với nội tâm của họ, kể cả bọn bất lương cũng có chiến đấu nữa.

Trước tiên, ai cũng cân nhắc cái may không bị thộp óc.

Người nông dân không lanh lợi bằng bọn dân tứ chiếng, thành thử họ chỉ sợ bị thộp óc chứ thật ra không cân nhắc được. Nhứt là về việc trốn tránh, nếu rủi ro bị lộ thì hẳn là anh nông dân không biết trốn ở đâu như cái anh thường đi đó đi đây, biết rõ các xó, kẹt để ẩn núp của Sài Gòn.

Kế đó, họ tính xem coi họ sẽ mất cái gì khi mà phải trốn tránh hay phải tù đày?

Anh trôi nổi bình bông, không mất khổ khô gì hết ráo, trừ ngôi hàng xếp của anh ta.

Người nông dân có thể cũng chỉ có một nếp nhà tranh tồi tàn thì sự mất cũng không đáng kể.

Nhưng hắn sẽ mất nhiều lắm, mất cái nơi chôn nhau cắt rún mà hắn thương mến vô cùng, mất thói quen, nhứt là thói quen, cho đến đổi bỏ làng để nhận một chỗ làm lương bổng hậu ở các thành phố mà hắn còn do dự không quyết định được, huống hồ gì là đi trốn chui, trốn nhủi nơi xa nào!

Vì vậy anh nông dân không dám, mà anh buôn bán thì dám.

Dám hay không do những điều kể trên chứ không phải do có góm tay giết người hay không.

Tao có đọc hồi ký của các tướng lãnh, tất cả đều đồng thanh nói rằng: bọn du thủ du thực của các thành phố, ngày thường thì dám chém túi bụi coi oai lắm, vậy mà trên chiến trường, chúng nhát gan như thỏ đế, khác xa với những người hiền lương ngày thường.

Dám hay không dám, tất cả đều do lẽ khác chứ không phải do sự đã dám cầm dao đâm người rồi hay chưa.

– Anh nghi thẳng sửa xe máy?

– Đâu có. Nhưng tao có cảm giác rằng sát hơn ở trong cái đám người tứ chiếng này chứ không phải trong đám người trong xóm.

Tao định bỏ cuộc, nhưng tự nãy giờ, nói chuyện với mày, tay nầy ra cái ý ở lại dò xét bọn nầy. Trước kia, tao mù tịt, giờ,

ít ra, tao cũng giới hạn vòng tìm kiếm của tao trong một châu vi hẹp hơn, và nhờ thế có hy vọng hơn

Ông đồ gàn

Thầy Luyện là giáo viên phụ khuyết, dạy học tại tỉnh xép kia.

Đồng nghiệp của thầy đều đồng tình cho rằng thầy gàn, và hơn nghề dạy học của thầy, họ lại gọi thầy là ông Đồ. Vậy thầy là ông Đồ Gàn.

Không rõ nghĩa của tiếng “gàn” có sai hay không, chớ thật ra thầy Luyện chỉ là người có nguyên tắc và nhứt định trung thành với mớ nguyên tắc của mình.

Chẳng hạn thầy không bao giờ nói đến người vắng mặt, hay có nói, cũng chỉ nói những chuyện ăn trộm, hoặc khen họ, nhứt định tránh chê bai hay kể chuyện xấu của họ. Thầy thường bảo: “Người ta không tự bào chữa được, và nếu cái xấu ấy không có xảy ra hoặc xảy ra khác đi thì sao?”

Thầy lại hay chỉnh những đồng nghiệp thân có tánh nói chuyện xấu của người đi vắng, nghĩa là thầy tự đặt cho thầy những nguyên tắc lại bắt ép người ta theo những nguyên tắc của mình.

Đồng nghiệp của thầy Luyện ít ai ưa thầy vì nhiều lẽ mà nhứt là vì thầy cương quyết không uống rượu.

Không uống rượu, ở đây, phải hiểu là không nhậu nhẹt cả ngày, không ép nhau uống cho đến say ngã lăn ra, chớ

còn thầy Luyện vẫn uống rượu, một ly nhỏ, trong các bữa tiệc.

Họ không ưa thầy Luyện, không tha thứ thầy nhưng họ vẫn mời thầy mỗi lần có tiệc nhậu, vì họ quyết không bỏ cuộc, cố luyện cho thầy trở thành đồ đệ của ông ấ⁹ Hiếu họ mới nghe cho.

Thầy Luyện khi thì nhận lời, khi thì không, không phải tùy ngày, tùy công việc hay tùy sức khỏe mà theo một nguyên tắc rõ rệt.

Nếu đó là những cuộc nhậu nhẹt ngày chúa nhật, có thể kéo dài từ mười giờ sáng cho tới mười giờ đêm thì thầy từ chối vì thầy không thích tốn mười hai tiếng đồng hồ vô lối như vậy. Bằng như nhậu thường một bữa cơm tối, ngày nào trong tuần, thầy vẫn đến vì thầy là con

⁹ Ông ấ⁹ Hiếu tức là đại thi hào Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Sở dĩ người ta kêu là ông “ấ” Hiếu vì ông là con nhà quan.

người thích chung đụng chứ không phải là kẻ ẩn thân, sống riêng rẽ một mình.

Đêm ấy người ta tổ chức tiễn đưa một đồng nghiệp được thuyên chuyển đi xa.

Tiệc mở ra tại nhà ông hiệu trưởng trường tiểu học của tỉnh lỵ, do sự đóng góp của tất cả anh em song họ nhờ bà hiệu trưởng gánh cái gánh nặng nấu nướng, đãi đằng.

Bà hiệu trưởng là một tay nấu bếp khéo có tiếng trong tỉnh. Cho đến cả những món ăn làm sẵn, bán trên thị trường, mà bà cũng chọn thế nào cho đúng sở thích của thực khách, hoặc cũng lục lạo để mua cho được những món sản xuất ở các địa phương xa, những món mà không phải ngày nào, gia đình nào cũng được ăn, nếu họ có tiền đi chẳng nữa.

Hôm ấy có món măm trứng cá.

Trên thế giới hình như chỉ có hai xứ sản xuất măm trứng cá mà thôi. Miền Nam nước Việt và vài ngư cảng của nước Nga. Nhưng măm trứng của Nga là măm trứng cá biển, mà rất nhiều quốc gia có biển, nên chi ngày nay Pháp, Anh, Mỹ gì cũng sản xuất được món Ca-vi-a (Caviar: trứng cá muối) nên Nga mất độc quyền, còn măm trứng của miền Nam Việt Nam là biệt sắc địa phương độc nhất vô nhị trên hoàn cầu.

Tất cả thực khách đều hoan hô chào đón món ăn lạ miệng này, chỉ có thầy Luyện là không đụng đũa tới. Ban đầu mạnh ai nấy ăn, không ai kiểm soát ai làm gì, nhưng thầy Hoạt, ngồi bên hữu của Luyện, chợt thấy chuyện lạ, hỏi:

– Cũ ăn món này hả?

– Không!

Mặc dầu Luyện cải chánh, Hoạt cũng cứ tiếp tục nói theo chiều hướng ý nghĩ của thầy ta. Ấy, trong xã hội có lắm kẻ họ bất kể ta nói gì, bị ý nghĩ của họ ám ảnh, và kể ta và lời ta như là không có:

– Đừng có trẻ con! Chớ bộ ăn thịt ăn cá không là sát sanh hay sao? Anh cũ trứng mà cứ ăn cá thì cũng chẳng thành Phật được đâu!

Luyện chỉ cười hể hể vì biết nói làm sao bây giờ trước một người như thế ấy.

– Gì đó? Vài người ngồi đối diện với họ, hỏi như vậy.

– Anh Luyện cũ ăn trứng cá, vì sát sơ sanh nặng tội hơn sát sanh.

Hoạt đáp như vậy rồi cười ha hả và

nhiều tiếng cười khác phụ họa theo tiếng cười của thầy như những tiếng vang.

Họ không cần hỏi đi hỏi lại gì cả, bởi họ định ninh rằng thầy Luyện hay kiêng cử vì lý do tôn giáo. Thầy Luyện không ăn thịt chó vì thầy biết rằng món ăn ấy rất nặng tiêu hóa, nhưng cũng cứ thiên hạ bất kể đến lời giải thích của bất kỳ ai, nên thầy không buồn cắt nghĩa và người ta cứ kết luận hàm hồ rằng thầy cứ thịt chó vì thầy là Phật tử ngoan đạo.

Ông hiệu trưởng khoa học và công bình hơn tất cả mọi thực khách đêm nay, hỏi riêng thầy Luyện, mà hỏi to lên chớ không phải hỏi thầm:

– Thầy không thích món này, hay có lý do đặc biệt nào để cử ăn nó?

Ông hiệu trưởng không bao giờ

nhậu nhẹt, nên những lần khác không có mặt ông. Đây là lần đầu tiên có người nghiêm trang hỏi thầy Luyện về chế độ ăn uống của thầy, nên thầy Luyện cũng nghiêm trang đáp:

– Thưa ông hiệu trưởng, ở các nước, có đạo luật cấm săn bắn và câu kéo trong mùa thú và cá mang thai với lại nuôi con. Ở xứ ta thì thả cửa, nên chỉ cá miền Nam đã bắt đầu khan hiếm rồi vì ta ăn trứng cá cũng bằng như là tiêu thụ cá một trăm một ngàn lần nhiều hơn.

Trong khi chờ đợi chánh phủ có biện pháp tôi nghĩ rằng những công dân ý thức nên tự động làm cái gì để tránh nạn thiếu cá trong tương lai rất gần. Mà không có gì hay hơn là không ăn mắm trứng. Một con cá, bị họ xúc bán cho ta, nếu nó có trứng, ta đành chịu vậy, vì không ăn trứng ấy, con cá cũng không

trở xuống nước được, bởi ta không đủ giàu để phóng sanh nó rồi mua con khác.

Chí như mắ m trứng, nếu bị ta tẩy chay thì người sản xuất sẽ không sản xuất nữa vì thiếu thị trường, và cá sẽ đẻ, cá con sẽ lớn, ta sẽ hy vọng có cá mà ăn hoài.

Cả bàn cười ồ, chỉ trừ ông hiệu trưởng. Thầy Thạnh hỏi:

– Một mình anh không ăn mắ m trứng, liệu cứu dân tộc ta thoát khỏi nạn thiếu cá hay không?

– Nếu ai cũng nghĩ như anh thì không. Nhưng có người nghĩ như tôi và sẽ rất có nhiều người nghĩ như tôi.

Thầy Lê đùa:

– Pháp có câu tục ngữ: “Ai làm việc

nấy thì bò sẽ được chăn kỹ lưỡng”. Nếu mỗi thằng dân quên như ta lại đi giành công việc với chánh phủ thì nước nhà sẽ rối trật tự đến đâu. Nội cái việc theo đúng luật nước mà ta còn theo không đúng, giờ ta lại theo những đạo luật mà có lẽ chánh phủ chưa nghĩ đến thì ta sẽ chết mất thôi.

– Chính vì chánh phủ quên mất công việc đó, nên ta có bốn phận tự động nhớ đến nó và làm cái gì để cứu vãn tình thế.

Thầy Huấn rán rằng:

– Tôi không tin rằng những nước lớn như nước Mỹ, nước Anh, nước Nga, nước Pháp, chánh phủ của họ lại bê bối, vậy mà họ cứ cho phép sản xuất Ca-vi-a như thường.

– Không, anh không biết những chi

tiết sau đây. Ca-vi-a là trứng của loài cá Et-tuyệt-giông (Esturgeon) mà cá ấy ở ngoài khơi, các chánh phủ nói trên không thể cấm chuyện gì xảy ra bên ngoài hải phận.

Vả lại các nhà sản xuất Ca-vi-a họ lại ý thức và tự động hạn chế việc lưới cá Et-tuyệt-giông để cá ấy còn hoài cho họ khai thác.

– Muối nhiều quá, anh đập một con muối hay vài mươi con muối mà lại hy vọng trừ tuyệt giống muối thì quả thật anh là một ông Đồ Gàn.

Cả bàn lại cười ồ lên, trước câu nói của thầy giáo Nền.

– Thành thử sự hại, nếu nó lớn quá, ta nên buông xuôi cho nó sụp đổ cả? Luyện hỏi vặn cả bàn.

Không ai đáp, chỉ có thầy Hoàn xuôi xi giăng hòa.

– Hơi đâu mà lo chuyện trời sập. Năm 1970, hết cá thì ta ăn thịt vậy.

Ông hiệu trưởng từ nãy giờ chỉ hỏi có một câu ngắn. Bây giờ thấy không khí đã hết sôi nổi ông lại hỏi, nhưng lần này là hỏi những người cười đùa:

– Có phải hay không là con nhà mô phạm không có quyền đùa với những vấn đề nghiêm trọng? Thì ta cứ cười cho vui, rồi cũng phải xét việc một cách đứng đắn.

Các anh đã tuyệt vọng trước khi hành động, buông trôi một cách không xứng đáng với những nhà dìu dắt. Ta chỉ dìu dắt trẻ con thôi, nhưng cũng cứ là dìu dắt.

Nếu biện pháp gián tiếp của anh Luyện mà được các anh phổ biến trong đám học trò của các anh thì nội trong thành phố này sẽ có trên một ngàn công dân tương lai đồng ý với ta trong một thời gian ngắn lối một tháng.

Miền Nam có bao nhiêu trường tiểu học, bao nhiêu học sinh tiểu học, tôi không rõ, nhưng có thể đưa ra con số bốn trăm ngàn học trò mà không sai chạy bao nhiêu.

Bốn trăm ngàn học sinh ấy sẽ nói lại cho tám trăm ngàn cha và anh của các cháu đó hiểu biết về cái hại ăn mắm trứng, rồi sẽ có ít lắm là năm trăm ngàn người tin ta và năm chục ngàn người hành động như thầy Luyện: không bắt cá con, không ăn mắm trứng.

Năm mươi ngàn người cũng ít quá, nhưng rồi con số ấy sẽ nở lớn ra.

Thầy Minh cười ha hả:

– Ông hiệu trưởng nè. Ta có dạy học trò về cái hại của rượu hay không? Bốn trăm ngàn học sinh nghe, về nhà nói lại cho tám trăm ngàn cha và anh của các cháu ấy nghe và rồi cuộc có lối sáu trăm ngàn người nhậu nhẹt.

Cả bàn lại cười lên.

Ông hiệu trưởng không hề mất bình tĩnh. Ông khoan hồng giải thích:

– Đó là tại ta dạy bằng một bài học luân lý ngắn trong suốt đời học trò tiểu học của các em.

Bây giờ về vụ cá, ta đặt thành vấn đề lớn, gây phong trào ô ạt thì các em và

bực phụ huynh không thể dừng dừng được với vấn đề.

Tại sao không tranh đấu để làm áp lực thế nào cho chánh phủ có biện pháp?

– Tranh đấu cách nào?

– Bằng báo chí?

– Ta không có báo trong tay. Nhưng anh nói, tôi mới nhớ điểm này: là một đạo luật của cái gì đó, không hữu hiệu bằng sự giáo dục quần chúng, bởi sông ngòi mình mông, chánh phủ khó mà kiểm soát chặt chẽ để sự thi hành pháp luật được nghiêm chỉnh.

Tình cờ và may mắn, vấn đề được đặt ra giữa các nhà giáo và tôi thấy các nhà giáo sẽ làm việc đặc lực hơn là một đạo luật.

Thầy Thế lại đùa:

– Nói gì thì nói, mắ m trứng cũng đã hết rồi. Xin báo động với các nhà ưu thời mắ m thế rằng mùa cá tới, ta sẽ thiếu một trăm triệu con cá.

Ông hiệu trưởng cười hiền lành:

– Anh đùa, nhưng lại đúng sự thật. Quả mùa cá tới ta sẽ thiếu một số cá vì đĩa mắ m trứng nhỏ mọn này. Tuy không thiếu một trăm triệu như anh Thế đã nói quá lỗ để chọc cười, nhưng anh chắc chắn là thiếu lổ năm mươi ngàn con.

Số trứng mà ta ăn hôm nay cho thích khẩu, sẽ nở ra lổ hai trăm ngàn con cá. Chúng sẽ hao hót đi hết ba phần tư, chỉ còn lại độ năm chục ngàn con ... nếu đêm nay chúng không bị ta đớp.

Ông thầy heo

Năm tôi bắt đầu hiểu biết chút ít mọi việc xảy ra chung quanh tôi, tức cách đây non nửa thế kỷ, thì ông Sáu Lương đã khởi sự xuống chơn về mặt vật chất lẫn tinh thần.

Ông Sáu làm thầy thuốc chuyên môn trị bệnh toàn cho ngựa không mà thôi. Mặc dầu thế, ông cũng được trọng vọng, vì ngựa là loài vật thuộc giai cấp thượng lưu, tất cả vua chúa, công hầu, đại thần, nho sĩ, đều đặt ngựa đứng hàng đầu số

liệt kê thú vật, và có hàng vạn quyển sách chữ Tàu viết về ngựa, trong đó có bộ Mã Kinh, của gia bảo của họ ông Sáu Lương, họ này làm thuốc cho ngựa từ nhiều đời rồi, nhờ bộ sách ấy.

Ngôn ngữ Trung Hoa cũng đầy đầy từ ngữ đẹp để nói đến ngựa, nào là “Tuần mã”, nào là “Vó Ký” vân vân. Tóm lại, con ngựa thường được Trung Hoa coi trọng hơn kẻ cùng đinh rất nhiều, mà Trung Hoa còn là thầy của ta vào năm đó, một vị Mã Y hãn cũng là người có địa vị hay trong xã hội.

Nhưng xe đạp lại ra đời.

Các tay phú hào trong vùng, một vùng rộng lớn đến hơn hai mươi làng, vẫn quan niệm rằng đội nón lông, mang giày Tàu, và cỡi ngựa, trông quý phái và oai vệ hơn là còng lưng mà đạp chiếc

xe đạp trên một thứ đường đá gồ ghề (đường thuở ấy chưa tráng nhựa). Chỉ phiền là cỡi ngựa quá tốn tiền: phải nuôi một thằng bé chăn ngựa nè, phải tốn cỏ ngựa mỗi hôm nè, và nếu cần đi tỉnh lý, thì tới nơi, không biết để con ngựa ở đâu, không nhà quen nào chịu chứa con vật mà nước tiểu rất hăng mùi am-mô-nhắc ấy.

Thế nên giai cấp phú hào đành tự hạ mình xuống cùng với giai cấp phu lục lộ, tức là xê dịch bằng ngựa sắt vậy, và con vật giai cấp thượng lưu bị bán cho các chủ xe thổ mộ.

Chính ông Sáu Lương cũng tập cỡi xe đạp, mặc dầu đó là ông tự giết nghề của ông.

Tai họa thứ nhì lại đến. Họa vô đơn chí mà. Là xe đồ cũng ra đời sau đó vài

năm. Ở miền Đông nhiều đường sá nên quận lỵ nào cũng có xe đồ đưa đi tỉnh, hoặc đưa xuống tận Sài Gòn.

Xe thổ mộ, nơi nung nấu cuối cùng của những con tuấn mã, lại phải lúc thúc ở các làng hẻo lánh và số xe hàng năm càng sụt mất hằng trăm chiếc.

Ông Mã Y chẳng còn biết bốc thuốc cho ai nữa, vì số ngựa còn ít quá thì số ngựa bệnh tự nhiên cũng quá ít. Người ta rù rì với nhau là nhà ông Sáu ăn không đủ no, nhưng vì tự ái nên ông giấu nhem sự túng cùng của ông.

Nhưng dùng một cái, đời ông Sáu lại bỗng lên hương: Tây họ mở trường đua ngựa lớn ở Sài Gòn, trường đua này vốn đã có từ lâu, nhưng chỉ đua chơi chơi, chủ ngựa toàn là người Pháp, đâu có ai biết tài ông. Năm ấy trường đua phát triển,

người mình tập tành học làm sang, nuôi ngựa đua, và thành linh nhớ đến vị Mã Y mà danh tiếng từ Biên Hòa ngày xưa đã vang dội sang mười tám thôn vườn trầu ở Hóc Môn, một vùng chuyên môn nuôi ngựa có truyền thống và bấy giờ là cái ổ ngựa đua của nhà giàu Việt Nam.

Người ta hết thấy ông Sáu Lương mặc áo xuyên rách khuỷu tay nữa và vợ ông lại đeo vòng bằng vàng y, ông rào bằng gạch và bằng sắt bông. Ngựa đua quý hơn ngựa thường, sanh mạng của chúng cũng quý hơn sanh mạng của con người, kể luôn những những người khá giả nữa chớ đừng nói là cùng đinh, nên ông Sáu Lương lấy tiền công đức bao nhiêu, các chủ ngựa cũng sẵn lòng chi.

Nhưng thời vận của ông Sáu chỉ hanh thông trở lại đâu có vài năm vì giới đua ngựa Sài Gòn lưu manh hóa bằng

cách “đốp” (doping) ngựa. Đốp ngựa phải dùng thuốc kích thích trong kho Tây dược. Họ bỗng thấy rằng Tây dược hiệu nghiệm hơn, nên rồi ngựa có bệnh, họ nhờ thú y Tây học săn sóc, trị dùm, cho ông Sáu ra rìa luôn.

Gia đình ông Sáu lại ăn không đủ no, và áo xuyến của ông lại rách khuỷu tay như mấy năm trước.

Đó rồi tôi đi Sài Gòn năm 16 và không về làng nữa, hay nói cho đúng ra, rất ít về làng, và tự nhiên, tôi quên mất người thầy thuốc tối tăm ấy.

Mãi cho đến năm 1954, sau Hiệp Định Giơ-Neo (Genève), tôi về thăm lại làng xóm đã điêu tàn, hỏi thăm tin tức từng người làng thì nghe rằng ông Sáu còn sống, nhưng già lắm, sang lánh cư

ở làng kế cận từ chín năm rồi, và rất khá giả.

Tôi bỏ công đi thăm ông thầy thuốc ngựa ấy, không phải vì nghe tin ông khá giả mà ông là người lớn tuổi độc nhất của làng tôi còn sống sót. Đó là hình ảnh của quá khứ mến yêu của làng tôi, đó là tấm gương thần mà soi vào, tôi hy vọng thấy lại được phần nào buổi thiếu thời của tôi.

Tôi hơi thất vọng khi vào làng, nghe dân làng cho biết rằng ông Sáu là “thầy thuốc Heo”. Họ nói đến cái nghề của ông bằng một giọng mỉa mai, khinh bỉ. Trong giới loài vật cũng có giai cấp, con ngựa là thượng lưu, còn con heo là bạch đinh vậy. Bao nhiêu tội lỗi người ta đều trút lên đầu con heo: Ngu như heo - Ở dơ như heo - Táp ăn như heo. Tây họ còn nói Dâm dục như heo.

Một ông thầy thuốc trị bệnh cho giới thượng lưu, lại tự hạ mình trị bệnh cho bọn cò ke lục chốt thì tức là ông ta đã tự hạ cấp hóa vậy.

Nhưng tôi thất vọng vì lẽ khác. Ngày xưa, ông Sáu biết rất nhiều chuyện ngựa mà tôi mê nghe. Ngày nay, chuyện heo của ông, chắc không có gì hấp dẫn lắm.

Ông Sáu không nhận ra tôi, cố nhiên. Tôi phải khai tam đại ra, ông mới biết tôi là ai. Nhưng, tôi tin chắc rằng, nếu tôi là một kẻ hoàn toàn xa lạ, chắc cũng được ông tiếp rước vui vẻ, tử tế, vì xem ra ông rất yêu đời.

Tôi ngạc nhiên lắm. Một ông lão tám mươi mà còn yêu đời thì thật là hiếm có. Nhưng cái ấy cũng chẳng đáng lấy làm lạ bằng cái vẻ hãnh diện của một ông “Thầy thuốc Heo”.

Rõ ràng ông cụ không mặc cảm chút nào hết, dẫu cho có bị người chung quanh tặng cho cái tục danh không mấy rạng rỡ ấy, và hẳn ông cũng đôi khi bắt chột được vẻ khinh rẻ ông nơi giọng nói và lối nhìn của người khác.

Ông Sáu là một nhà nho thủ cựu và rất trọng tôn ti trật tự, rất quý thể thống mà chức tước, nghề nghiệp ban cho con người, thì không thể bảo rằng ông được an ủi bằng sự khá giả về chiều được đâu.

Những ông cụ tác phong và nhơn sinh quan như ông, thà là ăn cháo trắng, mặc áo rách để làm lương y ế khách, chứ nhứt định không ăn thịt heo nhờ nghề “Thầy thuốc Heo”.

Ông mời tôi ăn cơm, tôi nhận lời để có thì giờ khơi chuyện cho ông kể lại

những bước thăng trầm của nơi chôn nhau, cắt rún của tôi.

Không, ông Sáu Lương không hạ cấp chút nào. Ông vẫn ăn nói văn vẻ như xưa, vẫn khiêm tốn như bất kỳ nhà thâm nho nào, và vẫn biết quý và tiếc bao nhiêu cái đẹp của nếp sống thời ấy, thời mà con người kính trọng chữ nghĩa, lễ giáo hơn các nhà lầu và ô tô.

Gần tàn bữa tiểu yến ở nhà ông, tôi mới dám đi lần một cách khéo léo để tìm hiểu tâm trạng và nhơn sinh quan của nhà Nho biến thành Thầy thuốc Heo này.

Ông Sáu ôn tồn nói:

– Thật ra thì nho phong đâu có thủ cựu. Người ta vẫn biết quý trọng tiến bộ, và không coi rẻ cái gì hết ngoại trừ sự mất luân thường mà thôi. Chắc cậu em

lấy làm lạ sao tôi chịu hạ mình đi xem mạch ba con heo hơi hám chó gì? Mà thật, khác xa những năm mà người ta rước tôi đi Bà Điểm bằng xe Delahaye để trị ngựa đua.

Nhưng “Dân vi quý, quân vi khinh” thì con heo phải quý báu hơn con ngựa, bởi con heo nuôi cho dân sống, còn con ngựa để dành cho các ông nhà giàu cỡi đi chơi, các ông triệu phú bắt nó đua để đánh cá cờ bạc, thì tôi trị bệnh cho heo, tôi hãnh diện hơn là trị bệnh cho ngựa nữa.

Cậu em có biết hay không? Một con ngựa đua chết, chủ ngựa xem như con gà chết. Còn một con heo chết thì cả nhà nuôi heo đều khóc vì vốn liếng của họ trong ấy khá nhiều.

Cả nhà nuôi heo khóc, mà rồi người khác cũng khổ vì heo chết thì hiếm heo, giá thịt tăng lên. Không, cậu em à, làm ngự y trị cho vua không hơn làm thầy thuốc trị bệnh cho cu-li, thì làm Mã Y cũng không hơn làm “Thầy thuốc Heo” chút nào.

– Thừa cụ, trị có hiệu nghiệm, có kết quả chẳng?

– Thường thì bổ đồng mười con heo bệnh, tôi cứu được năm sáu con, tức cứu luôn năm, sáu gia đình nghèo đó chứ. Nhưng nếu có dịch thì tôi đành bó tay vì tôi không biết gì hết về dịch heo. Nước Tàu họ cũng phân chia giai cấp lắm, có hàng vạn sách về ngựa, nhưng không có lấy một quyển sách về heo, tôi phải lặn dò, tìm tòi để làm thuốc, chứ không học được của ai hết.

– Nhưng thừa cụ, nghe nói vài ty, sở ở Sài Gòn họ sành bệnh heo và có thuốc hay lắm?

– Tôi cũng có nghe như vậy. Nhưng chúng tôi quê mùa, biết họ ở đâu mà tìm để học hỏi. Đáng lý họ phải cho hội đồng xã biết rõ họ ở đâu, để các ông ấy chỉ đường đi nước bước cho chúng tôi, nhưng chính các ông hội đồng xã có nuôi heo, cũng phải nhờ cậy tôi.

– Chắc các ông không cần được ai biết cho lắm, chứ còn ở một sở nhà nước mà thông giấy về làng, nào có khó khăn gì đâu.

– À, cậu em có nhớ ngôi mộ đá xanh đồ sộ ở làng mình hay không?

– Thừa có, mộ của ông Thượng.

– Thuở cậu em còn bé, chắc cậu

em có chơi giỡn trong ấy, tôi cũng vậy. Nhưng không có ông Thượng khi khô gì hết. Đó là mộ của ông lang Hầu. Thuở ấy vua Gia Long chạy trốn ở đất Nam Kỳ, nhờ ông lang Hầu giúp cho khi nào vua đau bụng, nhức đầu. Sau nhà vua xưng đế, đem ông lang Hầu về Huế cho làm ngự y. Cái thứ ngự y thì chỉ việc cho sâm nhung là đủ rồi vì hoàng gia ít đau ốm các bệnh ngặt như dân nghèo ta. Cùng lắm là bốc thuốc tráng dương bổ thận cho các ngài mà thôi. Cả đời chỉ làm được có bấy nhiêu đó là đã giàu sang, đến khi vua Gia Long lâm trọng bệnh, ông ấy cũng chẳng cứu được. Vậy mà suýt lưu danh hậu thế, nếu mộ bia không bị sét đánh bể đi.

Ông ấy đâu có giúp ích bằng hằng trăm ông lang nặc danh khác trong các làng mạc, ông nào trong đời cũng cứu được ít lắm là mười mạng người. Thế

nên có thằng chúng nó xấc láo, kêu tôi là ông thầy Heo, cố ý bỏ tiếng “thuốc” sau tiếng “thầy” và nhấn mạnh ở tiếng “heo” tôi cũng bất chấp. Tôi giúp ích được cho dân là tôi vui lòng, và tôi hãnh diện rồi.

Ông Sáu, nói nhiều quá, nói dài quá, quá sức mong mỏi của tôi. Tôi cứ định ninh rằng ông sẽ đánh trống lấp sau những câu hỏi của tôi chớ!

Ông vừa nói tới đây thì bỗng có tiếng đòn bà rống lên khóc ở một nếp nhà cách nhà ông Sáu một cái chòi.

– Hình như có ai vừa tắt nghỉ?

– Không, đó là thím tư Thao thím khóc con heo gần giáp niên của thím. Con heo nặng trên một tạ, nhiều tiền lắm. Nó đau yết hầu, nổi mụt đỏ ở dưới nọng và nóng sốt dữ lắm. Tôi đã săn sóc

nó suốt một tuần lễ rồi, nhưng con người còn có số mạng, hưởng hồ gì là heo.

Một tấn thảm kịch heo vừa xảy ra trong làng cùng với tiếng khóc của một người đàn bà khiến tôi bỗng thấy ông Thầy Heo vĩ đại thật, vĩ đại hơn nhiều các ông đốc-tơ tiêm thuốc cho các tay tử phú mà con cháu họ mong sớm chết đi cho rồi, để chúng nó chia gấp gia tài. Ông Sáu vĩ đại, nhờ ngăn lệ cho nông dân thì ít, mà nhờ ông cả gan dám quý trọng cái nghề săn sóc heo của ông, một công việc thật không xứng đáng với kẻ sĩ chút nào, những kẻ sĩ sắp hạng mình đứng đầu trong tổ chức xã hội nhứt sĩ, nhì nông...

Bỗng tôi bật cười, khiến ông Sáu ngơ ngác không hiểu gì cả. Tôi nhớ có nghe con của một ông đốc-tơ chế riều con của một ông thú y Sài Gòn. Cậu nầy bị chê:

– Mầy là con của thầy thuốc chó.

Đến Thầy Heo mà còn cao cả được thì không có nghề gì thấp hèn hết.

Thần Nông công thần núi

Tỉnh Biên Hòa nằm tại trung lưu sông Đồng Nai¹⁰, là một tỉnh đồng bằng, như vị trí của tỉnh đã cho thấy rõ. Nhưng giữa cánh đồng bằng minh mông ấy, đây đó mọc lên một trái núi nhỏ xíu giống như vài mọt mụn trứng cá

10 Năm xưa, tác giả bài này có viết một truyện ngắn trong đó tác giả dùng một danh từ, danh từ Đồng Nai Trung, bị báo Tiếng Chuông công kích suốt một tuần lễ, cho rằng ở Nam Kỳ chỉ có tỉnh Đồng Nai Thượng mà không hề có tỉnh Đồng Nai Trung. Nhưng đồng nghiệp đã lầm to. Đồng Nai Trung là dịch nghĩa mấy tiếng “Bassin moyen du Đồng Nai” chứ không có gì lạ. Nay phải nói “Trung lưu sông Đồng Nai” để tránh gây ngộ nhận nữa nhưng lại quá dài.

hiếm hoi trên da mặt một người đẹp.

Nếu những trái núi con con ấy chịu yên thân nằm đó thì nông dân trong tỉnh cũng không khó chịu, trái lại, còn ưa thích nữa vì nó làm cho cảnh vật phẳng lì ở đó được thay đổi tí ti, trông cũng đẹp mắt.

Nhưng đó là những đứa trẻ tinh nghịch, thỉnh thoảng la hét lên, nên không ai ưa.

Nếu Thủy Tinh và Sơn Tinh không ưa nhau thì thần Nông cũng chẳng hoan nghinh thần Kỹ nghệ chút nào. Vâng, loài người đã mở kỹ nghệ trên vài quả núi trong tỉnh, kỹ nghệ lấy đá xanh, ngày xưa để xây mộ, làm đá táng cột nhà, ngày nay để đập nhỏ ra trải đường, xay thật nhỏ trộn bê tông.

Kỹ nghệ đá ngày xưa rất hiền lành: thợ đá đục nhiều lỗ nhỏ theo một hàng dài trên những tảng đá to bằng một căn nhà, đoạn nhét vào ấy những cái nút làm bằng các thứ gỗ có tánh cách nở lớn khi bị thấm. Đó rồi họ cứ mức nước mà tưới lên những cái nút ấy vài ngày là tảng đá bể ra làm hai.

Họ lặp lại công việc trên với hai cái phân nửa tảng đá ấy và cứ như thế mãi cho tới khi nào họ được những tảng đá nhỏ vừa dùng.

Nhưng ngày nay, thợ đá bắn đá bằng cốt mìn, gây những tiếng nổ long trời lở đất, khiến dân cư quanh vùng, vốn theo nghề nông, không còn yên ổn nữa.

Sáng hôm ấy chú Huê chạy ra sân sau, kể miệng vào tai mẹ mà nói:

– Má à, con đã tìm ra hắc rồi.

– Hắc nào?

– Kẻ thù của nhà ta.

– Nó ở đâu ?

– Ở xóm trên. Hắc từ Quảng Tây mới sang đây được một tháng, và là thợ thường, chuyên đập đá ra nhỏ để trải đường.

Nhà của mẹ con chú Huề cất dưới chơn núi Bửu Long, hướng Đông Bắc, là hướng có nhiều ruộng nương. Chú Huề là người Trung Hoa thổ sanh, cha chú cũng là thợ đá tại núi này, mà là thợ khéo, chuyên tạc rồng, búp sen cho những ngôi mộ nhà giàu.

Năm cha chú chết trên núi vì tai nạn, chú mới có sáu tuổi chưa học nghề của tổ phụ được, rồi mẹ chú thấy nghề ấy

nguy hiểm quá nên xoay qua nghề nông, sống lẫn lộn với người mình từ bao lâu nay, bây giờ chú Huề đã hăm lăm tuổi rồi chưa có vợ con. Thiểm Liêu, mẹ của chú Huề, hỏi bấy nhiêu đó rồi làm thỉnh rất lâu, đoạn hỏi gặng :

– Mày có chắc là hắc không ?

– Chắc lắm. Hắc tên là Hứa Bình, con của Hứa Chũ, người cùng tỉnh, cùng huyện, cùng làng với kẻ thù của nhà ta thì còn ai vào đó nữa ! Má giúp con trả thù cho cha con mau mau, con nóng muốn ra tay lắm.

Thợ đá ở núi Bửu Long, toàn là người gốc Quảng Tây, tỉnh Sơn Đông và phủ Hẹ của Trung Hoa. Họ làm thợ ở đó, cha truyền con nối, thỉnh thoảng có thợ mới ở bên Tàu sang thêm, như chú Hứa Bình nói trên.

Thiểm Liêu can dứt con :

– Thủng thỉnh cho tao nghĩ kể cái đã chớ!

– Má nghĩ hai mươi hai năm nay rồi mà chưa ra kể à?

– Phải tùy cơ ứng biến, vả lại, tao có biết nó còn sống hay đã chết rồi, và đâu có hay là nó có con trai.

Hôm nay, năm trước, chú Liêu đã chết một cách khả nghi đối với người ngoại cuộc, nhưng vợ chú thì biết chắc rằng chính chú Chũ đã âm hại chú Liêu.

Sau đó vài tháng, chú Chũ về Tàu rồi biệt tích luôn. Thiểm Liêu nghèo quá, đành cam phận ở lại xứ “Annam”, mong đợi một ngày may mắn mà chú Chũ trở qua.

Thiểm Liêu lại làm thỉnh, suy nghĩ một hồi lâu nữa rồi nói:

– Mai mầy phải đổi nghề, tìm cai phu của ông Phủ¹¹ để xin làm thợ đập đá cùng một chỗ với thằng Bình đó.

– Chi vậy má?

– Ấy, mầy cứ làm y như tao dặn đi.

Chú Huề đổi nghề được một tuần trăng thì quen lớn với tất cả đồng nghiệp của chú, nhất là với chú Bình. Thợ đập đá không phải là thợ chuyên môn, chỉ cần có sức mạnh đỡ nổi một cái búa thật bự để đập những cục đá bằng cái nón ra những cục đá bằng nắm tay là đủ rồi, nên chú Huề xin việc rất dễ, và hành nghề được ngay.

Thiểm Liêu làm một bữa tiệc rượu

¹¹ Ông Phủ Th. người thầu độc quyền khai thác đá ở núi Bửu Long.

để thiết đãi bạn mới của con trai bà và đêm trước ngày tiệc, thiem trao cho con thiem một ve rượu nhỏ và nói:

Mấy nói thằng Bình đã thành bạn thiết của mấy hả?

– Ủ.

– Vậy mấy có cơ để đãi riêng nó ve rượu này, rượu thuốc ngon nhất hạng, chỉ còn đủ rót một ly nhỏ thôi nên khách khác không được hưởng, mà họ cũng chẳng tránh tròn đầu mà lo, bởi mấy có quyền đánh dấu tình bạn mới bằng một cái gì đặc biệt.

– Ủ, nhưng uống xong, nó chết ngay, hay về nhà nó thì nó chết, thiên hạ sẽ biết ngay là ta đầu độc nó.

– Mấy ngu lắm. Bộ tao điên hay sao

mà đánh thuốc độc nó, cho mẹ con ta ở tù!

– Chớ thuốc gì đây?

– Đừng hỏi lời thôi, mai mấy sẽ thấy.

Nói xong thiem Liêu cười khanh khách, trong tiếng cười có niềm đau xen lẫn với sự toại nguyện, đau vì mối thù xưa, toại nguyện vì đã có dịp báo được thâm thù.

Người Trung Hoa họ thù dai lắm, thù suốt năm, mười đời, và họ hả dạ khi giết được cháu chắt của kẻ thù của tổ tiên họ, y như là hả dạ hạ sát được chính kẻ thù của họ ngày nay.

Chiều hôm sau đó, nhà chú Huê thật là vui. Không thiếu mặt người thợ Trung Hoa nào hết. Sơn Đông, Quảng Tây, nước Hẹ (nước Hẹ nhỏ quá nên bị sáp

nhập vào tỉnh Quảng Tây với tánh cách một phủ của tỉnh ấy). Họ sống riêng rẽ không chơi với người mình, nhưng lại nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt mà họ biết. Và đó là phương tiện hiểu nhau duy nhất của họ.

Tiệc gồm vịt phơi khô, hấp với gừng, mỡ bọc gan phơi khô, còn món căn bản là bún gạo xào với tôm khô, chớ không phải cơm.

Rượu đã chảy như suối và họ cười nói vang dậy cả một góc núi. Đó là những con người sống cứng rắn trong các vùng rừng núi Trung Hoa, ăn to, nói lớn, thô lỗ và vui hồn nhiên.

Ai cũng say mềm, say cho đến sờ những cây cột đá, (nhà dân ở quanh núi Bửu Long, thường làm cột bằng đá, vật liệu rẻ tiền tại địa phương ấy) họ thấy cột

mềm như bằng bột dẻo.

Nên chỉ lúc chú Huế long trọng liên hoan tình bạn mới bằng ve rượu đặc biệt, không ai còn đủ sáng suốt để chú ý tới cái việc quá nhỏ ấy.

Chú Bình mới có hăm mốt tuổi, tửu lượng còn yếu, nên say nhiều hơn người khác, chú say đến ù tai, nên uống thêm một ly rượu nhỏ, chú chẳng nghe sao cả, cho dầu rượu ấy có công phạt đến đâu đi nữa.

Cả bọn no say rồi nằm vạ luôn tại nhà chú Huế, và gần sáng chú Bình mới tỉnh rượu hẳn. Chú nghe hai tai chú điếc câm.

Bao nhiêu thực khách đều dậy đi đâu mất cả, thiếm Liêu nấu cơm khuya cho con thiếm ăn để lên núi và mời chú Bình ăn luôn cho vui.

Lúc chú Bình cầm búa lớn dở lên lần đầu thì mặt trời đã lên khỏi đầu rừng đằng xa. Mỗi lần búa của chú nện xuống, nhiều tia lửa xẹt ra và đá vỡ từng mảnh. Nhưng chú không nghe được tiếng búa sắt chạm vào đá như mọi khi, và dĩ nhiên không nghe được tiếng vang của búa đập đá ở các nơi khác, cách chỗ chú làm việc năm, bảy chục thước.

Chú Bình ngừng tay đập và lắng nghe: chim chóc trên núi bữa nay như là chết hết. Chú ngược lên, nhìn ra xa: những anh thợ đá khác nện búa lên đá, sao mà như nện trên bàn, không nghe kêu.

Mẹ họ, điếc sao mà điếc dữ! Rượu mạnh quá!

Chú chười lên như vậy bằng thổ ngữ Quảng Tây của chú rồi cúi xuống mà

tiếp tục đập vì thợ đá ở núi Bửu Long làm khoán, họ không muốn nghỉ phút nào hết.

Trong khi ấy thì chú Huế đưa kèn lên miệng mà thổi. Ấy, mới lên núi làm thợ có một tuần trăng mà chú nịnh nọt giỏi thế nào mà người thầu la tách tin cậy chú lắm và thương chú lắm, giao phó cho chú những công việc nhẹ nhàng mà vẫn ăn tiền bằng tiền công của người thợ đập đá giỏi nhứt, chẳng hạn như việc thổi kèn báo động để bắn đá nầy.

Chú Huế thổi một hơi dài rồi lấy kèn ra để thở. Tiếng kèn ấy báo hiệu chầm ngòi mìn.

Tất cả những người trên núi đều ba chơn, bốn cẳng chạy đến những hang đá họ tìm sẵn, gần nơi họ làm việc, để núp.

Nhiều kẻ nhát gan, khi nghe kèn báo động thì quỳnh lên như gà mắc đẻ, quên mất cái hang núp quen thuộc của họ nằm ở đâu.

Tuy thế, lúc kèn thổi hiệp thứ ba thì đầu cũng vào đó cả, và ai cũng đã tìm được chỗ núp an ninh hết.

Ngòi mìn rất dài, cho dân thợ đủ thì giờ ẩn mình, nên núp xong rồi, họ còn phải nín thở đợi chờ, biết rằng không sao cả, nhưng vẫn cứ hồi hộp, thêm trí não bị căng thẳng đến cực độ.

Bỗng một tiếng nổ kinh thiên động địa vang lên, và cả trái núi đều rung mình, rồi chuyển động thật sâu xa đến tận ruột núi.

Chim chóc bay tủa ra khỏi các tàng cây trên núi, cố rời thật lẹ cái nơi nguy hiểm đó, còn những con vật không biết

bay như sóc, nhen, cắc kè, rắn, thì cố thu mình lại và bất động như đã chết rồi.

Tiếng nổ vang dội đi xa, thật xa, và đứng ngoài thôn lộ cách đó mấy trăm thước mà nhìn lên núi, người ta thấy những tảng đá lớn bằng cái lu bay lên trời, rồi rơi xuống, trông như trẻ con trên ấy nghịch tung đá sỏi lên vậy.

Mãi cho đến lúc cảm nghe sự rung động của quả núi, chú Bình mới biết cái gì đang xảy ra.

Chú điếng hồn, toan chạy đến hang để núp, nhưng đá đã bắt đầu rơi xuống quanh chú như mưa.

Chú bủn rủn tay chơn, té quỵ rồi ngã vật lên đất sét núi, nhẩn nại chờ số phận.

Một tảng đá lớn cỡ bằng một chiếc tủ con rơi xuống đè lên thân chú, chú nát

như con chuột cống Sài Gòn băng ngang qua phố về đêm, bị bánh xe hơi cán phải.

Trưa hôm đó, chú Huê về nhà, đặc chí lắm và khen mẹ:

– Mưu của má thật tài. Người ta nói hăn đi núp không kịp, chớ có ai dè đâu là vì hăn điếc, họ càng không dè hăn điếc vì thứ rượu đặc biệt của má.

Thiểm Liêu chỉ thở dài, rồi rưng rưng nước mắt, thiếm nói:

– Tội nghiệp! Mấy nói nó còn mẹ già ở bên Tàu, nó lại là con trai một. Tao nghĩ nếu mấy bị ai giết thì phận tao ra sao?

– Má khéo lạt lòng! Hồi cha nó giết cha con, ông ấy có nghĩ như vậy đâu!

Tiến bộ và thơ

Con Suối Nhỏ từ nguồn xa uốn éo, qua rừng qua đồi để xuống đây, thấm mát đất của nhiều làng mạc, nhưng chỉ có làng Tân Nhuận này là nhờ cậy nó nhiều.

Trên kia là những lâm thôn, người dân sống nhờ rừng chớ không canh tác như làng Tân Nhuận. Làng Tân Nhuận lại canh tác hai mùa, mùa khô, thiếu nước, làm ruộng không được, họ trồng thuốc lá, tía đậu phộng, đậu xanh, những thứ

này ít đòi hỏi nước hơn lúa, nên con Suối Nhỏ đáp ứng được nhu cầu của làng.

“Suối” là tên chung, “nhỏ” là tính từ, nhưng hai tiếng ấy nhập lại, biến thành tên riêng của con suối để phân biệt với Suối Sâu ở xa mãi trong kia.

Ngày xưa, con Suối Nhỏ khảy đờn nghe hay lắm, nhưng từ năm xa xôi là năm 1920 dân làng đâm ra siêng năng hơn, canh tác hai mùa thì tiếng đờn suối rỉ rả bị tiếng xa nước lấn át đi.

Xa nước là những bánh xe thô sơ, đường trục kính độ bốn thước, “vỉ” của bánh xe nằm ngang trên hai cây đà lồm mồm và hai cây đà này lại nằm trên một cái giàn cao bốn chơn, có hai chơn trồng ở một bờ suối.

Bánh xe có gắn vĩ tre đan, mỗi vĩ kèm

theo một ống tre dài độ hai gang tay. Sức chảy của nước suối xô vĩ tre nói trên, làm quay bánh xe, nó quay được nhờ ví của bánh xe lăn trên hai cái đà mặt lõm.

Bánh xe quay, những ống tre ngăn mức nước suối đem lên cao, rót vào một máng xối làm bằng nửa thân một cây lồ ô lớn, máng xối này do nhiều thân cây tre nối lại, chạy sâu vào các ruộng xa bờ và tưới đất một cách sương sương vì ống tre mức nước ít lắm.

Ví bánh xe nghiêng răng trèo tẹo tối ngày sáng đêm vì xa nước một khi đặt xong là hoạt động liên tục không ngừng được nữa, cho đến khi nào vật liệu mục nát mới thôi.

Ống tre mức nước lại được gấn nằm ngang từ mặt suối lên tới máng xối, nước rơi trở xuống hơn phân nửa, mà mỗi xa

nước mang ít lắm là hai mươi ống, nơi con suối chảy qua làng mọc lên hơn năm mươi xa, thì tiếng nước rơi với lại tiếng ví nghiêng vào gỗ làm náo động cả làng lên, con suối làm sao mà du dương được nữa!

Thực hiện kế hoạch đặt xa nước xong, dân làng chia ngay ra làm hai phe, một phe rất hài lòng vì sanh kế của họ được cải thiện, phe thứ nhì bất mãn lắm vì con suối kém vẻ thơ mộng.

Chim chóc thấy vật lạ khả nghi, ngỡ đó là một loại bẫy mới, rất nguy hiểm, lại thêm những tiếng động mà chúng mới nghe lần đầu trong đời chim, làm cho chúng hoảng sợ, đào ngũ, xa làng Tân Nhuận.

Bấy giờ làng có vẻ sống hơn nhờ ruộng khô xám vào mùa nắng, lại nhuộm

màu xanh mát, nhưng đồng thời cũng có vẻ chết hơn vì không còn tiếng chim nữa.

Nhưng rồi họ quen dần với sự ồn ào và chấp nhận tình trạng mất yên tĩnh của cái thôn hẻo lánh này.

Cho đến năm 1944 thì một biến cố xảy ra.

Một đứa con hoang trong làng đi làm ăn ở Sài Gòn và tưởng nó đi mất luôn, lại dẫn xác về quê để lánh nạn bom.

Nó có một mảnh đất con, vốn là của phụ âm, mà nó bỏ phế cho ai muốn làm gì thì làm, nhưng đất nó ở trên gò cao, nên cũng chẳng ai buồn làm gì hết, cứ để cho tranh mọc, và để cho đất “lợi” rừng.

Hình như nó không thành công ở Sài Gòn, nên về quê, là nó bay nhảy ngay để kiếm ăn, bởi không có dư.

Nó làm đủ thứ công việc tranh với người Tàu để chiếm độc quyền đậu xanh trong vùng, nhưng vốn nó ít quá, nó lại chiến bại.

Một hôm, người ta thấy nó đi viếng từng nhà trong làng, nói đúng ra, viếng từng chủ xa nước để thuyết phục họ chung đậu với nó đặng đập đập ngăn nước suối.

Theo lời “Cậu Ba” thì một cái đập bằng đá, giá không cao hơn năm mươi cái xa bằng gỗ tạp và bằng tre mà lại dùng đời đời không hư.

Đập lại không gây tiếng động như xa nước, mà cũng không choán nhiều chỗ quá trên dòng suối như năm mươi cái xa trong làng.

Luận điệu của “Cậu Ba” rất vững

nhưng không được ai hoan nghênh hết.

Ngày xưa, cái ông bày ra cái vụ xa nước, đi du thuyết nghe cũng đề mê như Cậu Ba bây giờ nhưng chừng xa nước được thiết lập xong, họ mới thấy là có cái gì không ổn trong việc đổi mới. Chơn trời quen thuộc của họ khác đi, nó khác đi đôi chút cũng không sao, nhưng dân quê rất không ưa sự đổi mới: khác một chút xíu, họ cũng nghe khó chịu.

Phương chi xa nước rẻ tiền lại dễ phá hủy, còn đập đá mắc lắm, mà phá rất khó khăn, rồi nó gây chuyện không ổn nữa thì sẽ ra sao?

Cậu Ba không khác một Trương Nghi, một Tô Tần đời Chiến Quốc, không nản chí và cứ uốn ba tấc lưỡi để tranh đấu cho cái đập của cậu, bởi có xây đập thì nước mới lên tới mảnh đất gò

của cậu, chớ nước mà xa mức lên, nó bị các đám ruộng khao khát dưới này uống ráo nạo ngay tức khắc.

Cậu Ba trở tài hùng biện trong một tháng là nên việc, nghĩa là góp đủ tiền để xây đập.

Đập này gồm hai trụ đá xanh có khe, trồng đứng hai bên bờ suối. Người ta thả lọt vào khe những tấm bưng đá, mỗi tấm dài bằng bề rộng của con suối và cao bốn tấc.

Hơn một chục tấm bưng chồng chất lên nhau, nhưng ba tấm bưng ở trên hết bằng gỗ da đá cho nhẹ, hầu dễ dỡ lên, khi nào nước ứ đọng nhiều quá, cần tháo bớt ra.

Năm mươi xa nước có sẵn cũng đã tới tuổi về hưu rồi và sắp được gây dựng

lại, nên không ai tiếc mà phá hủy để lấy gỗ làm củi chum.

Cậu Ba làm to chuyện, mời hương chức hội tế và các bậc kỳ lão trong làng khánh thành cái đập bằng nghi lễ cúng kiếng và sau đó thì yến tiệc linh đình không kém cúng kỳ yên chút nào.

Và tấm bưng đầu tiên được thả vào khe đá hồi năm giờ chiều, sau bữa tiệc giữa đồng. Người ta muốn cho cái đập âm thầm làm việc ngăn nước ban đêm, để sáng ra thì một cảnh tượng ngoạn mục diễn ra dưới mắt dân làng là bao nhiêu đồng khô cỏ cháy trong làng vào mùa nắng nầy, đều biến thành biển nước, khi hừng đông ló dạng, và họ cho nước ngâm đất độ vài ngày là tha hồ mà canh tác, khi tháo nước ra.

Thỉnh thoảng, độ một tuần một lần,

họ lại chặn đập bằng mấy tấm bưng gỗ ở trên, và nước lại tràn vào đồng khô, ruộng cháy.

Viễn ảnh đất cháy biến thành viên lang làm cho cả làng đều phấn khởi, tuy nhiên trong thâm tâm, họ vẫn lo lo, ngại ngại, họ không ý thức rõ rệt tai hại nào sẽ xảy ra, nhưng linh cảm rằng sẽ có cái gì không được hay lắm.

Lần nầy, dân làng cũng chia ra làm hai phe, một phe đề cao sáng kiến của Cậu Ba như là một phát minh vĩ đại, phe thứ nhì cứ làm thỉnh, không phản đối vì họ cũng chẳng biết cái gì sẽ xảy ra, nhưng không hoan nghinh vì trực giác của họ thì thầm cho họ nghe những ước đoán không được tươi sáng lắm.

Suốt tuần lễ đầu, phe theo mới reo hò đắc thắng vì đất của ai cũng im mát

và cây mới trồng, mọc lên gần như trông thấy, cứ đầu hôm sớm mai, là nó cao thêm hơn một phân tây.

Đám đất chó ... ể của Cậu Ba cũng hóa ra đất trồng trọt được, ngang hàng với bất kỳ đất nào, và cậu trồng thuốc lá, giống An-Giê-Ri, là giống thuốc cho lá rất được giá.

Chim chóc lại trở về, và có lẽ sự hồi cư của loài có cánh mới đánh dấu thật sự sự hồi sinh của đất cháy.

*

Dân làng lại được thêm một “thắng cảnh”.

Thắng cảnh là danh từ của Cậu Ba, chớ nông dân không gọi “cái đó” bằng gì cả.

Đó là một cái thác.

“Thác” cũng là danh từ của Cậu Ba, cậu phóng đại hóa cái giọt nước từ trên đầu bưng rơi xuống, khi mực nước đọng cao hơn cái bưng cuối cùng.

Giọt nước này mỏng như một bàn tay, rộng ba thước, tức bằng bề ngang của con suối và cao một thước tám. Nó rơi xuống nền đá xanh dùng làm móng cho hai cây trụ đá và cho tấm bưng đá nằm ở dưới hết, tấm bưng chịu đựng.

Chạm phải chất cứng, nước bắn lên, trắng xóa, xem cũng khá ngoạn mục đối với những người cả đời không có gì hay ho hơn để mà xem.

Thác cũng làm ồn thật đó, nhưng nó chỉ làm ồn có một nơi thôi, chớ không gây náo động khắp làng, dài mấy cây số, như năm mươi cái xa nước trước kia.

Và điều nầy hay hơn hết là làng khô cằn nầy đã có cá, lần đầu tiên, từ thuở tạo thiên lập địa, mà lại là thứ cá ngon nhứt nước nữa là đằng khác.

Có vài loại cá nước ngọt, nhưng không thích ở sông, mà chỉ ưa các dòng nước chảy mạnh, tức là các con suối thôi.

Nước suối trong veo, và người ta thấy chúng lội ngược dòng suối, nhanh như cắt, và cả đời chúng, hình như chúng không có làm chuyện gì khác hơn là lội ngược dòng.

Cái đập – mà dân làng đặt tên là đập Cậ Ba – tạo thêm một thứ hồ nhỏ, trong đó nước chảy chậm lắm vì chỉ có lớp nước trên mặt là vượt bửng để rơi thành thác, còn khối nước ở dưới hóa thành nước đứng.

Hoàn cảnh mới lạ ấy biến đổi thói quen của loài cá lội ngược dòng, chúng không lội nữa, mà chỉ lượn thông thả trong cái hồ ấy thôi.

Cá suối, tuy cũng là cá nước ngọt như cá sông, song lại ngon hơn nhiều, và dân của cái làng ven lâm nầy, cả đời không hề cầm đến cây cần câu lần nào, bỗng biến thành Lã Vọng thối thân hết ráo.

✱

Phe nguội lạnh với cái đập đã bắt đầu khó chịu, mặc dầu họ cũng hưởng những cái lợi do đập đem lại: nước tưới dồi dào và cá ăn không muốn hết. Nhưng họ không ý thức được rõ rệt nguồn gốc của sự khó chịu ấy, và nhứt là không diễn

tả được cái “thấy” mơ hồ của họ.

Có một người trong đám đó, đám thiếu số, một hôm bỗng chợt nhận định được chuyện không hay rồi giựt mình.

Hắn giựt mình rồi hắn buồn, rồi hắn bần khoản gần như đau khổ.

Người đó là Cậu Ba.

Dĩ vãng của Cậu Ba hoàn toàn bí mật đối với dân làng. Cậu Ba bỏ làng đi Sài Gòn tìm sanh kế, nhưng số dĩ cậu chiến bại vì cậu là một con người mơ mộng viễn vông, chớ không thực tế chút nào.

Cái đập “Cậu Ba” có lẽ là một việc thực tế đầu tiên và cuối cùng trong đời cậu.

Cậu Ba làm áp-phe, nhưng lại thích làm thơ đăng báo hơn, mà thơ đăng báo thì không có tiền nhuận bút. Cậu là thi sĩ tối tăm vì tài thơ non kém, tuy nhiên hồn thơ của cậu cũng phong phú như bất kỳ hồn của nhà thơ lỗi lạc nào.

Trước đây, bờ suối đất triền và thẳm nước suối nên cỏ non xanh mát trải thảm hai bên bờ. Suối lại trong vắt suốt năm nhờ nước thoát, bao chất bẩn bị tổng khứ ra sông hết cả, dòm dưới đáy suối thấy sạn trắng khiêu vũ trên sàn cát mịn mà mê.

Giờ con suối đã hóa thành ao tù, nước đục ngù, cát dâu không thấy mà chỉ thấy dưới đáy rêu đặt xanh đậm đen.

Hai thảm cỏ ở hai bờ suối chìm mất từ lâu và thỉnh thoảng vài tấm bưng phía trên được giở ra để tháo bớt nước thì bờ

suối lại phơi bày hai bãi bùn đen vì đất bờ bị ngấm nước đục lâu ngày.

Con người văn nghệ là Cậu Ba rất không ưa cái gì không đẹp. Cậu dám bỏ cả hai, ba áp-phe ăn chắc trong tuần lễ nào mà cậu say sưa một tú thơ, gieo vên mãi chưa tròn, thì được một con cá trong bữa ăn, được vài sào thuốc lá An-Giê-Ri không có nghĩa gì cả đối với con suối thần tiên mà hình bóng được cậu mang theo xuống Sài Gòn và vẫn giữ mãi trong lòng suốt mười mấy năm lăn lóc trong một không khí ngọt ngạt chất xăng cháy không hết, xông hơi lên đây bầu trời.

Cậu Ba nhớ rõ là cậu đã bỏ làng vài năm sau khi người ta dựng lên những cái xa nước phản thơ, nói là để đi kiếm ăn thì cũng đúng sự thật, mà trong những nguyên do nó xui cậu bỏ làng, những cái

xa nước kém thẩm mỹ ấy đã âm thầm dự phần rất lớn.

Cậu Ba bắn khoản và hơi đau khổ như vậy được một năm thì “họa” lại đến với cậu.

Danh từ “họa” cũng là của cậu, chứ người khác không coi đó là một vấn đề.

Ở hướng Đông miếng đất của cậu, còn hai cây me cổ thụ trồng đầu hồi đời ông nội của cậu. Ở miền Nam, có lẽ cây me là loại cây đẹp nhứt chẳng ? Không biết, nhưng riêng cậu Ba, cậu thấy rằng đó là hai nét thơ hiếm hoi còn sót lại quanh cậu.

Chỉ phiền là hai nét thơ ấy nó che nắng sớm, làm cho đám thuốc của cậu ẻo uột cả mùa.

Đốn hai cây me già mà tàng rất lớn

ấy là việc canh tác của cậu sẽ cho kết quả rục rở.

Cậu Ba lại băn khoăn, lại đau khổ. Đó là hai người bạn đã chứng kiến cậu lớn lên trong làng, và có lẽ ngày kia sẽ chứng kiến người ta khiêng cỗ hòm cậu ra bãi tha ma. Cậu đã làm thơ ca ngợi hai người bạn ấy mà hằng năm thay lá như hai cô thôn nữ đổi áo cũ, khoác áo mới may vào dịp Tết.

Cậu Ba chỉ còn có mỗi một sanh kế nầy thôi nên cậu không thể phớt đi như đã “phớt ăng-lê” trước bao nhiêu vụ khác, và nghĩ ngợi mãi, cậu chợt thấy cái sự thật nầy : là con người thời nay cứ đứng trước một tình thế có lẽ xảy ra hằng ngày, là : lựa chọn.

Vâng, họ phải chọn một, giữa hai, bất kỳ về vấn đề nào cũng thế cả. Cái thời yên

ổn ngày xưa mà con người muốn lươn lươn mãi cả đời cũng cứ được, cái thời ấy đã qua rồi.

Bây giờ, hễ ta đứng yên thì bị những làn sóng người ở sau lưng ta xô tới, ta phải quyết định mà quyết định cấp tốc nữa không thời chết.

Sở dĩ cậu đã chiến bại ở Sài Gòn vì cậu không có can đảm chọn : miệt mài, chịu đói để thành thi sĩ hữu danh, hoặc bay nhảy để hốt bạc. Cậu hoạt động trong ngành nào cũng với rất ít tin tưởng.

Phải chọn giữa thơ và cơm, không thể cả tham bắt cá hai tay, mà cũng không thể giỡn chơi, cầu vui với hai thứ đó.

Cậu Ba đã thấy con lươn “thơ” vượt khỏi tay cậu, cố nắm cũng không được, không phải vì con lươn có thân mình

quá trơn, mà vì cậu bạn nắm con cá thứ nhì, khả năng của cậu bị phân tán đi.

Phải chọn. Cho đến việc lật vạt như là mua một hộp diêm mà còn phải chọn thì chuyện lớn không làm sao mà nhắm mắt làm bừa được.

Hộp diêm một đồng, hình xep, bỏ túi không cộm, nhưng số que diêm trong ấy lại không bằng phân nửa số que của hộp diêm hai đồng.

Mà loại nào, loại một đồng hay loại hai đồng gì, cũng nên mua trong hiệu vì chỉ trong đó người ta mới bán giá chánh thức, còn mấy cô bán thuốc lẻ, luôn luôn họ xin thêm năm hào.

Cậu Ba nhớ rằng lúc ở Sài Gòn, cậu đã phải chọn như thế.

Thế kỷ này không phải là thế kỷ hai mươi, thời đại này không phải là thời đại nguyên tử. Đây là kỷ nguyên CHỌN.

Kể từ lúc bắt gặp sự thật trên đây, Cậu Ba nghe lòng thanh thản lạ kỳ. Tuy cậu chưa biết nên chọn Thơ hay Cơm, nhưng ý thức được rằng phải chọn một trong hai thứ, ý thức ấy giản dị hóa bài toán bể đầu của cậu.

Cậu khỏi băn khoăn gì nữa cả : chỉ có bỏ hai thứ lên một cái cân tưởng tượng mà cân là xong.

Trận giặc mòng

Mười hai giờ đêm.

Làng quê đang an giấc, bỗng đâu tiếng tù và vang dội lên, khiến kẻ nào lạ mặt vào làng chơi và ở lại tối đó, sẽ hốt hoảng, ngỡ đó là tiếng gọi nhau của một bọn cướp, như vào thời xưa, hoặc tiếng còi báo động của dân canh trong làng.

Tiếng tù và thổi hồi hùng đông, nghe vui nhưng cũng cứ tiếng ấy mà nghe hồi

nửa đêm, sao mà nó rùng rợn lạ kỳ. Cảm giác nơi ta, không thật, mà là phản ứng điều kiện (reflexe conditionné); ta đã nghe tiếng tù và nửa đêm rồi liền đó thì thấy cướp đánh, giặc tới, cách đây hàng trăm năm, rồi cứ bị hình ảnh cũ đó ám ảnh ta mãi, nên ngày nay, bất kỳ tù và nào mà thổi vào cuối canh hai, giữa canh ba đều làm cho ta khủng khiếp.

Giữa đêm trường lặng lẽ, tiếng tù và nghe oai hùng lắm, nó gợi lên hình ảnh của một tướng soái hay một chúa đảng cướp, cỡi ngựa chạy tiên phuông, một tay cầm cương, một tay đưa cái sừng trâu lên miệng, thổi một hơi dài rồi hơi sừng trâu làm hiệu cho binh sĩ của mình hay cho đồng đảng của mình tiến lên.

“Ừ ... ừ ... ú ... ừ ... ú ... ừ ...”

Nhà nào ở gần lộ xe, nhứt là tại ngã

tứ giữa làng, đều nghe thêm được tiếng bánh xe bò lạch cạch trên con thôn lộ trái đá xanh, và họ đoán có hàng trăm chiếc xe vừa điều động lên đường chớ không phải là ít.

Miền Đông có ba loại xe bò. Tại một vài thị trấn như Gò Vấp, Lái Thiêu, người ta dùng những chiếc xe lớn sao mà như là xe cam nhông.

Trong thôn quê chỉ có hai loại xe là được thông dụng: xe chà rọc¹², nhỏ, nhẹ nhàng, mảnh mai, không chở nhiều, không chở nặng được nhưng được cái là có thể cho chạy mau, nếu bò tốt, bằng lòng chạy theo lệnh người đánh xe.

Ngoài chà rọc, có xe loại hai thùng thật là nhỏ chỉ dùng trong độc một công việc, là việc kéo củi. Củi đây là củi chẻ,

¹² Chà rọc: charette à boeufs : xe bò

thợ rừng chở ngay trong các “cúp¹³” giữa rừng, chở xong, phải kéo về làng, có bến, ghe thuyền hoặc xe cam nhông sẽ chở xuống các thành phố lớn.

Nghe tiếng bánh xe bò khua đá trải đường, người làng mới nhớ ra đó là tù và báo hiệu lên đường.

Không hiểu do đâu, và từ bao lâu rồi không ai nhớ nữa, mà làng T.U. này trở thành trung tâm khởi hành của đoàn xe bò đi kéo củi trong rừng sâu.

Làng nào cũng có vài mươi xe làm nghề này, nhưng xe của làng nào cũng tụ về đây cả, tại ngã tư làng, đợi đúng nửa đêm, họ ra hiệu để cùng lên đường một lượt với nhau, ai đang nhậu nhẹt, ai đang đi thăm mèo chuột gì cũng đều bỏ cả bởi đường đi là đường rừng dài mấy

¹³ Cúp : coupe d'une forêt : khoảnh rừng đồn

mười cây số, không gặp cướp chúng nó giết bò, cũng gặp cộm, phải đoàn kết chớ không làm sao mà đi lẻ tẻ một mình, hoặc năm, bảy xe được.

Gần hai trăm chiếc xe thùng nhỏ đều đổ về con đường đưa vào rừng, bỏ ngả tư lại tro tro, quạnh hiu, nửa tiếng đồng hồ sau đó, để rồi lại trở về đây, vào khoảng bốn giờ chiều hôm sau, thùng nào cũng đầy nhóc củi chở sắp lớp ngay ngắn như cá mè.

Đặc biệt hôm nay, hai trăm năm mươi chiếc xe kéo củi này lại chở đến năm trăm người. Hai trăm năm mươi người dư, không có phận sự đánh xe, là một tiểu đoàn xung phong, đi hành quân để chống giặc ... mòng.

Những người làm ăn nghề nào, họ sành sỏi trong nghề ấy một cách huyền

hoặc lắm. Bọn kéo củi nầy hôm qua chợt nhớ ra rằng đã vào đầu tháng năm ta rồi, và những trận mưa mở mùa đã rơi xuống được năm, bảy đám.

Họ thuộc lòng con đường vào rừng, họ thuộc lòng vị trí của các “củ” củi, họ thuộc lòng đến cả hình dáng của mấy con cộp trong gia đình cộp của khu rừng mà họ sắp dẫn thân vào. Nhưng những cái biết ấy cũng không kinh dị bằng họ biết một điều rất là thâm kín, về đời sống của loại mòng, những con vật có cánh, to hơn con lằn xanh một tí, và sống bằng máu của những sanh vật khác, y như loài muỗi vậy.

Họ biết rằng hễ trời mưa được năm, bảy đám đầu mùa thì trứng mòng trong rừng, ẩn dưới các lá ủ, nở ra, rồi mòng con sanh trưởng nhanh chóng lạ kỳ,

trong vòng một tuần lễ, chúng đã lớn bằng con ruồi.

Bấy giờ thì thú rừng chạy như điên, vào ban đêm, bởi không giống thú nào mà chịu nổi sức tấn công của mòng, kể luôn cả cộp, mặc dầu được suy tôn là chúa sơn lâm.

Bọn kéo củi tiên liệu rằng đêm nay họ sẽ bị tấn công, thế nên mới cầu viện với tiểu đoàn yểm trợ nầy đây.

Lạch ... cách, lạch cách ... Hàng năm trăm bánh xe bò mà là bánh bít thép, nặng nề di chuyển. Thùng xe, nói cho đúng hơn là lòng thùng xe, làm bằng những khúc cây rừng tươi, to bằng cổ tay, đang lắc lư như đầu anh say rượu, thế mà trong đó hàng trăm anh lính xung phong cảm tử lại nằm ngủ ngon lành.

Chưa tới đoạn đường nguy hiểm, nên họ ngủ để dưỡng sức, giấc ngủ này vốn đến với họ từ lúc đầu hôm khi xe lên đường, họ hay biết, nhưng vẫn ngủ tiếp.

Lạch ... cách, lạch ... cách ...

Chưa chi mà bọn đánh xe bò đã lấy cơm ra ăn vì thức khuya, để đói bụng, mà bây giờ đã hơn một giờ đêm rồi.

Cơm dở đi đường là cơm mo, nấu thật nhão rồi ép lại trong một tấm mo cau dành riêng để đựng cơm. Khối cơm bị ép dẹp lại như chiếc bánh gói, ngon hơn cơm nắm nhiều, mà lại vệ sinh nữa, vì tay người không hề rờ tới.

Anh đánh xe bò nào cũng giở theo tới ba mo cơm để ăn bây giờ, ăn điểm tâm, và ăn vào giờ Ngọ hôm sau, khi họ còn trên đầu đường về.

Bữa cơm khuya này còn cho họ cái lợi là tránh mất trộm bò. Vâng, bọn cướp ở rừng tài lắm. Họ đang kéo xe đi, chúng vẫn đánh cắp được, dễ như chơi, nếu các anh đánh xe mà ngủ quên.

Có gì đâu! Xe đi chậm lắm. Bọn trộm đông lối ba đứa là làm ăn được rồi. Chúng nó chia ra, hai đứa đi theo mở bò, trong khi một đứa đưa vai lên vác lấy cái đuôi tôm, tức là cái cây từ đầu xe bò đâm ra, cái cây mà đằng đầu ách bò gác lên đó.

Bò được phóng thích rồi thì thẳng vác đuôi tôm, hạ liền đuôi tôm lên sạp của chiếc xe trước, cột lại thật chặt: thế là đôi bò trước kéo một lần hai xe, cặp bò sau thì đi theo bọn trộm.

Không có cái bữa ăn này thì đêm nào

cũng có vài cặp bò bị đánh cắp một cách tài tình như vậy.

Mấy trăm anh đánh xe bò bắt đầu nhai cơm cục mới xắn với khô sặt khi họ rời con đường trái đá xanh, đi vào con đường đá đỏ, con đường rừng thật sự.

Đá đỏ lâu đời đã nát thành bụi nên xe đi êm rơ, và đây là con đường nguy hiểm vì các anh đánh xe rất dễ ngủ quên.

Người lao động họ ăn rất mau, nên mười phút sau, anh nào cũng kéo bầu nước từ trong thùng xe ra, mở nút bầu rồi hả miệng, ngửa mặt lên trời để rót ngay vô cuống họng.

Anh Xòn uống chưa xong thì nghe đằng trước xa lắm, có tiếng la.

Rồi thì xe nầy truyền qua xe khác, tiếng kêu la ấy được lặp lại:

– Đốt đuốc lên!

Anh Xòn biết rằng đã tới khu rừng danh tiếng về mòng rồi, nên vừa hô lên ba tiếng trên đây cho xe sau nghe, vừa lay anh lính xung phong dậy.

– Đốt đuốc lên!

Tiếng lệnh ấy chạy từ đầu đoàn tới cuối đoàn, trong mấy phút đồng hồ nó đi được một cây số, đi suốt bề dài của đoàn xe bò.

Rồi thì ánh lửa đầu tiên nổi lên, cũng cứ nơi đầu đoàn. Ánh lửa cũng chạy dài từ đầu đoàn tới cuối đoàn, như tiếng kêu, chỉ có khác là tiếng kêu không dừng lại xe nào cả và chạy tới xe chót thì tắt luôn, còn ánh lửa nở ra trên xe nào thì tiếp tục soi sáng xe đó và dây lửa dài ấy còn nguyên chớ không chết.

Những anh lính xung phong đốt đuốc xong, vội nhảy xuống xe, một tay cầm đuốc, một tay xách hai chiếc bao bố, nách kẹp một con dao yếm.

Họ chạy theo bò, đập lên lưng mỗi con bò một chiếc bao, xong họ chạy lúp xúp theo xe, sát con bò phía ngoài, để tránh gai ở lề cỏ.

Bao nhiêu anh lính xung phong đều làm có một công việc, y hệt như nhau: họ dùng sống của con dao yếm mà gọt mỏng trên da bò, mỗi một nhát sống dao, họ gọt rớt hăng năm, bảy chục con mòng, chúng nó bị đứt chơn, đứt vôi, rơi xuống đường và sẽ chết hết, khi mặt trời mọc lên.

Nhưng lớp này bị gọt là lớp khác đáp xuống chiếm chỗ trống liền, vì những con thất nghiệp bay vù vù trong không

khí, đen nghệt như muỗi Cà Mau.

Tiểu đội yếm trợ phải biết gọt nơi khác chớ nếu cứ bảo vệ một bộ phận nào của một con bò, một cái đuôi chẳng hạn, thì bộ phận ấy được bình yên thật đó, nhưng các bộ phận khác lại phải chịu đựng quá mức, bò rống nghe mà sốt ruột lên.

Các anh đánh xe bò cũng buông dây, nhảy xuống tiếp tay với các anh “lính chiến”. Họ cũng được võ trang bằng dao yếm, và mỗi người bảo vệ một con bò.

Hai trăm năm mươi cây đuốc giơ lên cao, chờ đợi.

Bò có kinh nghiệm, cũng biết được cái gì đang chờ đợi chúng và cả người lẫn bò nín thở, đợi chờ cái điều kinh khủng sắp xảy ra.

Thình lình năm trăm cái miệng ấy kêu lên một lượt, một tiếng kêu vô nghĩa, và bò, không bị kéo dây mũi, bỗng đứng lại chớ không đi nữa.

Rồi người ta nghe tiếng vù vù như ong vỡ tổ, rồi thì cả năm trăm con bò đều rống lên một lượt: khắp thân thể chúng đen nghệt mòng, không còn thấy da bò nữa, trừ ở một nơi là lưng của chúng mà loài người đã mặc giáp che cho chúng được.

Loại mòng, trời sanh cũng ngộ. Chúng nó chê loài người nhỏ bé quá, ít máu hay sao không rõ, mà chúng chỉ mê bò thôi, chớ không rớ tới người. Nếu chúng tấn công cả loài người nữa thì nghề kéo củi đành phải ngưng lại suốt mùa mòng.

Những người bảo vệ bò nầy cho biết rằng đến một lúc kia trong đêm, họ buồn nôn quá sức, muốn bỏ cuộc mà trốn đi, vì khi họ gọt những đợt mòng sau, máu chảy linh láng vì mấy đợt sau đã đủ thì giờ hút máu bò đến no bụng.

Họ gọt, gọt, và gọt. Mòng sao mà nhiều như cát biển, lớp nầy bị diệt, lớp khác tràn tới trám ngay vào chỗ da vừa được giải phóng.

Chiến thuật “biển mòng” đêm nào cũng có vẻ thắng thế cả, bởi loài người biết mỗi tay còn mòng thì không biết mỗi cánh.

Họ gọt, gọt, và gọt.

Dễ thường màu mặt đường không còn đỏ cái màu đá ong cũ nữa mà xám xịt lớp xác mòng rơi trên đó. Thế mà người

ta có cảm giác như là không giết được con mòng nào, bởi không trung còn đầy đặc mòng đói khát máu sanh vật.

Họ gột, bò rống lên, họ gột và bò vẫn rống những tiếng kêu đau, nghe rất thâm.

Thình lình nghe tiếng hô chạy từ trước ra sau:

– Quất bò nhảy nè!

Đó là cái lệnh của ông Bảy đầu đàn, ông này là thủ lĩnh của đoàn kéo củi, ông biết lúc nào mòng đã chết bớt hơn phân nửa, và đó là lúc nên đi, bởi bò đã chịu đựng nổi rồi, chớ không lẽ cứ đứng yên một chỗ mà đánh giặc với mòng cho tới sáng hay sao?

Nơi mỗi xe, một người thót lên xe, một người ở lại dưới đất.

Người thứ nhì đã tới lúc khổ sở rồi đây, vì hắn phải chạy thật mau mới kịp bò, nhưng vừa chạy phải vừa làm việc, vì tuy mòng đã chết bớt rất nhiều, nhưng số còn sống sót vẫn tiếp tục tấn công bò không ngớt.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, hai người phục vụ một chiếc xe đã luân phiên nhảy lên, nhảy xuống mấy lần, đạo binh mòng phục kích mới chịu rút lui cho.

Chúng không ngán sống dao nhưng rất sợ ban ngày, mà bây giờ thì trời đã gần rạng đông rồi.

Tiểu đoàn xung phong bảo vệ công-voa xe bò tắt đuốc, thót lên xe ngủ lại tức khắc để dưỡng sức, vì đêm sau họ phải tái chiến với mòng nữa, suốt hai tuần lễ chớ không phải ít, bởi ngày nào cũng có mòng non nở ra, cũng có mòng

trẻ trưởng thành, chớ giết một đạo binh trong một đêm không tiêu diệt được mòng đầu.

Họ ngủ, và mấy tay đánh xe cũng ngủ, vì họ đã tiến khá sâu vào rừng không còn sợ trộm nữa.

Bò sẽ tự nhiên nhớ cúp mà ghé lại, và xe ngừng. Thợ rừng trong cúp sẽ đánh thức họ dậy để chất củi lên xe.

Không một tiếng vang

Dòng nước đã đứng ròng. “Đứng” là không chảy nữa, còn “đứng ròng”, khác với “đứng lớn” là được chảy xuôi dòng ra biển, chứ không phải được chảy ngược nguồn, như khi nước đã ròng sát.

Rình con nước từ sớm đến giờ, anh Nhánh nói :

– Thôi, phụ đem ghe ra cho tao, mây.

Anh gọi vợ anh theo lối nhà quê, kêu chị bằng “mây” và xưng “tao” với chị.

Chị Nhánh đang thổi lửa nấu cơm, vội đứng lên, rồi cả hai vợ chồng nhổ sào, chống chiếc ghe nhỏ ra giữa dòng sông.

Khúc sông Đồng Nai ở đây khá rộng, và đó là con sông sâu, tàu lớn chạy được. Nhưng kỳ lạ chưa! Hai vợ chồng anh Nhánh chỉ dùng sào ngắn mà chống, đầu sào chìm dưới nước cỡ lối ba thước thôi. Khi ghe ra tới giữa dòng sông, họ không bỏ neo mà cũng chỉ cạm sào như trong bờ cạn, làm như đây là một con rạch nhỏ, thật nhỏ.

Anh Nhánh mặc quần đùi, mình trần trụi trụi đưa cái lưng đen thui ra. Anh cầm một cái thùng nhỏ, đứng trên be ghe và toan “lông rông”. Nhưng chị Nhánh nói :

– Khoan đã ! Để tôi bắt nổi cơm.

Đây là một loại công việc phải hai người làm mới được, nên anh đành phải đợi vợ nhưng sốt ruột, anh hối thúc :

– Đại đi ! Cho mau đi !

Nồi gạo vo rồi, được chị Nhánh bắt lên chiếc cà ràng mà bây giờ lửa đã cháy hỏa hào hỏa đế rồi. Chị vội vàng lắm vì chị biết chồng chị sốt ruột có lý. Rồi chị chạy trở ra phía trước ngay, nhảy lên mui, để bước cho được lẹ hơn là bò dưới cái mui ghe thấp quá ấy.

*

Anh Nhánh không day lại, cũng biết rằng vợ anh đã ra tới nơi.

Anh xách thúng phóng lẹ xuống nước, đầu trước, cẳng sau.

Chị Nhánh nghe một cái tùm, thấy nước bắn lên trắng xóa và mặt nước khép lại trên người của chồng chị.

Một... hai... sáu... chín... mười hai... mười lăm... hai chục... hăm tám... băm hai...

Chị Nhánh đếm tới đó thì nước dợn rồi một cồn cát nổi lần lần lên. Nước sông trong vắt nên chị thấy được màu cát vàng hồi nó còn ở sâu dưới nước non một thước. Cồn cát cứ trôi, trôi lần và nổi lên khỏi mặt nước. Đó là một cái cồn nhỏ bằng chiếc nón lá... Không ! Đó là thúng cát đầy vun mà anh Nhánh đội trên đầu. Thúng cát vừa nổi lên khỏi mặt nước thì chị Nhánh vói tay xuống bưng lên đổ vào khoang ghe, vì chậm một chút là chồng chị sẽ hụt hơi: anh ấy xúc cát dưới đáy nước xong, đội thúng lên đầu rồi lấy chơn đập đáy sông để tự mình bắn

vọt lên. Tuy chơn anh mạnh vô cùng và anh tự bản như có lò xo bật, nhưng thúng cát thấm nước ấy nặng quá, nên anh nổi hơi chậm mà thì giờ thì đã trôi qua hơn ba mươi giây rồi. Rồi anh Nhánh lại lặn với chiếc thúng không và chị Nhánh lại ngồi đếm và rình thúng cát.

*

Anh Nhánh trước kia là thợ lặn chuyên môn mò cây trên các hàn. Đó là những cây be chở từ rừng về Sài Gòn, bằng đường thủy, dưới những chiếc bè tre. Sông Đồng Nai từng chặn lại có đá hàn, tuy vào mùa nước nổi, bè lọt qua được chớ thỉnh thoảng vài chiếc bè cũng thọ nạn, đứt dây, và cây chìm giữa hàn. Qua mùa nắng, nước sông tương đối cạn đi, anh Nhánh lặn xuống dưới đáy

hàn, mò cây đã mất trong mùa nước, cột dây để trục lên. Sau này, sức anh yếu đi, nên anh dùng tài lặn của mình một cách không nguy hiểm là xúc cá xác cho một tiệm cháo cá. Cá xác thịt rất ngon, nấu cháo ăn thì số dách. Loại cá này chỉ ưa có hai món lương thực, là căn bã do ruột người loại ra và “hèm”, cái món mà miền Bắc gọi là bống, tức bã rượu.

Anh Nhánh chiều chiều đội một chiếc cần xé nhỏ đựng một mớ hèm trong đó, rồi lặn dưới sông. Cá xác đánh hơi hèm, đổ xô vào giỏ cần xé rồi anh bắn tung người anh lên khỏi mặt nước. Anh chỉ lặn độ mười lần là hiệu cháo cá đủ bán suốt đêm đó.

Thấy rằng cả đời làm công không đưa anh tới đâu cả, anh Nhánh bèn dành dụm rồi sắm chiếc thuyền nhỏ này, xúc cát chở xuống Sài Gòn bán.

Sông Đồng Nai có rất nhiều cồn cát nổi, nhưng những cồn ấy bị họ tới kiếm ăn đông quá, đông đến hết chỗ đứng. Và lại bao nhiêu người cứ đào bới thì chầy ngày cồn nổi nào cũng hóa ra cồn ngầm hết ráo. Thế nên anh Nhánh mới tách ra, chiếm độc quyền cái cồn ngầm này, cồn đang thời kỳ thành hình, còn ngầm sâu, không ai thềm rớ tới, vậy mà thích hơn vì khỏi chen chúc, và anh là thợ lặn thì cần gì cồn chìm hay nổi !

Anh Nhánh lên xuống đã được ba mươi lần rồi. Nước càng phút càng ròng và mực nước càng phút càng thấp xuống. Và chiều sâu của khúc sông nơi đó càng phút càng được thâm ngấn. Thế mà anh Nhánh lại không bao giờ trôi lên trước con số ba mươi mà chị Nhánh đếm. Chị Nhánh hơi ngạc nhiên vì, lẽ cố nhiên, hễ nước cạn thì thời gian lặn phải ngắn hơn.

Lần thứ bảy mốt này, chị Nhánh đếm tới bốn mươi mới thấy dạng thúng cát thấp thoáng dưới mặt nước. Vừa rước lấy thúng cát, chị vừa hỏi.

– Sao lâu vậy mình ?

– Tao mệt lắm... ắm... ắm... m.

– Thì đành là đi nhiều chuyến thì phải mệt, nhưng sao chuyến này đi lâu vậy chớ ?

Anh Nhánh thở hỗn hển nói :

– Tao nghe lòng bùng nổ tai quá trời. Ngực với lại màng tang của tao như là có cái gì nặng lắm nó đè lên đó.

– Thì tại mình lặn lâu. Nhưng tại sao mà lâu ? Hỏi hoài hổng chịu trả lời !

– Không phải vì lặn lâu. Tại tao yếu trong mình nữa. Cái nghề này không

làm tới già như các nghề khác được. Còn lặn lâu là tại lớp cát xốp ở trên đã hết. Lớp dưới dễ dặt quá, phải cào lâu mới hốt đầy thúng.

– Thôi nghỉ một lát.

– Nghỉ sao được ! Làm tới nước đứng lớn mà còn chưa đầy ghe thì đừng có nói chuyện nghỉ.

*

Rồi anh Nhánh lại lặn. Nhưng mặt nước vừa khép lại là anh nổi lên liền, với cái thúng không. Anh vói tay vịn be thuyền, nhưng không rút mình lên được như mọi lần mà anh thót một cái là tới nơi, như con khỉ. Chị Nhánh phải cố sức nắm tay anh kéo lên, anh mới ra khỏi mặt nước.

Nằm dài trên sạp ghe, anh Nhánh thở dốc và nói, giọng đuối sức.

– Tao tức ngực quá.

– Thôi ! Bỏ một chuyến.

– Hồng được. Ghe mình mua trả góp, mà góp trễ một kỳ tiền là họ lấy lại.

Chị Nhánh bỏ chồng nằm đó, đi ghế cơm. Khi chị trở ra thì anh Nhánh hỏi :

– Nước gần đứng lớn chưa ?

– Mới có nửa con nước, còn lâu mà !

– Nửa con nước, nhưng ta chưa được nửa ghe cát.

– Khi mạnh khỏe thì khác, giờ bệnh hoạn thì khác chớ ! Mình cứ muốn đầy ghe trong một con nước sao được !

– Một đầu mà một, hai con rồi đó

chớ ! Con nước hôm qua không tính à ?
Nếu phải bốn con nước thì chết đói còn
gì ?

Được đâu chừng tàn một điều thuốc,
anh Nhánh cố chống tay ngồi dậy. Anh
nhìn mặt nước, thở thêm một hồi nữa
rồi xách thúng đứng lên toan nhảy.

– Hồng nghỉ thêm hay sao ? Vợ anh
hỏi.

Anh Nhánh không buồn đáp lại vợ,
lao mình xuống sông liền.

Một...hai... ba... mười... mười tám...
hăm hai... hăm bảy... băm một...băm
chín... bốn mươi hai...

Chị Nhánh đâm lo. Chồng chị nổi
danh lặn giỏi như con rái. Anh Nhánh
lặn đến một phút rưỡi là thường. Nhưng
lần này thì không thường bởi nước đã

cạn lắm rồi, và chồng chị vừa than mệt.

Đếm thêm cho tới chín chục mà
không thấy dạng chồng, chị Nhánh
quỳnh lên và cúi xuống dòm mặt nước.
Anh Nhánh gởi lên vài bong bóng rồi số
tăm tăng lên thật lẹ và nổi lên cũng thật
lẹ.

Bỗng chị Nhánh kêu rú lên : cùng với
số tám ấy, một màu huyết đỏ pha loãng
trong nước, nhuộm hồng một vùng nước
rộng gần bằng cái nia. Chị vụt hiểu ngay
rằng anh Nhánh chảy máu miệng, máu
mũi, hoặc máu tai gì đó và chắc chắn là
anh đã ngất rồi.

Chị phóng lẹ xuống nước như con
chim thẳng chài thấy cá. Chị lặn sâu độ
già một thước là đụng phải đáy cát. Chị
mở banh mắt ra mà nhìn nhưng không
thể thấy xa hơn bốn tấc. Chung quanh

chị bóng tối dày mịn, u u minh minh như trong rừng sâu. Nước sông không trong bằng nước biển và ai có lặn sông mới biết rằng đáy sông dễ sợ hơn đáy biển vì bóng tối dưới ấy có vẻ bí mật ghê lắm.

Chị Nhánh thuở bé tắm sông với trẻ con trong làng, cũng thích lặn lội. Nhưng đã lâu rồi, chị không có chơi trò lặn cút bắt nữa nên đâm nhát. Chị nghĩ đến những con thủy quái mà rùng mình. Mặc dầu vậy, chị cũng đánh bạo sờ soạng tìm chồng. Chị chụp được thúng cát đây, nhưng anh Nhánh thì không thấy đâu cả. Nghe gần hụt hơi, chị Nhánh trồi lên để thở, rồi lại lặn trở xuống.

Cồn cát rộng chừng bằng ba căn nhà, chị phải lên xuống mấy lần mới mò khắp diện tích của nó, nhưng vô hiệu quả.

Tuy dưới đáy nước mà lòng dạ chị

Nhánh nóng như bị lửa đốt, vì thời giờ càng trôi qua, mạng chồng chị càng khó cứu. Thế nên chị trồi lên lần chót rồi thót lên thuyền, đứng trên ấy mà la làng.

*

Xóm ở xa lắm, nên chị la cả buổi, rất cả cổ họng mới nghe tiếng hú trả lời. Rồi từ dưới xóm, xuống nhỏ đâm lên gần hai mươi chiếc.

Những chiếc xuống ba lá ấy tiến mau như ghe chạy buồm và không mấy chốc, họ đã tới nơi.

– Gì đó chị Sáu ? Chú Tư Ngộ hỏi.

– Hu... hu... hu... bà con ơi, anh Nhánh ảnh lặn mất rồi...hu... hu...

– Từ bao lâu ?

– Độ tàn hai điều thuốc.

– Dữ hôn ! Sao không đợi tới chiều hãy la làng cầu cứu.

Cả bọn bỏ xuống, mặc kệ nó trôi đi đâu thì trôi, đồng hè nhảy xuống sông tùm tùm.

Hai mươi người mà không ai mò thấy anh Nhánh đâu cả. Khi cả bọn đều trôi lên đủ mặt, ông Đậu nói :

– Tôi độ nó nhẹ hơn thúng cát nên bị nước cuốn, lăn ra hòm chảo ở bìa cồn.

– Ờ, có lẽ như vậy !

Rồi cả hai mươi người đều thót lên ghe của anh Nhánh, dùng sào dài chống ghe ra khỏi nơi đậu, rồi mò kiếm ở chỗ sâu, cũng bằng mấy cây sào dài ấy.

Họ xâm đáy sông bằng cây sào, lần

theo dốc lòi của cái cồn; nó lòi mãi hơn năm thước thì bỗng sụp xuống đột ngột. Chính cái chỗ đất sụp ấy là cái mà ông Đậu gọi là “hòm chảo”.

– Gì đây nè ? Ba Sang hô to lên.

– Gì đó ? Gì đó ?

– Hình như là nó ?

Có một điều này lạ lùng lắm là xúc giác của con người dường như truyền qua vật chất vô tri giác được và mũi sào đụng cái gì, người cầm sào có thể đoán được cái ấy thuộc loại nào.

Ba Sang nghe mềm mềm, tròn tròn và chú ấy xâm thêm vài cái nữa rồi quả quyết :

– Nó rồi đây ! Tôi giữ sào, ai dài hơi, cứ tuột sào xuống dưới ấy đem nó lên.

Thằng Tư dài hơi nhứt bọn, trong làng nó chỉ kém có một mình anh Sáu Nhánh mà thôi. Chỗ này sâu hơn mười thước nên chỉ có nó là đủ khả năng xuống đó để ôm cái xác nặng lên.

Giây lát sau, quả nhiên nó trôi lên: bên hông, nó ôm xác Sáu Nhánh.

Hai ba người lại nhảy xuống nước, đỡ phụ với nó còn bao nhiêu người khác đứng trên nầy, thông tay xuống mà rước kẻ mắc nạn.

Bếp lửa còn cháy và ông Dậu rinh cả chiếc cà ràng ra phía trước mũi ghe, rồi bốn người khiêng anh Nhánh để trên ngọn lửa mà hơ. Trong khi đó mấy người khác chống ghe vào bờ để có thể xốc nước anh Nhánh. Khi ghe cạm sào vào bờ ở bến xuất phát khi sáng thì thằng Tư lực lưỡng được ông Dậu chỉ định xốc

nước. Thằng Tư mạnh như con trâu cổ, xách cả anh Nhánh lên rồi đặt ngửa anh ta trên lưng nó, đầu anh trở xuống đất. Xong, nó nhảy lên bờ với cục neo nặng ấy rồi chạy băng đồng. Nó chạy như vậy được nửa tiếng đồng hồ thì hụt hơi, và biết trước rằng mình sẽ đuối sức, nó đánh một vòng tròn để lúc không thở ra nữa thì trở lại chỗ cũ.

Một đồng lửa đã được đốt lên tại bến ấy và người ta lại hơ nạn nhân một hồi, rồi thằng Tư lại xốc nước một vòng băng đồng nữa.

Nhưng anh Nhánh cứ lạnh trong giấc ngủ ngàn năm. Anh chết không tên, không tuổi vì cái nghề xúc cát cất nhà cho những người có tên tuổi ở.

Người chuột cống

Đã sáu giờ sáng rồi mà đường còn vắng lạ, vì hôm đó trời mưa. Những hạt mưa nhỏ rít, rơi như hạt bụi trong gió, làm lạnh thấm lòng.

Ba bóng người lấm lũi như bóng ma, đi co ro dưới làn mưa bụi, tiến đến góc đường Nancy. Họ vừa dừng bước thì ánh đèn điện nơi đó cũng vừa tắt.

Người đàn ông và anh con trai mặc áo thun, quần đùi vải đen. Người đàn

bà mặc áo khỉ vải đen. Trừ người đòn bà nẩy ra, thì họ đều có xách mỗi người một cái thùng thiếc và cầm nơi tay một vật như là cây đèn pin. Họ dáo dác nhìn khắp bốn phía, rồi cùng cúi xuống mặt đất một lượt. Họ hè hụi nắm quai sắt của cái nắp ống cống mà giở lên. Nhưng họ không giở tốc ra, chỉ đẩy trịch nó qua một bên, thành ra miệng cống chỉ hở nửa chừng.

Bấy giờ người đòn ông ngó trước xem sau một lần nữa, đoan lượm thùng và đèn, rồi bước xuống hang. Anh ta lần theo nấc của chiếc thang sắt mà leo xuống.

Ở xa mà nhìn, thì người ta có ấn tượng rằng anh bị một con quái vật nuốt lần lần. Khi cái đầu anh ta đã hụp mất rồi thì người con trai lại xuống tiếp liền theo. Cả hai cùng xuống hết. Người đòn

bà một mình, kéo cái nắp cho đầy trám miệng hang lại. Chị ta kéo cực nhọc lắm mà cái nắp bê tông nặng trĩu chỉ chịu xít tới từ chút thôi. Nhưng rốt cuộc rồi cũng được. Hai người đòn ông đã xuống tới đáy giếng. Anh con trai vừa thọc cẳng xuống nước vội giựt lên. Anh nghe cái lạnh chạy từ gang bàn chơn lên tới óc. Nên chi anh ngại không muốn rời nấc thang sắt cuối cùng. Người đòn ông lớn tuổi bấm đèn pin rọi sáng xung quanh, rồi nạt:

– Bước đại xuống coi nà !

Nơi đó là một ngã tư đường cống. Bốn ống cống giáp nhau nơi miệng ấy, nên nước chảy mạnh ồ ạt. Trong ánh đèn pin, người con trai nhìn dòng nước đen như nước thuốc bắc mà ái ngại. Anh ta bịt mũi để bớt thở vô cái mùi hôi thúi nặc nồng trong hang.

Anh vừa quả quyết bước xuống thì bỗng nghe một cái ðùng, nên giựt nảy mình, bước lên một nấc.

– Cá lớn ! Người có tuổi kêu lên như vậy.

Ham quá, anh con trai bước ðại xuống. Nhưng chất bùn nhờn nhờn dưới ðáy cống làm anh ta nhón nhột ở bàn chơn.

Anh nhìn lại bốn cái cống : nó thấp cỡ tới cổ người lớn. Nước chỉ lên tới nửa ống quyển thôi.

– Chun vô ống này. Người ðờn ông lớn tuổi bảo như vậy.

– Ba quen, ba chun trước ði.

Suy nghĩ ðiều gì giây lâu, người cha rọi ðèn vào ống cống bên mặt, rồi khom lưng mà chun vô.

Ði xa miệng cống chừng nào càng ngập chừng ấy.

Người trai bấy giờ không khó chịu vì mùi hôi thúi nữa, mà chỉ khổ vì thiếu không khí. Anh ta ước ao ðược thở hơi thúi ở miệng cống cũng còn sướng hơn không khí ở ðây nhiều.

Nhưng cá nhiều quá, những con cá lóc to bằng bắp chuối cứ lội ðụng chơn họ hoài. Mảng ham chụp cá, hứng cá, mà anh con trai quên tất cả mọi nỗi khó chịu.

– Những bữa trời mưa như vậy mà ði thì cực thiệt, nhưng lại “trúng”.

– Còn mưa lớn, hay nắng, có cá hôn ba?

– Mưa lớn làm gì dám xuống. Còn trời nắng thì cá ít lắm. Cái hồi tao mới

tập đi lần đầu như mấy bây giờ, ông nội
mấy dẫn tao xuống lúc trời tạnh mưa.
Ôi thôi! Lúc trời tạnh mưa, cá chỉ có hốt
mới là hết, chứ không cần bắt nữa.

Họ đã quẹo qua nhiều ngã, đã gặp
nhiều miệng cống, và thùng của hai
người đã nghe nặng lắm rồi.

– Mấy có để ý gì không?

– Không.

– Dường như nước cao hơn, với lại
nước chảy mạnh hơn.

– Ờ phải.

– Có lẽ trời mưa. Lạ. Những buổi
sáng trời mưa to như vậy, thì trời không
mưa lớn được. Nên tao mới dám xuống.
Mà sao...

Hai cha con đứng yên, nghe nước
chảy ngày càng ồ ạt. Mực nước cao lên
trông thấy. Bây giờ nó đã ngập tới đầu
gối hai người.

– Mau trở lên, mưa lớn rồi.

Người cha ra lệnh như vậy, rồi cả hai
đều xây lưng. Thành ra người con dẫn
đầu chứ không phải cha nữa.

Đối với những khúc quanh đầu, trên
đường về, họ không do dự, như đã thuộc
nẻo đi lắm.

Nhưng đến một ngã ba kia, hai cha
con đứng lại nhắm hướng.

Hồi nãy mình nhắm hướng nam mà
đi ra, bây giờ quẹo vô thì trúng, người
cha nói như vậy.

Nhưng mình nào phải chỉ đi ra từ

hướng này. Mình có queo xuống hướng bờ sông kia mà.

Người cha lướt tới vệt một bên rồi rọi đèn pin lên nóc đường hầm rồi quả quyết queo qua tay trái.

Bấy giờ nước đã lên tới bụng họ rồi. Họ chạy, chớ không đi nữa, vì tiếng nước đổ ồ ồ cứ mạnh thêm lên. Tiếng nước vang dội trong hầm cống, nghe như là tiếng thiên binh vạn mã tràn tới.

Nước đã lên khỏi rún họ !

Đến một ngã tư miệng cống, hai cha con bị nước trên đường đổ xuống như thác, làm hai mắt không thấy đường nữa.

– Leo lên ! Không cần kiểm miệng cống cũ nữa. Miễn khỏi chết đuối thời thôi.

Họ leo thang trong khi nước cứ đổ xối xả xuống. Khi tới nắp hầm, ông cha một tay nắm nấc thang, một tay nung thử nắp.

Bỗng ông hốt hoảng la lên :

– Thôi chết rồi !

– Gì đó ba ?

– Mình trúng nắp cống có trét xi măng.

Không bảo nhau, hai cha con lại tuột xuống, con trước, cha sau.

Tới đáy giếng họ thấy ống cống bị ngập quá nửa và nước đã lên gần tới ngực họ.

Hai cha con vô cùng kinh khủng và lại đi nữa trong đường hầm. Họ mong gặp một ngã tư miệng cống khác, nhưng

đi mãi cũng cứ gặp độc đạo.

– Oái !

Đó là một tiếng kêu thất thanh của đứa con đang dẫn đầu.

Người cha cầm đèn pin thì thấy con đang chơi với giữa một dòng nước to rộng lắm: họ gặp phải ống cống cái. Nước trong ống này chảy mạnh như nước nguồn lúc mưa lũ đổ. Anh con trai cố lội ngược dòng để trở vô miệng cống nhỏ, nơi cha anh đứng. Nhưng những cố gắng của anh đều vô ích và càng ngày, anh càng bị đưa đi xa.

Không biết nghĩ sao, người cha cũng lao mình ra ống cống cái và sau một giây là hai cha con đã nắm tay nhau.

Bấy giờ họ không còn thùng và đèn pin nữa. Hai cha con cố lội ngược. Được

vài phút họ đuối quá, và thấy cử chỉ của họ là vô lý. Lội ngược để mà đi đâu mới được chớ.

Như phát minh ra điều gì hay, hai người đều mừng rỡ và đẩy dẩy hy vọng. Họ thả trôi theo dòng nước, mong nước đẩy họ ra sông. Phải, chỉ còn con đường đó mới mong thoát được.

Họ bị đưa đi lẹ như bè tre xuống thác.

Bỗng người cha nghe kêu một tiếng vang dậy trong đường hầm: “Trời ơi”. Tiếp theo đó là tiếng của một vật cứng chạm vào đá, rồi thôi.

Ông ta vừa kịp nhận ra con mình đã bị đập đầu vào vách hầm, và chưa kịp đau lòng thì ông cũng vừa đưa đầu vào đá và không còn biết gì nữa hết.

*

Người đàn bà khi sáng, trở về nhà, đợi vài giờ sau, như thường lệ, rồi ra rước chồng, bằng cách phụ đỡ nắp cống trong khi chồng ở dưới nâng lên.

Nhưng sáng hôm đó, bà ta ra trước giờ, cũng vì đám mưa nguy hiểm. Bà ta dầm mưa mà đi.

Chỗ ấy đường vắng, nên ban ngày họ lên xuống như thường, đã mười mấy năm rồi.

Người đàn bà cúi xuống nắp cống đập hở, kêu: “Ba nó ơi !”, “Con ơi !”. Chỉ nghe tiếng vang dưới cống vọng lên.

Cứ mỗi năm phút bà ta lại kêu một lần.

Và bà ta đợi cho đến tàn đám mưa, qua một đám mưa khác, đợi ngoài nắng đến xế chiều, cũng không thấy tăm dạng chồng con.

Đến chiều, bà lão đảo đứng lên, đi mà không biết đi đâu, không khóc được, vì bà đã hết nước mắt khi năm xưa bà khóc ông cha cũng chết vì nghiệp ấy.

